



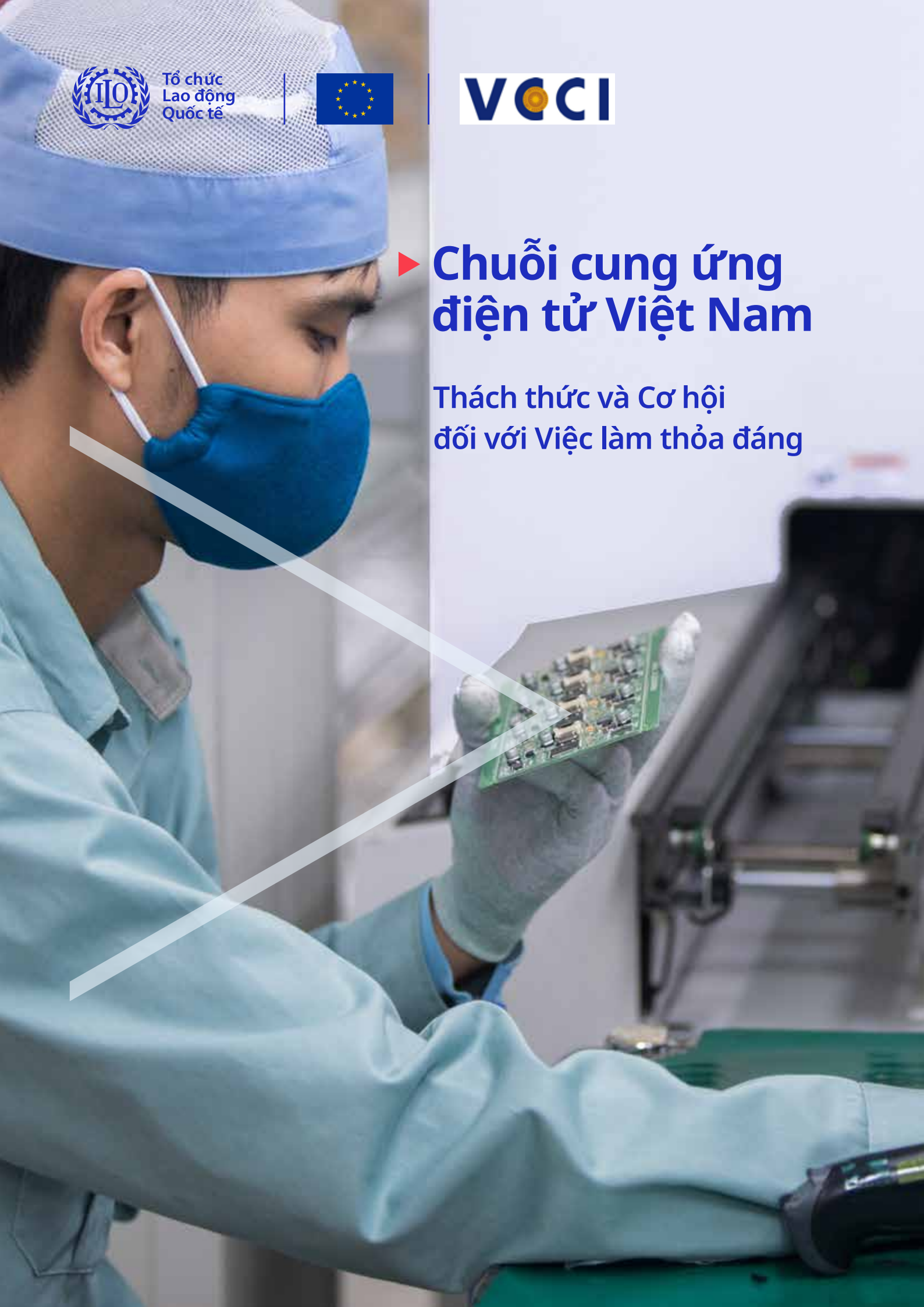
Tổ chức  
Lao động  
Quốc tế



VCCI

# ▶ Chuỗi cung ứng điện tử Việt Nam

Thách thức và Cơ hội  
đối với Việc làm thỏa đáng



# ▶ Chuỗi cung ứng điện tử Việt Nam

Thách thức và Cơ hội đối với  
Việc làm thỏa đáng

Bản quyền © Tổ chức Lao động Quốc tế, 2023

Xuất bản lần đầu năm 2023

Ấn phẩm của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) được công nhận bản quyền theo Nghị định thư số 2 của Công ước Quốc tế về Bản quyền. Tuy nhiên, một số nội dung có thể trích dẫn ngắn mà không cần xin phép, với điều kiện phải ghi rõ nguồn gốc trích dẫn. Đối với quyền tái bản hoặc dịch thuật, phải được đăng ký với Bộ phận Xuất bản của ILO (Quyền và Cấp phép), Văn phòng Tổ chức Lao động Quốc tế, theo địa chỉ CH-1211 Geneva 22, Thụy Sĩ, hoặc qua email: [rights@ilo.org](mailto:rights@ilo.org). Tổ chức Lao động Quốc tế luôn khuyến khích việc đăng ký này.

Thư viện, viện nghiên cứu và những người sử dụng đã đăng ký với các tổ chức cấp quyền tái bản có thể sao chép thông tin theo giấy phép ban hành cho mục đích này. Truy cập vào trang web [www.ifrro.org](http://www.ifrro.org) để biết thêm thông tin về các tổ chức cấp quyền sử dụng tại quốc gia mình.

---

*Chuỗi cung ứng điện tử Việt Nam: Thách thức và Cơ hội đối với Việc làm thỏa đáng, 2023*

ISBN: 978-92-2-038740-5 (bản in)

ISBN: 978-92-2-038741-2 (web PDF)

Ấn phẩm này có xuất bản bằng tiếng Anh: *Viet Nam's electronics supply chain: Decent work challenges and opportunities*. Geneva: International Labour Office, 2022

ISBN 978-92-2-038144-1 (bản in)

ISBN 978-92-2-038145-8 (bản web PDF)

---

Các quy định áp dụng đối với các ấn phẩm của ILO phù hợp với nguyên tắc của Liên hợp quốc, và cách trình bày tài liệu trong ấn phẩm không thể hiện quan điểm của ILO về tình trạng pháp lý của bất cứ quốc gia, khu vực, vùng lãnh thổ hoặc chính quyền hoặc vùng phân định biên giới nào.

Các ý kiến đưa ra trong các bài báo, nghiên cứu, và các tài liệu khác có tên tác giả thuộc trách nhiệm của các tác giả, và việc xuất bản các tài liệu này không mang hàm ý rằng ILO ủng hộ những ý kiến/quan điểm được đưa ra trong các tài liệu đó.

Việc viện dẫn tên công ty, sản phẩm hay quy trình thương mại không đồng nghĩa với việc ILO chứng thực các công ty, sản phẩm hoặc quy trình thương mại đó; và việc không viện dẫn hay nhắc đến trong ấn phẩm cũng không có nghĩa là ILO không ủng hộ một công ty, sản phẩm hay quy trình thương mại cụ thể nào.

Để biết thêm thông tin về các ấn phẩm và tài liệu số của ILO, vui lòng truy cập [www.ilo.org/publns](http://www.ilo.org/publns).

## VỀ LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

---

Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam là tổ chức tập hợp và đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân, người sử dụng lao động và các hiệp hội doanh nghiệp tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là cộng đồng doanh nghiệp). Hoạt động của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hướng đến phát triển, bảo vệ và hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp, đóng góp vào sự phát triển kinh tế-xã hội quốc gia, cũng như thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại và công nghệ với các đối tác nước ngoài trên cơ sở bình đẳng và lợi ích chung, cũng như tuân thủ pháp luật.

Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam được thành lập với hai chức năng chính là:

- Đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam thúc đẩy và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và chính đáng trong nước cũng như trong quan hệ quốc tế
- Thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp, hỗ trợ thương mại, đầu tư và hợp tác khoa học kỹ thuật, và các hoạt động kinh doanh khác của cộng đồng doanh nghiệp tại Việt Nam và ở nước ngoài; thúc đẩy quá trình xây dựng quan hệ lao động hài hòa tại doanh nghiệp.

## VỀ TỔ CHỨC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ (ILO)

---

Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) là cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc có sứ mệnh nâng cao các cơ hội tiếp cận việc làm thỏa đáng và có hiệu quả cao cho phụ nữ và nam giới trong điều kiện tự do, bình đẳng, an toàn và nhân phẩm được tôn trọng. ILO hỗ trợ các chính phủ, các cơ quan đại diện người sử dụng lao động và người lao động ở 187 quốc gia thành viên cùng thảo luận đặt ra các tiêu chuẩn lao động, xây dựng chính sách và thiết kế các chương trình thúc đẩy việc làm thỏa đáng cho cả phụ nữ và nam giới.

Hoạt động của ILO được thực hiện thông qua các mục tiêu của Chương trình Việc làm Thỏa đáng của ILO, theo đó tổng hợp các kiến thức, công cụ, hợp tác và vận động cùng với các đối tác ba bên. Những hoạt động này được quản lý dựa trên kết quả, nhằm thúc đẩy kinh tế và điều kiện làm việc, giúp người lao động, người sử dụng lao động và các chính phủ đều có cơ hội tiếp cận nền hòa bình vĩnh cửu, thịnh vượng và tiến bộ.

Thông qua Vụ Chính sách ngành, hiện nay ILO đang thúc đẩy việc làm thỏa đáng trong 22 ngành kinh tế xã hội ở cả ba cấp toàn cầu, cấp khu vực và cấp quốc gia.

## Lời nói đầu

---

Trong 10 năm qua, ngành điện tử của Việt Nam đã trở thành ngành xuất khẩu quan trọng nhất của nền kinh tế, đưa Việt Nam trở thành một trong những nước sản xuất hàng điện tử hàng đầu trên thế giới. Sự hội nhập mạnh mẽ vào chuỗi cung ứng toàn cầu đã mở ra những cơ hội lớn cho ngành công nghiệp điện tử của Việt Nam, nhưng đồng thời cũng đặt ra những kỳ vọng mới đối với các doanh nghiệp sản xuất, nhà cung ứng, người sử dụng lao động và người lao động.

Kể từ khi bùng phát lần đầu vào đầu năm 2020, đại dịch COVID-19 đã làm gia tăng thâm hụt việc làm thỏa đáng trong các chuỗi cung ứng điện tử toàn cầu do hạn chế di chuyển, mất giờ làm việc và giảm tiền lương bên cạnh việc tạm ngừng thực hiện các thỏa ước lao động tập thể và hủy bỏ lộ trình tăng lương, cùng với các rủi ro về sức khỏe và an toàn. Tại Việt Nam, Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã và đang phối hợp với Chính phủ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (TLDLĐVN), các hội viên và đối tác chuỗi cung ứng của mình để hỗ trợ người lao động quay lại làm việc an toàn và “xây dựng tương lai tốt đẹp hơn” với các quy hoạch kinh doanh liên tục được cải thiện.

Các khuôn khổ hợp tác này đều hướng đến hành động nhằm hỗ trợ và thúc đẩy ngành công nghiệp điện tử nói riêng và chuỗi cung ứng điện tử toàn cầu nói chung, giúp ngành này có thể phát triển một cách bền vững, toàn diện và có khả năng chống chịu tốt hơn. Các hoạt động hợp tác được triển khai dưới sự hỗ trợ của Dự án “Chuỗi cung ứng bền vững để phục hồi hiệu quả hơn sau đại dịch” do Liên minh Châu Âu tài trợ, Chương trình Việc làm tốt hơn (Better Work) Việt Nam của ILO và IFC, và các dự án khác của ILO.

Báo cáo này đánh giá ngành công nghiệp điện tử tại Việt Nam, lĩnh vực xuất khẩu lớn nhất và khu vực ngành nghề sử dụng nhiều lao động nhất tại Việt Nam, với mục đích tìm hiểu các cơ hội và thách thức để nâng cao chất lượng việc làm thỏa đáng trong giai đoạn phục hồi sau COVID-19.

Chúng tôi hy vọng báo cáo tổng quan này sẽ cung cấp thông tin cho các bên liên quan trong nước, cũng như các khuyến nghị để Chính phủ Việt Nam cũng như các nhà sản xuất điện tử Việt Nam nỗ lực hướng tới xây dựng nơi làm việc tốt hơn, cũng như nắm bắt được những cơ hội đưa ngành điện tử trở nên thành công hơn trên thị trường toàn cầu.

## Lời cảm ơn

Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) xin trân trọng cảm ơn nguồn hỗ trợ tài chính của Ủy ban Châu Âu cũng như sự phối hợp hỗ trợ của các đối tác ba bên và các bên liên quan trong ngành điện tử đã đóng góp ý kiến và tham gia vào quá trình xây dựng và xuất bản Báo cáo này.

Đặc biệt, xin gửi lời cảm ơn tới Chính phủ, đại diện người sử dụng lao động và người lao động đã đóng góp vào quá trình chuẩn bị báo cáo, cũng như các đại biểu đã tham dự và đóng góp cho dự thảo báo cáo tại cuộc họp tham vấn ý kiến tại Hà Nội vào ngày 14 tháng 7 năm 2022. ILO và VCCI xin cảm ơn những đóng góp ý kiến quý báu của đại diện các cơ quan: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (LĐ-TB&XH), Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp Điện tử Việt Nam, cũng như các chuyên gia của Văn phòng ILO tại Việt Nam, Văn phòng ILO Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, và Vụ Chính sách Ngành (SECTOR) ILO tại Geneva, Thụy Sĩ.

Báo cáo do Giáo sư D. Gale Raj-Reichert - Đại học Bard Berlin và nhóm nghiên cứu của Viện Khoa học Lao động và Xã hội (KHLĐ&XH) của Bộ LĐ-TB&XH soạn thảo, và được Tiến sĩ Đào Quang Vinh - Chuyên gia tư vấn của ILO, nguyên Viện trưởng Viện KHLĐ&XH, rà soát và hoàn thiện. Quá trình xây dựng báo cáo cũng nhận được những đóng góp hữu ích từ Viện KHLĐ-XH, có sử dụng dữ liệu từ khảo sát của VCCI cho các doanh nghiệp thành viên, và hỗ trợ từ Chương trình Better Work Việt Nam của ILO và IFC.

Về phía VCCI, công tác xây dựng báo cáo do bà Trần Thị Lan Anh, bà Trần Thị Hồng Liên và bà Mai Hồng Ngọc phụ trách. Các đầu vào kỹ thuật cũng được các chuyên gia của ILO cung cấp, bao gồm ông Casper N. Edmonds, ông Youngmo Yoon, bà Caitlin Helfrich, bà Vũ Kim Huế, bà Nguyễn Thị Thanh Thảo, bà Kassiyet Tulegenova và bà Francine Ndong. Xin chân thành cảm ơn những đóng góp của bà Nguyễn Hồng Hà, ông Jeffrey Eisenbraun, bà Samira Manzur, bà Yuki Otsuji, ông Lee Dong-Eung, cũng như bà Ingrid Christensen và ông Nguyễn Ngọc Triệu từ Văn phòng ILO tại Việt Nam. Báo cáo do Bà Valerie Baldwinson - tư vấn độc lập, hiệu đính và rà soát hoàn thiện.

## ► Mục lục

Về Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	iii
Về Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO)	iv
Lời nói đầu	1
Lời cảm ơn	6
Tóm tắt báo cáo	7
<b>Chương 1. Giới thiệu</b>	<b>10</b>
<b>Chương 2. Phương pháp thực hiện</b>	<b>14</b>
<b>Chương 3. Ngành điện tử tại Việt Nam và sự tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu</b>	<b>18</b>
A. Cơ cấu ngành điện tử ở Việt Nam	19
B. Sự tham gia của Việt Nam vào chuỗi cung ứng toàn cầu	19
<b>Chương 4. Tác động của COVID-19 đối với ngành điện tử và các chuỗi cung ứng toàn cầu</b>	<b>32</b>
Bắc Giang	37
Bắc Ninh	43
<b>Chương 5. Tình hình việc làm thỏa đáng trong ngành điện tử Việt Nam</b>	<b>40</b>
A. Lao động	41
B. Điều kiện lao động và an sinh xã hội	51
C. Các Nguyên tắc và Quyền cơ bản tại nơi làm việc và các tiêu chuẩn lao động quốc tế khác	57
A.1. Quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể	57
A.2. Xóa bỏ lao động cưỡng bức, lao động bắt buộc và xóa bỏ lao động trẻ em	59
A.3. Xóa bỏ phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp	59
A.4. An toàn vệ sinh lao động	60
A.4. An toàn vệ sinh lao động	61
<b>Chương 6. Tính bền vững của doanh nghiệp và trách nhiệm tra soát</b>	<b>64</b>
<b>Chương 7. Cơ hội và thách thức chính đối với việc nâng cao chuỗi giá trị và thúc đẩy việc làm thỏa đáng trong quá trình phục hồi hậu COVID-19</b>	<b>68</b>
A. Cơ hội	69
B. Thách thức	70
<b>Chương 8. Kết luận và đề xuất chính sách</b>	<b>74</b>
A. Kết luận	75
B. Khuyến nghị	76
Chính phủ Việt Nam	76
Doanh nghiệp và tổ chức đại diện người sử dụng lao động	78
Tổ chức đại diện của người sử dụng lao động	79
Người lao động và tổ chức đại diện của NLD	80
Các tổ chức quốc tế và hiệp hội ngành nghề khác	81
Tổ chức Lao động Quốc tế	82
<b>Tài liệu tham khảo</b>	<b>84</b>



## Danh mục Bảng

---

Bảng 1.	Câu trả lời của các doanh nghiệp được khảo sát về sản phẩm chủ lực của nhà máy.....	16
Bảng 2.	Doanh nghiệp điện tử theo quy mô lao động, 2019.....	19
Bảng 3.	Sự khác biệt về tổng số đơn đặt hàng trong giai đoạn Q1-Q3 năm 2021 so với Q1-Q3 năm 2019.....	33
Bảng 4.	Thay đổi về số lượng đơn đặt hàng phân theo thị trường chính trong giai đoạn Q1-Q3 năm 2021 so với Q1-Q3 năm 2019.....	34
Bảng 5.	Tổng số việc làm trong ngành điện tử.....	41
Bảng 6.	Số lượng và phần trăm việc làm trong ngành điện tử.....	45
Bảng 7.	Tỷ trọng lao động trong các nghề sơ cấp của ngành điện tử.....	47
Bảng 8.	Tỷ lệ lao động nam và lao động nữ trong các công việc khác nhau của ngành điện tử.....	47
Bảng 9.	Tỷ lệ (%) người lao động theo tình trạng hợp đồng lao động.....	51
Bảng 10.	Thu nhập bình quân hàng tháng của lao động làm công hưởng lương trong ngành điện tử (nghìn đồng).....	52
Bảng 11.	Thu nhập bình quân hàng tháng của các nghề khác nhau trong ngành điện tử (nghìn đồng/tháng).....	53
Bảng 12.	So sánh % tiền lương mà lao động nữ nhận được so với lao động nam.....	54
Bảng 13.	So sánh tỷ lệ việc làm của tất cả lao động nam so với tất cả lao động nữ trong ngành điện tử giai đoạn 2015 - 2021.....	54
Bảng 14.	Tỷ lệ (%) người lao động theo tình trạng tham gia bảo hiểm xã hội.....	56
Bảng 15.	Công ước cơ bản của ILO.....	57
Bảng 16.	Số vụ đình công trong ngành điện tử so với tổng số vụ đình công trên toàn quốc.....	58
Bảng 17.	Danh sách các lĩnh vực thiếu hụt năng lực đào tạo nhất.....	61

## Danh mục Hộp

---

Hộp 1.	Lập bản đồ của các nhóm kỹ năng chính trong ISCO-08 và liên kết với các trình độ giáo dục theo ISCED-97.....	43
Hộp 2.	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và việc làm thỏa đáng trong ngành điện tử.....	79
Hộp 3.	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và công tác thúc đẩy việc làm thỏa đáng trong ngành công nghiệp điện tử.....	81

## Danh mục Hình

---

Hình 1.	Hoạt động xuất khẩu của Việt Nam theo lĩnh vực (2018-2020).....	12
Hình 2.	Xuất khẩu sản phẩm và linh kiện điện tử của Việt Nam từ 2007 đến 2020).....	20
Hình 3.	Sơ đồ tổng thể về chuỗi cung ứng điện tử toàn cầu .....	21
Hình 4.	Giá trị gia tăng “đường cong nụ cười” trong chuỗi cung ứng toàn cầu.....	22
Hình 5.	Tổng mức lương tối thiểu hàng tháng ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương, 2019 (giá trị thực tế và giá trị PPP bằng USD) .....	26
Hình 6.	Tăng trưởng bình quân hàng năm của tiền lương tối thiểu thực tế và năng suất lao động (2010 đến 2019).....	27
Hình 7.	EU nhập khẩu sản phẩm công nghệ cao từ 6 thị trường đối tác hàng đầu, 2011-2021 (tỉ Euro)....	29
Hình 8.	Nhập khẩu các sản phẩm công nghệ cao của EU, từ 20 đối tác hàng đầu, năm 2021 .....	29
Hình 9.	Số ngày các cơ sở sản xuất đóng cửa hoặc tạm dừng hoạt động, phân theo công ty khách hàng...	33
Hình 10.	Thay đổi về số lượng đơn đặt hàng phân theo khách hàng trong giai đoạn Q1-Q3 năm 2021 so với Q1-Q3 năm 2019).....	34
Hình 11.	Đơn đặt hàng ít hơn do sự thay đổi trong việc tìm nguồn cung ứng của khách hàng.....	35
Hình 12.	Đơn đặt hàng ít hơn do sự thay đổi trong việc tìm nguồn cung ứng của thị trường cuối.....	35
Hình 13.	Tác động tổng thể của đại dịch đối với các cơ sở .....	36
Hình 14.	Tổng số lao động có việc làm qua các quý, 2019-2021 (triệu người) .....	36
Hình 15.	Cơ cấu việc làm theo giới tính (%).....	42
Hình 16.	Số lượng việc làm trong ngành điện tử tại Việt Nam dựa trên cấp trình độ kỹ năng (nghìn người).....	44
Hình 17.	Tỷ trọng lao động trong các nghề sơ cấp của ngành điện tử .....	46
Hình 18.	Kết quả khảo sát doanh nghiệp: “Mức độ nghiêm trọng của những thách thức sau trong nhà máy như thế nào?” .....	48
Hình 19.	Lực lượng lao động có trình độ học vấn bậc cao (% tổng dân số trong độ tuổi lao động có trình độ học vấn bậc cao) .....	49
Hình 20.	Lực lượng lao động có trình độ học vấn bậc cao là nữ giới (% dân số là nữ giới trong độ tuổi lao động có trình độ học vấn bậc cao).....	50
Hình 21.	Lực lượng lao động có trình độ học vấn bậc cao là nam giới (% dân số là nam giới trong độ tuổi lao động có trình độ học vấn bậc cao).....	50
Hình 22.	Thu nhập bình quân của lao động làm công hưởng lương trong ngành điện tử (nghìn đồng).....	52
Hình 23.	So sánh % tiền lương mà lao động nữ nhận được so với lao động nam .....	53
Hình 24.	Tỷ lệ lao động làm thêm giờ (trên 48 giờ/tuần) .....	55
Hình 25.	Khó khăn của các nhà máy điện tử khi đáp ứng các yêu cầu của luật lao động và tiêu chuẩn của khách hàng .....	62
Hình 25.	Tỷ trọng giá trị gia tăng của nước ngoài trong tổng kim ngạch xuất khẩu theo ngành, 2005-2016 .....	71

## Danh mục từ viết tắt

---

<b>ASEAN</b>	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
<b>ATVSLĐ</b>	An toàn – Vệ sinh lao động
<b>Bộ CT</b>	Bộ Công thương
<b>CPTPP</b>	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
<b>CSR</b>	Trách nhiệm Xã hội của Doanh nghiệp
<b>DNNVV</b>	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
<b>ĐTLĐVL</b>	Điều tra Lao động – Việc làm
<b>EU</b>	Liên minh Châu Âu
<b>EVFTA</b>	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu
<b>FDI</b>	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
<b>GCVN</b>	Mạng lưới Hiệp ước Toàn cầu Việt Nam
<b>GDP</b>	Tổng sản phẩm quốc nội
<b>GSC</b>	Chuỗi cung ứng toàn cầu
<b>JETRO</b>	Tổ chức Xúc tiến Mậu dịch Nhật Bản
<b>LĐTBXH</b>	Lao động – Thương binh và Xã hội
<b>MNE</b>	Doanh nghiệp đa quốc gia
<b>OECD</b>	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
<b>RBA</b>	Liên minh Doanh nghiệp có trách nhiệm
<b>RCEP</b>	Đối tác kinh tế toàn diện khu vực
<b>TCTK</b>	Tổng cục Thống kê Việt Nam
<b>TLĐLĐ</b>	Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam
<b>TƯLĐTT</b>	Thỏa ước Lao động tập thể
<b>UNDP</b>	Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc
<b>VBCSD</b>	Hội đồng Doanh nghiệp vì Sự Phát triển Bền vững Việt Nam
<b>VCCI</b>	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
<b>VEIA</b>	Hiệp hội Doanh nghiệp Điện tử Việt Nam

# Tóm tắt báo cáo

Báo cáo này đánh giá ngành công nghiệp điện tử tại Việt Nam - là lĩnh vực xuất khẩu lớn nhất và là một trong những ngành sử dụng nhiều lao động nhất tại Việt Nam, với mục đích tìm hiểu các cơ hội và thách thức để duy trì các mục tiêu việc làm thỏa đáng trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch COVID-19.

Ngành công nghiệp điện tử tại Việt Nam đã phát triển vượt bậc chỉ trong một thời gian ngắn. Kết quả này có được phần lớn nhờ Việt Nam đã xây dựng khung pháp lý thuận lợi cùng chính sách thúc đẩy đầu tư nước ngoài, có nguồn cung lao động lớn và hệ thống tiền lương ở mức thấp, ngành công nghiệp đã tham gia ổn định vào các chuỗi cung ứng toàn cầu, cộng với việc Việt Nam đã tham gia ký kết các hiệp định thương mại quốc tế, cũng như sự dịch chuyển sản xuất trong khu vực một phần do đại dịch COVID-19.

Ngành công nghiệp điện tử ở Việt Nam từng ghi nhận sự hiện diện áp đảo của các doanh nghiệp nước ngoài khi các hoạt động sản xuất chuyển đổi trọng tâm từ bán cho thị trường nội địa sang xuất khẩu từ những năm 2000, nhằm thúc đẩy chuỗi cung ứng toàn cầu của họ. Ngày nay, ngành công nghiệp điện tử gồm phần lớn là các doanh nghiệp sản xuất định hướng xuất khẩu, với các "ông lớn" trong ngành như Apple, Samsung, LG, Canon và Foxconn. Phần lớn doanh nghiệp trong nước là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), tập trung sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng thấp cho doanh nghiệp nước ngoài. Một số thương hiệu điện tử trong nước cũng sản xuất cho thị trường nội địa hoặc thị trường xuất khẩu ngách, hoặc sản xuất để cung cấp cho ngành công nghiệp ô tô hay các ngành công nghiệp khác.

Chi phí lao động ở Việt Nam thấp hơn so với các quốc gia láng giềng khác như Trung Quốc và Malaysia, và đây là một yếu tố thu hút đầu tư nước ngoài vào ngành. Nhìn chung, hoạt động được tiến hành trong ngành công nghiệp điện tử ở Việt Nam là các hoạt động sử dụng nhiều lao động và có giá trị gia tăng thấp như lắp ráp và thử nghiệm. Một số ít nhà đầu tư nước ngoài đang tăng nguồn vốn vào các cơ sở nghiên cứu, phát triển có giá trị gia tăng cao hơn và có sử dụng đội ngũ kỹ sư trong nước.

Vào thời điểm đại dịch COVID-19 bùng phát, những quốc gia trong khu vực phải đóng cửa hoặc giảm công suất hoạt động của các nhà máy sản xuất thiết bị điện tử nhằm ngăn ngừa dịch bệnh lây lan. Ngược lại, các biện pháp kiểm soát dịch COVID-19 thành công của Chính phủ Việt Nam đã đẩy nhanh quá trình các doanh nghiệp nước ngoài chuyển dịch sản xuất sang Việt Nam. Các doanh nghiệp đa quốc gia này trước hết tìm kiếm năng lực sản xuất thay thế và bổ sung để đáp ứng nhu cầu gia tăng đối với hàng điện tử tiêu dùng. Ngoài ra, một phần lý do khiến họ chuyển dịch sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam là vấn đề tranh chấp thương mại và thâm hụt thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc. Trong bối cảnh đó, ngày càng nhiều thương hiệu toàn cầu coi Việt Nam là lựa chọn để đa dạng hóa chuỗi cung ứng toàn cầu của họ.

Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi để thúc đẩy quá trình chuyển dịch sản xuất này, như việc Việt Nam đã tham gia một số hiệp định thương mại như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP), và Hiệp định Thương mại Tự do Liên minh Châu Âu-Việt Nam (EVFTA). Những yếu tố này được kỳ vọng sẽ đóng góp vào sự tăng trưởng của ngành công nghiệp điện tử Việt Nam nhờ giảm bớt các rào cản thương mại đối với thị trường xuất khẩu và tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài vào các hoạt động sản xuất định hướng xuất khẩu.

Dựa trên kết quả khảo sát doanh nghiệp, phỏng vấn các doanh nghiệp, lao động điện tử, cơ quan quản lý, tổ chức phi chính phủ cũng như thông tin từ nhiều nguồn dữ liệu thứ cấp khác, báo cáo này trình bày tác động của COVID-19 đối với một nhóm doanh nghiệp điện tử được lựa chọn ở Việt Nam, đặc biệt tại hai tỉnh ghi nhận nhiều đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp điện tử (Bắc Giang và Bắc Ninh), cũng như những thách thức và cơ hội để bảo đảm việc làm thỏa đáng, và các hoạt động liên quan đến tính bền vững của doanh nghiệp và trách nhiệm tra soát trong ngành công nghiệp điện tử.

Nhìn chung, các doanh nghiệp được khảo sát và phỏng vấn trong quá trình xây dựng báo cáo này phải chịu các tác động khác nhau từ đại dịch COVID-19. Hầu hết doanh nghiệp gặp phải những vấn đề như: giá đầu vào và nguyên liệu tăng, đầu vào và nguyên liệu không có sẵn, chi phí hoạt động cao hơn, chậm trễ trong hậu cần, vận chuyển và chậm trễ trong thanh toán của khách hàng. Tuy nhiên, số lượng đơn đặt hàng từ khách hàng trong thời điểm xảy ra đại dịch không thể hiện rõ xu hướng tăng hay giảm. Chính phủ, chính quyền địa phương và ban quản lý các khu công nghiệp đã thực hiện nhiều chính sách, biện pháp hỗ trợ khác nhau nhằm ngăn ngừa sự lây lan của dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe người lao động và tiếp tục duy trì sản xuất. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (TĐLĐVN) và các đơn vị trực thuộc ở cấp địa phương cũng tích cực tham gia hỗ trợ chung để ngành công nghiệp điện tử có thể vượt qua những khó khăn trong đại dịch và xây dựng tương lai tốt đẹp hơn. Tuy nhiên, ngành công nghiệp này vẫn đối mặt với tình trạng thiếu hụt lao động sau khi đại dịch đã được kiểm soát và hoạt động sản xuất trở lại bình thường.

Tình hình việc làm thỏa đáng trong ngành điện tử Việt Nam được đánh giá dựa trên bốn mục tiêu chiến lược của Chương trình Việc làm thỏa đáng: việc làm, quyền lao động, an sinh xã hội và đối thoại xã hội. Ngoài ra, bình đẳng giới và chống phân biệt đối xử là những mục tiêu được kết hợp xuyên suốt.

1. Về việc làm, công nghiệp điện tử là lĩnh vực sử dụng lao động lớn nhất cả nước và phần lớn lao động trong ngành là lao động nữ, dù tỷ lệ lao động nam đang tăng đều trong những năm gần đây. Phần lớn công việc được xếp vào nhóm có kỹ năng trung bình, bao gồm thợ vận hành máy móc/ thiết bị và công nhân lắp ráp. Một phần nhỏ công việc trong ngành thuộc nhóm có kỹ năng cao hơn, chủ yếu là lao động nam phụ trách và không tăng trong những năm gần đây. Các doanh nghiệp nhìn chung cũng thiếu lao động có kỹ năng nghề cao hơn cũng như các kỹ năng mềm.
2. Về quyền lao động, thu nhập bình quân của người lao động trong ngành công nghiệp điện tử ở Việt Nam nhìn chung cao hơn so với mức lương trong lĩnh vực sản xuất trên cả nước. Khoảng cách tiền lương theo giới đã được thu hẹp trong vòng 10 năm qua. Tỷ lệ lao động làm thêm giờ trong ngành cao hơn so với ngành sản xuất nói chung kể từ năm 2015. Theo các doanh nghiệp được khảo sát, họ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các yêu cầu pháp lý liên quan đến thời gian làm việc. Việt Nam hiện chưa có nhiều đánh giá chính thức tổng thể về mức độ an toàn và rủi ro sức khỏe trong lĩnh vực này; tuy nhiên, nghiên cứu của các tổ chức xã hội đã nhận diện một số rủi ro cần được phân tích thêm. Các doanh nghiệp cho rằng họ cần phải tăng cường đào tạo về an toàn vệ sinh lao động.
3. Trong lĩnh vực an sinh xã hội, đóng bảo hiểm xã hội là quy định bắt buộc ở Việt Nam và người lao động trong ngành công nghiệp điện tử có tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội cao hơn so với các lĩnh vực sản xuất nói chung trên phạm vi cả nước. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp cho rằng họ cũng gặp khó khăn trong việc đáp ứng các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo hiểm xã hội.
4. Cuối cùng, đối thoại tại nơi làm việc không được tổ chức thường xuyên trong đại dịch so với thời điểm trước khi đại dịch COVID-19 xảy ra. Các cách tiếp cận đổi mới về đối thoại xã hội bao gồm thí điểm ký kết thỏa ước lao động tập thể với nhiều doanh nghiệp và sử dụng công nghệ kỹ thuật số để tăng cường giao tiếp giữa cấp quản lý và người lao động cũng như giải quyết khiếu nại của người lao động.

Các hoạt động trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở Việt Nam nhìn chung đang phát triển, đặc biệt là với doanh nghiệp nước ngoài và các tổ chức đại diện doanh nghiệp tại Việt Nam như VCCI. Chính phủ Việt Nam cũng đã phối hợp với các đơn vị trong ngành trao giải cho các doanh nghiệp có thành tích trong lĩnh vực này. Tăng cường sự tham gia là yếu tố rất quan trọng đối với ngành công nghiệp điện tử, vì nhiều thương hiệu và doanh nghiệp đối tác tại các thị trường quan trọng như Liên minh Châu Âu (EU) và Hoa Kỳ có nghĩa vụ đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về quyền lao động và môi trường làm việc, đồng thời đã áp dụng các bộ quy tắc ứng xử của doanh nghiệp, chẳng hạn như Bộ Quy tắc Ứng xử của Liên minh Doanh nghiệp có trách nhiệm. Việc các thị trường trọng điểm coi tính bền vững của doanh nghiệp và trách nhiệm tra soát là các điều kiện bắt buộc đã khiến cho doanh nghiệp Việt Nam nhận thấy tầm quan trọng của tuân thủ luật pháp quốc gia và các nguyên tắc của các tiêu chuẩn lao động quốc tế.

Ngoài ra, báo cáo này cũng đưa ra một số khuyến nghị chính sách cho Chính phủ Việt Nam, doanh nghiệp và đối tác xã hội, cũng như ILO và các tổ chức quốc tế khác nhằm thúc đẩy việc làm thỏa đáng và tăng trưởng bền vững của ngành công nghiệp điện tử tại Việt Nam. Các khuyến nghị này dựa trên đánh giá của chúng tôi về những cơ hội lớn mà nhu cầu gia tăng về mặt hàng điện tử và hoạt động mở rộng đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam đem lại, cũng như những khó khăn trong ngành khi hệ thống nhà cung cấp trong nước còn chưa phát triển và Việt Nam vẫn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu nguyên liệu đầu vào. Nếu những cơ hội và thách thức này không được giải quyết và nắm bắt kịp thời, tỷ lệ nội địa hóa cũng như mức độ đóng góp vào tổng giá trị gia tăng trong ngành sẽ khá thấp. Doanh nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn liên quan đến việc thực hiện đầy đủ Bộ luật Lao động năm 2019, tăng cường tuân thủ các quy định về điều kiện lao động và tình trạng thiếu lao động có kỹ năng trong ngành.

Báo cáo trình bày các khuyến nghị chính sách dành cho Chính phủ Việt Nam nhằm sử dụng các chính sách ngành để nâng cao năng lực cạnh tranh, năng suất và điều kiện làm việc của các doanh nghiệp trong ngành, nâng cao trình độ kỹ năng của người lao động cho các công việc trong các ngành nghề đòi hỏi tay nghề cao, và thực hiện hiệu quả luật lao động thông qua tăng cường giám sát điều kiện lao động.

Đối với các doanh nghiệp và tổ chức trong ngành, báo cáo khuyến nghị doanh nghiệp nước ngoài phải tiếp tục đảm bảo hoạt động của họ và các nhà cung cấp tại Việt Nam tuân thủ các mục tiêu về việc làm thỏa đáng, bao gồm áp dụng cơ chế giải quyết khiếu nại hiệu quả và tổ chức đào tạo, nâng cao kỹ năng của người lao động. Doanh nghiệp trong nước cần tận dụng các chính sách và chương trình hỗ trợ hiện có để nâng cao năng lực cạnh tranh và tuân thủ luật pháp lao động, tham gia quan hệ lao động hiệu quả và đảm bảo thực hiện các mục tiêu về việc làm thỏa đáng. Các tổ chức đại diện người sử dụng lao động cần tiếp tục thúc đẩy đối thoại giữa doanh nghiệp, chính phủ và người lao động về xây dựng, thực hiện chính sách nhằm đảm bảo tăng trưởng bền vững của ngành công nghiệp điện tử, đáp ứng các mục tiêu về việc làm thỏa đáng.

Hơn nữa, người lao động cần tham gia các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng, kiến thức và hiểu biết về lợi ích và quyền của họ - phù hợp với mục tiêu về việc làm thỏa đáng. Đối với tổ chức đại diện người lao động, công đoàn cấp trên cần hỗ trợ hoạt động của công đoàn cấp cơ sở. TLĐLĐVN cấp trung ương và cấp tỉnh cần tiếp tục triển khai hoạt động hỗ trợ đào tạo kỹ năng, tư vấn pháp luật và tạo việc làm phù hợp với các mục tiêu về việc làm thỏa đáng.

Các tổ chức quốc tế và hiệp hội doanh nghiệp, dựa trên nhiệm vụ và năng lực chuyên môn của mình, có thể phối hợp, hợp tác với các bên liên quan trong chuỗi cung ứng để đảm bảo tuân thủ các bộ quy tắc ứng xử và chia sẻ thông tin về mức độ tuân thủ của các doanh nghiệp để xác định rõ cơ hội và thách thức duy trì các mục tiêu việc làm thỏa đáng. Cuối cùng, ILO cần tiếp tục hợp tác với các doanh nghiệp, các đối tác xã hội và các bên liên quan khác để thúc đẩy việc làm thỏa đáng phù hợp với các mục tiêu của Tuyên bố ba bên của ILO về các Nguyên tắc liên quan đến Các Doanh nghiệp Đa quốc gia và các chính sách xã hội, đồng thời hỗ trợ chính phủ Việt Nam thực hiện hiệu quả khung khổ quan hệ lao động mới, cũng như triển khai kịp thời và đầy đủ Bộ luật Lao động năm 2019.

# 1.



## Giới thiệu

# Giới thiệu

Ngành điện tử tại Việt Nam đã có sự phát triển vượt bậc trong thập kỷ qua. Điều này được chứng minh bằng sự gia tăng nhanh chóng tỷ trọng xuất khẩu hàng điện tử trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước từ 5% năm 2010 lên 32,22% năm 2021 (TCTK). Kim ngạch xuất khẩu tăng từ 5,2% GDP năm 2010 lên 14% năm 2017 (ILO 2021). Năm 2021, giá trị xuất khẩu hàng điện tử đạt 108,37 tỷ USD, chiếm 1/3 tổng kim ngạch xuất khẩu (Tien 2021) và ngành điện tử ghi nhận sản lượng sản xuất cao nhất trong cả hai mặt hàng điện tử tiêu dùng và linh kiện điện tử (Joseph 2021). Hiện nay, công nghiệp điện tử là ngành xuất khẩu lớn nhất cả nước (Nguyễn và Mah 2022). Năm 2020, Việt Nam đứng thứ 12 thế giới về xuất khẩu sản phẩm điện tử và thứ 2 (sau Trung Quốc) trong danh sách các nhà xuất khẩu điện thoại di động.

Một trong những lý do chính thúc đẩy sự tăng trưởng vượt bậc của ngành điện tử ở Việt Nam là việc tăng cường tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Việt Nam đã trở thành địa điểm sản xuất gia công chính cho các mặt hàng điện tử tiêu dùng như điện thoại thông minh. Các công ty thương hiệu và các nhà cung cấp lớn đã và đang đặt các cơ sở sản xuất trong nước để sản xuất thành phẩm cho xuất khẩu toàn cầu. Do số lượng và quy mô lớn của các cơ sở sản xuất và tính chất thâm dụng lao động của hoạt động sản xuất này, ngành điện tử đã trở thành một trong những ngành sử dụng lao động lớn nhất cả nước (ILO 2021).

Trong những năm sắp tới, sự tham gia của Việt Nam vào chuỗi cung ứng điện tử toàn cầu có thể sẽ được hưởng tác động tích cực của các hiệp định thương mại tự do quốc tế được ký kết gần đây, cụ thể là EVFTA,<sup>1</sup> năm 2019, CPTPP<sup>2</sup> năm 2018 và RCEP. Các hiệp định thương mại này dự kiến đều sẽ giúp tăng sản lượng điện tử và đầu tư nước ngoài vào Việt Nam do thuế quan thuận lợi hơn.

Các yếu tố toàn cầu và khu vực cũng đã khiến Việt Nam trở thành một địa điểm cung ứng quan trọng cho các chuỗi cung ứng điện tử toàn cầu. Việc tăng lương ở nước láng giềng Trung Quốc và kim ngạch thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc giảm đã dẫn đến việc một số nhà máy sản xuất rời khỏi Trung Quốc và chuyển sang Việt Nam (Tang 2019).

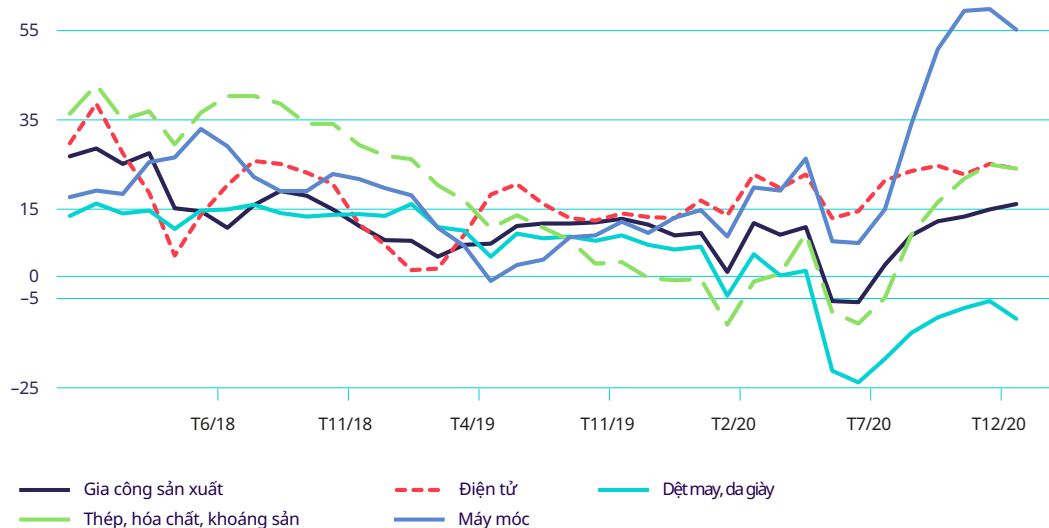
Đại dịch COVID-19 tác động tới ngành điện tử theo cả hai hướng tiêu cực lẫn tích cực. Trong giai đoạn đầu của đại dịch (Quý 1 năm 2020), trong khi kim ngạch xuất khẩu một số thiết bị điện tử tiêu dùng như máy in, máy ảnh và linh kiện giảm 52%, các sản phẩm khác như máy tính, điện thoại và linh kiện điện thoại lại tăng 16% (ILO 2020). Điều này cho thấy sự thay đổi về nhu cầu đối với một số loại sản phẩm điện tử khi người tiêu dùng trên toàn cầu bị phong tỏa và mua nhiều sản phẩm hơn để làm việc, học tập và giải trí tại nhà (Stewart và Crossan 2022). Một yếu tố quan trọng khác là Việt Nam đã sớm kiểm soát dịch bệnh tương đối thành công, nên các hoạt động sản xuất của các nhà máy vào thời gian đó vẫn được duy trì. Điều này không xuất hiện ở các quốc gia sản xuất thiết bị điện tử lân cận, như Trung Quốc và Malaysia, khi nhà máy sản xuất tại những quốc gia này phải đóng cửa hoặc giảm quy mô vận hành vào đầu năm 2020. Do đó, một số doanh nghiệp nước ngoài đã quyết định chuyển dịch sản xuất từ các quốc gia trong khu vực, và mở rộng hoạt động sản xuất, sang Việt Nam. Năm 2020, ngay giữa đỉnh dịch COVID-19, Việt Nam là một trong số ít quốc gia ghi nhận mức tăng trưởng tích cực về sản lượng điện tử và xuất khẩu. Điều này trái ngược với ngành xuất khẩu lớn thứ hai trong nước - ngành may mặc - với sự sụt giảm xuất khẩu trong thời gian đó (ILO 2020). Hình 1 cho thấy so với các ngành công nghiệp khác trong nước, ngành điện tử bị ảnh hưởng ít hơn trong làn sóng đại dịch đầu tiên vào năm 2020 và có giá trị xuất khẩu phục hồi nhanh chóng lên mức tương đương năm 2019 trong hai quý cuối năm 2020 (IMF 2022).

1 Ủy ban Châu Âu, 2019, [Hiệp định Thương mại EU-Việt Nam và Hiệp định Bảo hộ Đầu tư Việt Nam](#).

2 Bộ Công thương, n.d. "[CPTPP: Viet Nam's commitments in Some Key Areas](#)".



► Hình 1. Hoạt động xuất khẩu của Việt Nam theo lĩnh vực (2018-2020)



Nguồn: IMF (2022)

Hiện nay, ngành công nghiệp điện tử ở Việt Nam tiếp tục phát triển thông qua việc tăng cường tham gia vào các chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong bối cảnh ngành công nghiệp và tình hình đất nước phục hồi sau đại dịch COVID-19, việc đáp ứng mục tiêu việc làm thỏa đáng đi kèm với cơ hội và cả những thách thức. Làm thế nào để tăng trưởng ngành điện tử có thể đảm bảo các kết quả bền vững và việc làm thỏa đáng cho người lao động tại Việt Nam là một mục tiêu quan trọng đối với Chính phủ Việt Nam, doanh nghiệp, người lao động và các bên liên quan khác trong ngành.

Dựa trên kết quả Khảo sát nhanh do Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) phối hợp thực hiện với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) trong khuôn khổ Dự án “Chuỗi cung ứng bền vững để phục hồi hiệu quả hơn sau đại dịch” do Liên minh Châu Âu<sup>3</sup> tài trợ, báo cáo này đánh giá tình hình việc làm thỏa đáng trong ngành công nghiệp điện tử ở Việt Nam trước và trong thời điểm xảy ra đại dịch, đồng thời, đưa ra khuyến nghị cho các bên liên quan trong ngành để thúc đẩy việc làm thỏa đáng.

Chương 2 của Báo cáo này tóm tắt phương pháp nghiên cứu, loại dữ liệu và các nguồn dữ liệu được sử dụng trong báo cáo này. Chương 3 và chương 4 giới thiệu về ngành điện tử của Việt Nam và sự tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Chương này giới thiệu bản đồ tổng quát về các loại hình doanh nghiệp khác nhau, quy trình sản xuất và sản phẩm của họ cũng như thị trường xuất khẩu – đồng thời cũng thảo luận về tác động của đại dịch COVID-19 đối với một nhóm các nhà cung cấp thiết bị điện tử và tác động đối với ngành điện tử ở hai tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh. Chương 5 tìm hiểu thực trạng mục tiêu việc làm thỏa đáng trong ngành điện tử ở Việt Nam dựa trên bốn trụ cột của Chương trình Nghị sự về Việc làm Thỏa đáng của ILO. Chương 6 bàn luận về tính bền vững của doanh nghiệp và trách nhiệm tra soát trong ngành công nghiệp điện tử cùng với vai trò của các đối tác và các bên liên quan trong quá trình này. Chương 7 trình bày những cơ hội và thách thức chính mà Việt Nam có thể phải đối mặt dựa trên những thay đổi về bối cảnh từ cả bên trong và bên ngoài, khuôn khổ pháp lý, chính sách và năng lực để phát triển hơn nữa ngành công nghiệp điện tử và đáp ứng các mục tiêu việc làm thỏa đáng. Chương 8 đưa ra các kết luận chính và khuyến nghị chính sách cho các bên liên quan khác nhau nhằm góp phần đạt được mục tiêu việc làm thỏa đáng trong ngành điện tử ở Việt Nam - bao gồm cả giai đoạn phục hồi hậu COVID-19.

3 Dự án ILO-EU 2021-2023. [Việc làm thỏa đáng trong chuỗi cung ứng toàn cầu: Chuỗi cung ứng bền vững để phục hồi hiệu quả hơn \(ilo.org\)](https://ilo.org).



# 2.

Phương pháp thực hiện

ĐÃ SCAN

# Phương pháp thực hiện

Các phân tích và thảo luận trong báo cáo này được đưa ra dựa trên dữ liệu sơ cấp và thứ cấp.

Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua phỏng vấn sâu,<sup>4</sup> với người trả lời cả ở trong nước và nước ngoài. Tại Việt Nam, các cuộc phỏng vấn và thảo luận nhóm tập trung đã được thực hiện vào Quý 4 năm 2021 giữa các đối tác ba bên quan trọng ở cấp trung ương, bao gồm đại diện Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH), VCCI, TLĐLĐVN và Hiệp hội Doanh nghiệp Điện tử Việt Nam (VEIA). Các cuộc phỏng vấn này được tổ chức tại Bắc Giang và Bắc Ninh - những tỉnh đã nhận được đầu tư nhiều hơn và mở rộng sản xuất của các doanh nghiệp điện tử lớn trong hai năm qua (Vy 2022). Tại cả hai tỉnh, các cuộc phỏng vấn được thực hiện với đại diện Sở LĐTBXH, Sở Công thương, Liên đoàn Lao động tỉnh và Ban Quản lý các Khu công nghiệp. Ngoài ra còn có các cuộc phỏng vấn với VCCI, TLĐLĐVN và VEIA vào tháng 3 năm 2022, thông qua đó quan điểm và hành động của các bên liên quan chính trong chuỗi cung ứng này đã được cập nhật khi tình hình đại dịch thay đổi đáng kể.

Bên ngoài Việt Nam, các cuộc phỏng vấn đã được tiến hành với một thương hiệu sử dụng nguồn cung ứng từ các nhà cung cấp ở Việt Nam và từ một doanh nghiệp sản xuất đang hoạt động tại Việt Nam (cả hai đều có xuất xứ Hoa Kỳ). Ngoài ra còn có các cuộc phỏng vấn với hiệp hội ngành nghề, tổ chức nghiên cứu và tổ chức quốc tế khác có trụ sở tại Liên minh Châu Âu (EU).

Ngoài ra, dữ liệu sơ cấp đã được thu thập từ cuộc khảo sát với sự tham gia của 42 doanh nghiệp điện tử. Nội dung của khảo sát này (sau đây gọi là "Khảo sát nhanh VCCI/ILO") bao gồm các câu hỏi liên quan đến tác động của đại dịch COVID-19 và ứng phó của doanh nghiệp, điều kiện làm việc, và nhu cầu đào tạo. Khảo sát được thực hiện để nắm thông tin về hoạt động kinh doanh và điều kiện làm việc trong ngành trước và trong đại dịch.

Khảo sát nhanh VCCI/ILO được tiến hành vào tháng 12/2021 và tháng 1/2022. Phần lớn các doanh nghiệp trả lời trong cuộc khảo sát đều tham gia vào sản xuất linh kiện điện tử. Có bốn doanh nghiệp là nhà cung cấp linh kiện điện tử cho ô tô, xe máy (xem Bảng 1 dưới đây).

Quy mô nhân lực trung bình của doanh nghiệp trong mẫu khảo sát là 1.096 lao động (bao gồm tất cả lao động ngoại trừ lao động có hợp đồng tạm thời), trong đó 918 người là công nhân đang làm việc tại dây chuyền sản xuất hoặc trực tiếp tham gia các hoạt động sản xuất, không ở vị trí giám sát. Trung bình, khoảng 60% người lao động và công nhân sản xuất trong các doanh nghiệp được khảo sát là nữ. 36/42 doanh nghiệp được khảo sát có 100% vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và 3 doanh nghiệp là loại hình liên doanh giữa các doanh nghiệp Việt Nam và các nhà đầu tư châu Á. Nhìn chung, các thị trường mục tiêu hàng đầu của doanh nghiệp theo thứ tự ít quan trọng dần là: Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Việt Nam và các quốc gia khác.<sup>5</sup>

4 Những nội dung này sẽ được trình bày trong ngoặc kép, theo thông tin về năm mà các cuộc phỏng vấn diễn ra, ví dụ (Phỏng vấn 2021).

5 Các quốc gia khác bao gồm: Singapore, Malaysia, Indonesia, Cuba, Thụy Điển và 2 quốc gia không rõ tên.

► **Bảng 1. Câu trả lời của các doanh nghiệp được khảo sát về sản phẩm chủ lực của nhà máy**

Sản phẩm chủ lực theo Mã VISC (n = 42 *)	Số lượng doanh nghiệp	%
Linh kiện điện tử (C 261)	32	76,19
Máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính (C 262)	0	0
Thiết bị truyền thông (C 263)	1	2,38
Sản phẩm điện tử dân dụng (C 264)	1	2,38
Thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; đồng hồ (C 265)	1	2,38
Thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp (C 266)	1	2,38
Thiết bị và dụng cụ quang học (C 267)	1	2,38
Băng, đĩa từ tính và quang học (C 268)	1	2,38
Khác (nêu rõ sản phẩm và/hoặc mã VISC nếu có thể)	10	23,80

Nguồn: Khảo sát nhanh VCCI/ILO

Do Khảo sát nhanh chỉ phỏng vấn 42 người nên kết quả nghiên cứu sẽ không có tính khái quát hóa cho toàn bộ ngành điện tử ở Việt Nam. Các phát hiện thông qua khảo sát phản ánh tình hình và điều kiện làm việc tại 42 doanh nghiệp vào thời điểm những doanh nghiệp này nói riêng và ngành điện tử nói chung vẫn đang trong quá trình phục hồi từ đại dịch. Do đó, kết quả khảo sát cung cấp cái nhìn sâu sắc và ví dụ về những cơ hội và thách thức mà các loại hình doanh nghiệp khác nhau trong ngành điện tử Việt Nam phải đối mặt, tuy nhiên sẽ không được sử dụng để đưa ra các kết luận cụ thể về những thách thức và cơ hội việc làm thỏa đáng trong ngành điện tử nói chung.

Dữ liệu thứ cấp được phân tích từ báo cáo về ngành điện tử của Viện Khoa học Lao động và Xã hội (ILSSA) thuộc Bộ LĐTBXH. Báo cáo này trình bày dữ liệu từ cuộc khảo sát 45 doanh nghiệp điện tử được thực hiện vào năm 2021. Một báo cáo khác của ILSSA (2022) đã kết hợp các phát hiện từ khảo sát này cùng với phân tích số liệu thống kê từ Điều tra Lao động Việc làm của Tổng cục Thống kê (TCTK). Các đồ thị, bảng biểu và dữ liệu từ báo cáo ILSSA (2022) đã được sử dụng trong báo cáo này. Cuối cùng, báo cáo cũng tham khảo nhiều bài báo của các cơ quan thông tấn, bài viết học thuật và báo cáo nghiên cứu.



# 3.

Ngành điện tử tại  
Việt Nam và sự  
tham gia vào chuỗi  
cung ứng toàn cầu

## A. Cơ cấu ngành điện tử ở Việt Nam

Trong thập kỷ qua, số lượng doanh nghiệp đăng ký sản xuất sản phẩm máy tính, sản phẩm điện tử và quang học tại Việt Nam đã tăng lên đáng kể, từ 613 lên đến 2.532 doanh nghiệp trong giai đoạn 2010 – 2019 (TCTK, n.d.). Phần lớn các doanh nghiệp điện tử tại Việt Nam có quy mô nhỏ. Bảng 2 trình bày tổng số cơ sở trong năm 2019, trong đó 42% cơ sở có dưới 10 công nhân. Bên cạnh đó, cũng có 18% cơ sở có trên 200 công nhân.

▶ **Bảng 2. Doanh nghiệp điện tử theo quy mô lao động, 2019**

Số lượng lao động	< 5	5–9	10–199	200–299	300–499	500–999	1.000–4.999	5.000+ lao động
Số lượng doanh nghiệp	666	401	1.007	80	112	126	116	24
Tỷ lệ (%)	26%	16%	40%	3%	4%	5%	5%	1%

Nguồn: TCTK (2021)

Năm 2020, số lượng doanh nghiệp FDI là 22.200, chiếm 3,2% tổng số doanh nghiệp của Việt Nam.<sup>6</sup> Mặc dù doanh nghiệp nước ngoài chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong số các doanh nghiệp đang hoạt động trong nước, số này lại đứng ở vị trí chủ đạo trong sản xuất và thị trường xuất khẩu. Năm 2021, tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đối với điện thoại và linh kiện điện thoại là 99,3%, đối với thiết bị điện tử, máy tính và linh kiện là 98,1% (TCTK 2021c, 26).

## B. Sự tham gia của Việt Nam vào chuỗi cung ứng toàn cầu

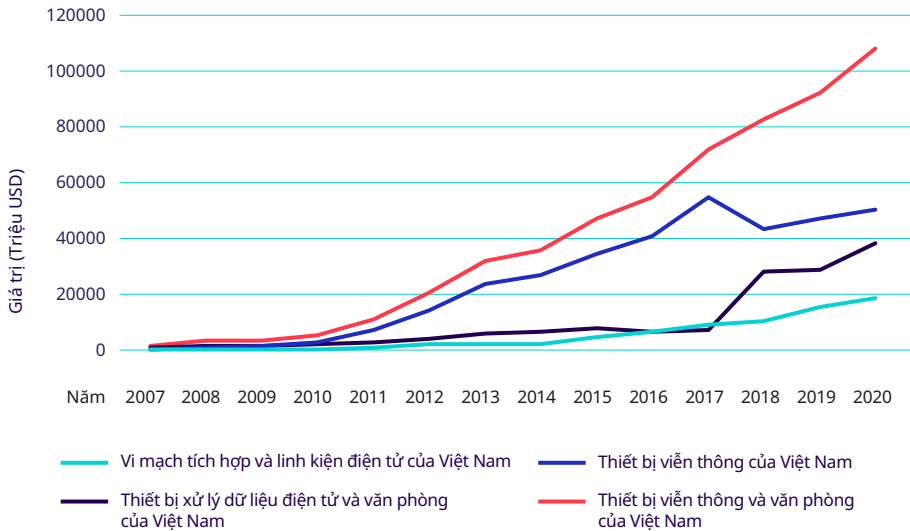
Sự tham gia ngày càng nhiều của ngành điện tử Việt Nam vào chuỗi cung ứng toàn cầu được chứng minh bằng tỷ trọng ngày càng cao của Việt Nam trong xuất khẩu toàn cầu các sản phẩm và linh kiện điện tử. Điều này được thể hiện bằng đường màu cam trong Hình 2, biểu thị các mặt hàng sản xuất điện tử xuất khẩu thuộc danh mục sản phẩm “Thiết bị văn phòng và viễn thông”, trong đó có “Thiết bị văn phòng và xử lý dữ liệu điện tử”, “Thiết bị viễn thông”, “Vi mạch tích hợp và linh kiện điện tử”.<sup>7</sup> Nhóm sản phẩm phụ xuất khẩu lớn nhất (đường màu vàng) là “Thiết bị viễn thông”, bao gồm ti vi, radio, thiết bị ghi âm, ghi hình và điện thoại, bao gồm cả các bộ phận và linh kiện sản phẩm. Nhóm sản phẩm phụ xuất khẩu lớn thứ hai (đường màu xám) là nhóm “Thiết bị văn phòng và thiết bị xử lý dữ liệu điện tử”, bao gồm máy tính, máy photocopy và máy in (bao gồm cả các bộ phận và linh kiện sản phẩm). Nhóm sản phẩm phụ xuất khẩu nhỏ nhất (đường màu xanh) là vi mạch tích hợp và linh kiện điện tử, bao gồm vi mạch và các loại linh kiện truyền tải khác. Các quỹ đạo đi lên cho thấy sự tham gia ngày càng nhiều của Việt Nam vào hoạt động sản xuất và xuất khẩu các nhóm sản phẩm này trên toàn thế giới.

6 Nguồn: Tổng Cục Thống kê, 2022. Tổng điều tra kinh tế năm 2021: kết quả sơ bộ.

7 Phân loại nhóm sản phẩm theo Danh mục Tiêu chuẩn Quốc tế về phân loại hàng hoá bản sửa đổi lần thứ 3 (SITC Rev.3). Thiết bị văn phòng và viễn thông bao gồm các mã 75, 76, 776. Thiết bị Xử lý dữ liệu điện tử và thiết bị văn phòng mã 75, Thiết bị viễn thông mã 76, vi mạch và linh kiện điện tử mã 776. Xem SITC Rev. 3 tại [DimSicRev3Products\\_Official\\_Hierarchy](https://www.unctad.org/DimSicRev3Products_Official_Hierarchy) (unctad.org).



► **Hình 2. Xuất khẩu sản phẩm và linh kiện điện tử của Việt Nam từ 2007 đến 2020**



Nguồn: Số liệu thống kê thương mại của WTO 2007-2020

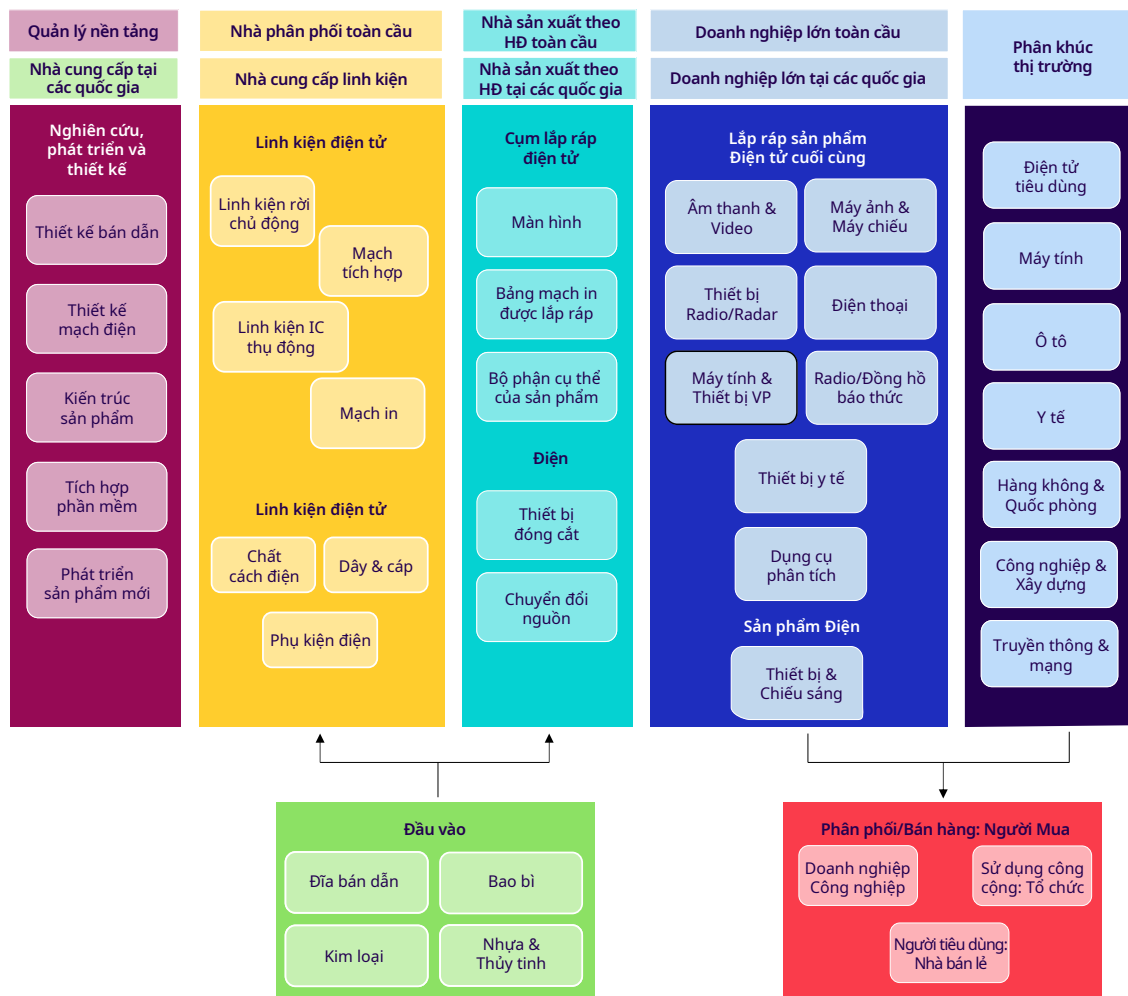
Theo Tổng cục Thống kê, đến năm 2021, chỉ mới có tám mặt hàng sản xuất tại Việt Nam thuộc tất cả các ngành công nghiệp có thể đạt kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD. Hai trong số tám sản phẩm này thuộc ngành công nghiệp điện tử, đó là mặt hàng điện thoại và linh kiện (giá trị xuất khẩu đạt 57,5 tỷ USD vào năm 2021) và mặt hàng điện tử, máy tính và linh kiện (giá trị xuất khẩu đạt 51 tỷ USD vào năm 2021) (GSO 2021c). Hai nhóm hàng xuất khẩu này đạt kim ngạch khoảng 108,5 tỷ USD vào năm 2021. Những con số này cho thấy sự tham gia của Việt Nam vào chuỗi cung ứng điện tử toàn cầu tập trung vào một số sản phẩm. Đầu tiên là điện thoại di động/điện thoại thông minh và linh kiện điện thoại, là những sản phẩm điện tử tiêu dùng được lắp ráp lớn nhất tại Việt Nam. Xuất khẩu điện thoại thông minh và các bộ phận/linh kiện điện thoại duy trì kim ngạch khoảng 50 tỷ USD/năm trong ba năm qua (Vietnam Plus 2022a). Năm 2019, Việt Nam là nước xuất khẩu điện thoại cao thứ hai trên thế giới (Nguyen 2020). Theo TCTK (năm 2021), (ước tính) 233 triệu điện thoại di động đã được sản xuất vào năm 2021, tăng 107,6% so với năm 2020.

Samsung là nhà đầu tư và sản xuất điện tử (điện thoại thông minh và linh kiện điện tử) lớn nhất cả nước. Năm 2022, báo cáo cho biết riêng Samsung đã chiếm 20% tổng giá trị xuất khẩu hàng điện tử của Việt Nam (Vy 2022). Việt Nam cũng là địa điểm sản xuất lớn nhất của Samsung. Năm 2020, 72% trên tổng số điện thoại thông minh Samsung được lắp ráp tại Việt Nam (Joseph 2021). Năm 2019, Samsung sử dụng 160.000 lao động tại Việt Nam (Thao 2019). Các thương hiệu điện thoại thông minh khác được sản xuất tại Việt Nam là Nokia (với 19% số điện thoại thông minh của hãng được lắp ráp tại Việt Nam) và LG (với 6% trong tổng số điện thoại thông minh của LG được lắp ráp tại Việt Nam) (Joseph 2021).

Hình 3 là sơ đồ tổng quát về các loại sản phẩm và hoạt động khác nhau trong chuỗi cung ứng điện tử toàn cầu. Cùng với giá trị gia tăng “đường cong nụ cười” trong Hình 4, các hoạt động mang lại giá trị gia tăng hoặc lợi nhuận cao nhất trong chuỗi cung ứng thuộc nhóm các hoạt động phi sản xuất là “Nghiên cứu - Phát triển, và Thiết kế”. Phần lớn hoạt động này được tiến hành bởi các công ty ủy quyền của các nhãn hàng hoặc các nhà cung cấp linh kiện hàng đầu như các nhà sản xuất chip bán dẫn. Các hoạt động sản xuất hoặc chế tạo bao gồm sản xuất “đầu vào” có thể bao gồm các sản phẩm có giá trị gia tăng rất cao như chip và tấm bán dẫn hoặc các sản phẩm có giá trị gia tăng thấp như bao bì và kính. Các đầu vào như màn hình được sử dụng để sản xuất “linh kiện điện và điện tử” và “phụ kiện điện và điện tử”. Các linh kiện cũng khác nhau và có thể bao gồm từ bảng mạch in - đòi hỏi phải có hạ tầng sản xuất và công nghệ xử lý tiên tiến, cho đến các loại dây và cáp quang kém phức tạp hơn (Frederick và Gereffi 2013). Các linh

kiện và phụ kiện này được đưa vào giai đoạn sản xuất cuối cùng của “Sản phẩm điện tử” và “Sản phẩm điện”, và những sản phẩm này được vận chuyển đến người tiêu dùng cuối cùng thông qua các hoạt động phi sản xuất bao gồm phân phối, hậu cần và bán hàng tại các cửa hàng hoặc bán trực tuyến. Nội dung này được thể hiện ở mục “Phân phối/Bán hàng: Người mua”.

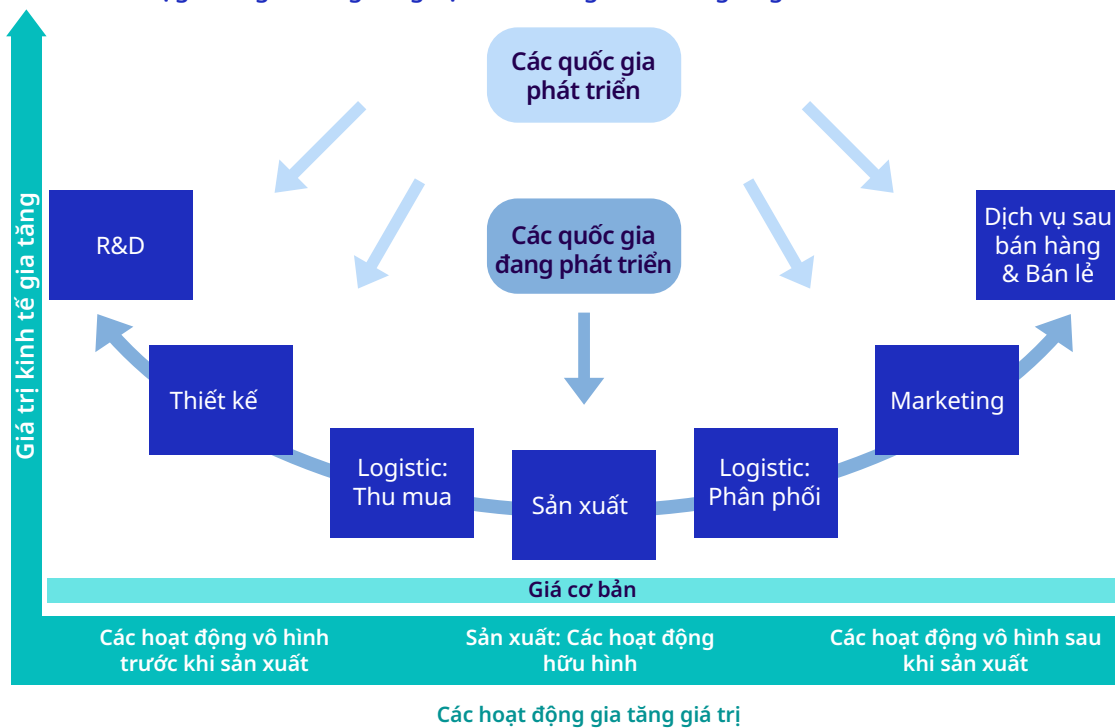
► Hình 3. Sơ đồ tổng thể về chuỗi cung ứng điện tử toàn cầu



Nguồn: Frederick, S. và Gereffi, G. (2013)

Hình 4 là một hình họa đơn giản giúp đánh giá các hoạt động có giá trị gia tăng cao và thấp trong chuỗi cung ứng điện tử toàn cầu. Phần bên trái và bên phải của đường cong đại diện cho các hoạt động có giá trị gia tăng cao hơn, bao gồm nghiên cứu - phát triển các linh kiện và sản phẩm, tiếp thị và xây dựng thương hiệu. Phần giữa của đường cong thể hiện hoạt động lắp ráp có giá trị gia tăng thấp hơn của chuỗi cung ứng điện tử toàn cầu. Tại Việt Nam, ngành điện tử chủ yếu tập trung vào hoạt động lắp ráp cuối cùng có giá trị gia tăng thấp và thâm dụng lao động. Theo Bộ LĐTĐ (2022), ngành hiện đang “lắp ráp linh kiện điện tử theo quy trình chuẩn hóa và hướng dẫn chi tiết, đo lường và thử nghiệm sản phẩm theo hướng dẫn, dán nhãn và dán logo trên các sản phẩm điện tử, v.v.”. Phần lớn hoạt động này là lắp ráp các bộ phận và linh kiện nhập khẩu. Trong năm 2019, Việt Nam phụ thuộc chủ yếu vào nhập khẩu từ Trung Quốc (chiếm 33% tổng kim ngạch nhập khẩu điện tử), tiếp theo là Hàn Quốc (31%) và Nhật Bản (8%) (Nguyễn 2020). Cán cân thương mại trong ngành điện tử thay đổi theo từng nhóm sản phẩm. Năm 2021, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng “điện tử, máy tính và linh kiện” là 75.940 tỷ USD, cao hơn kim ngạch xuất khẩu (51.013 tỷ USD). Tuy nhiên, giá trị nhập khẩu “điện thoại và linh kiện điện thoại” trong cùng năm là 21.560 tỷ USD, thấp hơn giá trị xuất khẩu (57.536 tỷ USD). Theo nghiên cứu của Tran và cộng sự (2020), lợi nhuận của các ngành như điện tử (cũng như ngành may mặc và da giày) tham gia vào quá trình lắp ráp cuối cùng ở Việt Nam là khoảng 5 đến 10%. Điều này có nghĩa là mặc dù có khối lượng xuất khẩu rất lớn, nhưng lợi ích kinh tế từ việc Việt Nam tham gia vào chuỗi cung ứng điện tử toàn cầu là tương đối nhỏ.

► Hình 4. Giá trị gia tăng “đường cong nụ cười” trong chuỗi cung ứng toàn cầu



Nguồn: Fernandez-Stark và Gereffi (2016)

Việc chuỗi cung ứng điện tử ở Việt Nam có tính chất tập trung cao vào hoạt động lắp ráp cuối cùng trong chuỗi cung ứng xuất phát từ các đặc điểm như: các loại hình doanh nghiệp trong nước, loại sản phẩm họ sản xuất, đối tượng khách hàng và thị trường xuất khẩu, loại kỹ năng cần thiết cho hoạt động sản xuất, và những hoạt động hoặc giai đoạn nào của chuỗi cung ứng toàn cầu mà doanh nghiệp đang tham gia.

Những đặc điểm này có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh tế của các doanh nghiệp, các nhà cung cấp của họ và điều kiện làm việc thỏa đáng.

Việc gia công sản xuất điện tử tại Việt Nam do các thương hiệu và nhà sản xuất linh kiện hàng đầu dẫn đầu. Ngày nay, một số thương hiệu lớn nhất có nhà cung cấp hiện đang sản xuất tại Việt Nam là Apple, Canon, LG, Samsung, Microsoft, Google, Panasonic và Xiaomi (Joseph 2021). Một số thương hiệu, chẳng hạn như Samsung, LG và Canon, đã có nhà máy riêng tại Việt Nam. LG và Canon đã đặt nhà máy sản xuất máy in laser và máy in phun lớn nhất thế giới gần Hà Nội (OECD 2021a).

Các nhà cung cấp thuê ngoài cấp 1 cho các thương hiệu bao gồm các nhà sản xuất lớn theo xuất hợp đồng, ví dụ như Foxconn và Jabil, và các nhà sản xuất chip bán dẫn như Intel. Ví dụ, Intel đã tiến hành lắp ráp và thử nghiệm chip tại Việt Nam từ năm 1997 (Intel, n.d.). Foxconn, hoạt động tại Việt Nam từ năm 2007, đã tuyển dụng hơn 53.000 công nhân tại Việt Nam vào năm 2020 (Nguyễn 2021). Foxconn là một nhà sản xuất lớn theo hợp đồng chuyên lắp ráp iPhone, máy tính xách tay và máy tính bảng tại Việt Nam. Theo Danh sách nhà cung cấp của Apple năm 2021, 21 nhà cung cấp cấp 1 cho thương hiệu này đang hoạt động tại Việt Nam.<sup>8</sup>

Việt Nam trở thành một địa điểm sản xuất quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu cũng được minh chứng qua các khoản đầu tư lớn của các nhà cung cấp hàng đầu. Foxconn đã nhận được giấy phép vào năm 2021 để xây dựng một cơ sở trị giá hàng triệu USD lắp ráp máy tính xách tay và máy tính bảng (Jennings 2021). Pegatron - cũng là một đơn vị sản xuất cho Apple - có kế hoạch đầu tư 1 tỷ USD cho các cơ sở sản xuất cho đến năm 2027 để lắp ráp máy tính, các sản phẩm điện tử gia dụng và thiết bị truyền thông (Reuters 2021).

Sự phát triển này đồng nghĩa với việc Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu, chủ yếu nhờ bốn động lực chính sau đây.

## Thứ nhất, khung pháp lý và chính sách thu hút đầu tư nước ngoài và phát triển ngành công nghiệp điện tử

Luật Đầu tư nước ngoài của Việt Nam, được ban hành lần đầu vào năm 1987 và cập nhật gần đây nhất là Luật Đầu tư 2020, quy định quyền của nhà đầu tư nước ngoài đóng góp vào nền kinh tế đất nước thông qua (i) hợp đồng hợp tác kinh doanh, (ii) liên doanh, và (iii) công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài. Đây là một trong những luật đầu tiên được ban hành khi bắt đầu công cuộc Đổi mới từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường vào năm 1986.

Để thu hút thêm vốn đầu tư nước ngoài và trong nước nhằm phục vụ công cuộc phát triển các ngành công nghiệp, trong đó có ngành điện tử, Việt Nam đã xây dựng một số khu công nghiệp. Tính đến tháng 9 năm 2021, cả nước có 291 khu công nghiệp và khu kinh tế đã đi vào hoạt động.<sup>9</sup> Nhờ có những biện pháp này, Việt Nam đã có thể thu hút một trong những doanh nghiệp nước ngoài lớn nhất từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc) và Hoa Kỳ. Các doanh nghiệp này tiếp tục chiếm lĩnh các ngành công nghiệp sản xuất của Việt Nam hiện nay (Raj-Reichert và Plank, 2019). Những doanh nghiệp nước ngoài đầu tiên đầu tư vào Việt Nam từ những năm 1990 là các công ty Nhật Bản, thông qua liên doanh với các doanh nghiệp nhà nước của Việt Nam, mở nhà máy trong nước để sản xuất đồ điện tử tiêu dùng như tivi cho thị trường trong nước. Đầu những năm 2000, các doanh nghiệp Hàn Quốc và Trung Quốc tiếp tục đầu tư (Mitarai 2005). Từ cuối những năm 2000 trở đi, Việt Nam đã thu hút đầu tư từ các công ty từ Hoa Kỳ và Đài Loan (Trung Quốc) để sản xuất các sản phẩm xuất khẩu như một phần của chuỗi cung ứng toàn cầu (Joseph 2021; Raj-Reichert và Plank 2019).

Các chính sách công nghiệp có thể tác động đến việc ngành điện tử ở Việt Nam hội nhập và hưởng lợi như thế nào khi tham gia vào các chuỗi cung ứng toàn cầu (ILO, 2014). Chính sách có thể khuyến khích

<sup>8</sup> Apple. 2021. [Apple Supplier List](#).

<sup>9</sup> [Report on establishment and development of industrial zones and economic zones in 9 months of 2021](#), truy cập ngày 05/7/2022

các quyết định chuyển dịch quá trình tìm nguồn cung ứng sang thị trường Việt Nam, cũng như cung cấp hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Các chính sách cải thiện việc xây dựng, đào tạo và giáo dục kỹ năng cho người lao động cũng như hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực đổi mới và năng lực cạnh tranh có thể tạo điều kiện cho ngành chuyển sang các hoạt động có giá trị gia tăng cao hơn. Ví dụ, một số chính sách mục tiêu có thể hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước trở thành nhà cung cấp cho các doanh nghiệp nước ngoài bằng việc tăng cường chất lượng sản xuất và ứng dụng công nghệ tiên tiến để tạo ra giá trị gia tăng cao hơn. Các chính sách liên quan đến đầu tư nước ngoài có thể hướng tới đảm bảo các doanh nghiệp nước ngoài tham gia vào việc chuyển giao công nghệ và kỹ năng, thúc đẩy đổi mới và tiến bộ công nghệ trong nước, đồng thời đáp ứng các mục tiêu tăng trưởng bền vững và việc làm thỏa đáng.

Liên quan đến chủ đề này, Việt Nam đã ban hành các chiến lược chính sách phát triển công nghiệp và công nghệ số trung và dài hạn, theo đó một trong những trọng tâm là phát triển ngành điện tử.<sup>10</sup> Nghị quyết số 52 năm 2019 của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh rằng Việt Nam sẽ xây dựng những chính sách phát triển các ngành và công nghệ ưu tiên - trong đó có ngành điện tử. Chính phủ Việt Nam cũng cam kết bổ sung các chính sách hỗ trợ hoạt động chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên này.<sup>11</sup>

Bên cạnh đó, Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách và chương trình tập trung hỗ trợ sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, như Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017 quy định chính sách ưu đãi về thuế, vay vốn, bảo lãnh tín dụng, thuê đất, chuyển giao công nghệ, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực (xem thêm báo cáo của PwC 2017). Để hỗ trợ DNNVV tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu bằng cách giúp họ đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế và đạt hiệu quả kinh tế theo quy mô, Bộ Công thương đã ban hành Chương trình Phát triển Công nghiệp Hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025 (Quyết định số 68/QĐ-TTg), trong đó hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp sản xuất công nghệ cao và linh kiện, phụ tùng (trong các ngành công nghiệp khác như may mặc, dệt may và da giày), có bao gồm cả “công nghiệp hỗ trợ” cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Các hoạt động của chương trình này bao gồm các dịch vụ tư vấn và đào tạo để đáp ứng các yêu cầu sản xuất của chuỗi cung ứng toàn cầu (Bộ Công thương, 2017).<sup>12</sup> Chương trình này cũng hướng tới thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành công nghiệp hỗ trợ. Theo OECD (2021), mặc dù đặt trọng tâm vào việc nâng cao năng lực cạnh tranh của các DNNVV và các nhà cung cấp địa phương, chương trình vẫn có thể tập trung nhiều hơn vào đào tạo và nâng cao năng lực.

Luật Chuyển giao Công nghệ năm 2017 (Luật số 07/2017/QH14) đặt mục tiêu thúc đẩy các doanh nghiệp nước ngoài chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, đến nay chính sách này vẫn chưa đạt được thành công mong đợi, kể từ khi luật có hiệu lực chỉ có một số lượng ít các thỏa thuận li-xăng được đăng ký hàng năm (Nguyễn và cộng sự). Làm thế nào để quy định của luật thực sự khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài là một vấn đề có thể cần được nghiên cứu thêm trong thời gian sắp tới. Đối với ngành điện tử, điều quan trọng là phải đánh giá liệu sản xuất giá trị gia tăng thấp mà Việt Nam hiện đang tập trung vào có phải là yếu tố cản trở chuyển giao công nghệ ngay từ đầu hay không. Ngoài ra, cần hiểu rõ các giới hạn đối với chuyển giao công nghệ, cụ thể như trường hợp các doanh nghiệp nước ngoài phải tuân thủ chính sách bí mật thương mại của riêng họ, cũng có thể ảnh hưởng đến kết quả của chính sách quan trọng này.

Nhìn chung, những công ty tìm nguồn cung ứng các sản phẩm chất lượng và có giá trị gia tăng cao sẽ yêu cầu các nhà cung cấp phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể về năng lực sản xuất. Nhiều thương hiệu và các nhà cung cấp cấp 1 tiến hành đánh giá tiêu chuẩn sơ bộ trước khi thiết lập mối quan hệ kinh doanh. Hiểu rõ nhu cầu của các công ty tìm nguồn cung ứng này có thể giúp định hình loại hình phát triển kinh doanh và hoạt động giáo dục, đào tạo kỹ năng mà chính phủ có thể hỗ trợ và cung cấp cho các DNNVV trong nước.

10 [Nghị quyết số 52/2019](#).

11 Quyết định 138/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2022 và Quyết định 1851/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

12 Bộ Công thương, 2017, [Thông qua Chương trình Phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2025](#)

Ở cấp tỉnh, chính quyền địa phương thúc đẩy phát triển doanh nghiệp và áp dụng các ưu đãi khác để thu hút FDI bằng cách thực hiện một số biện pháp như hỗ trợ doanh nghiệp sau đầu tư, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp, cải cách thủ tục hành chính, v.v. Đơn cử, vào tháng 9/2020, chính quyền tỉnh Bắc Ninh đã ký một biên bản ghi nhớ với Tập đoàn Samsung để hỗ trợ cho các doanh nghiệp địa phương phát triển và trở thành nhà cung cấp của Samsung thông qua chương trình tư vấn nâng cao năng lực.<sup>13</sup> Chính quyền tỉnh Bắc Ninh cũng phối hợp với các chuyên gia Hàn Quốc từ năm 2015 để cải tiến quy trình sản xuất của các doanh nghiệp địa phương và nâng cao tiêu chuẩn sản phẩm. Kết quả là, năm 2017, có 29 doanh nghiệp địa phương đã trở thành nhà cung cấp linh kiện cho Samsung, bao gồm đĩa quang, bao bì và in ấn, khuôn mẫu chính xác và phụ tùng, linh kiện nhựa (Samsung Newrooms 2017). Theo ghi nhận, hầu hết các doanh nghiệp sau khi tham gia vào sáng kiến này đều được nâng cao năng lực để cạnh tranh trong chuỗi cung ứng toàn cầu của Samsung cũng như của các nhãn hàng khác. Đây là ví dụ về những sáng kiến có thể giúp nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh cũng như trình độ kỹ năng và đóng góp giá trị gia tăng theo thời gian. Điều này có thể giúp đảm bảo rằng trong tương lai, sự phát triển của mạng lưới nhà cung cấp địa phương không chỉ dẫn đến tăng trưởng giá trị gia tăng trong sản phẩm và dịch vụ, mà còn giúp nâng cao kỹ năng, lương cao hơn và điều kiện làm việc được cải thiện.

Trong tương lai, một thách thức sẽ xuất hiện, là làm sao để đảm bảo đầu tư nước ngoài mang tính chiến lược vào ngành điện tử để góp phần nâng cao tiến bộ công nghệ, kỹ năng và công nghiệp. Việc tiếp tục đầu tư vào các thiết bị công nghệ cũ sẽ ngày càng đặt ra nhiều thách thức đối với việc nâng cao giá trị gia tăng của các hoạt động sản xuất điện tử, đồng thời làm tăng nguy cơ ô nhiễm và rủi ro về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp. Trong những năm gần đây, việc nhập lại các thiết bị sử dụng công nghệ lạc hậu đã làm dấy lên những lo ngại này trong một số ngành, trong đó có cả ngành điện tử.<sup>14</sup>

## Thứ hai, nguồn cung lao động và tiền lương

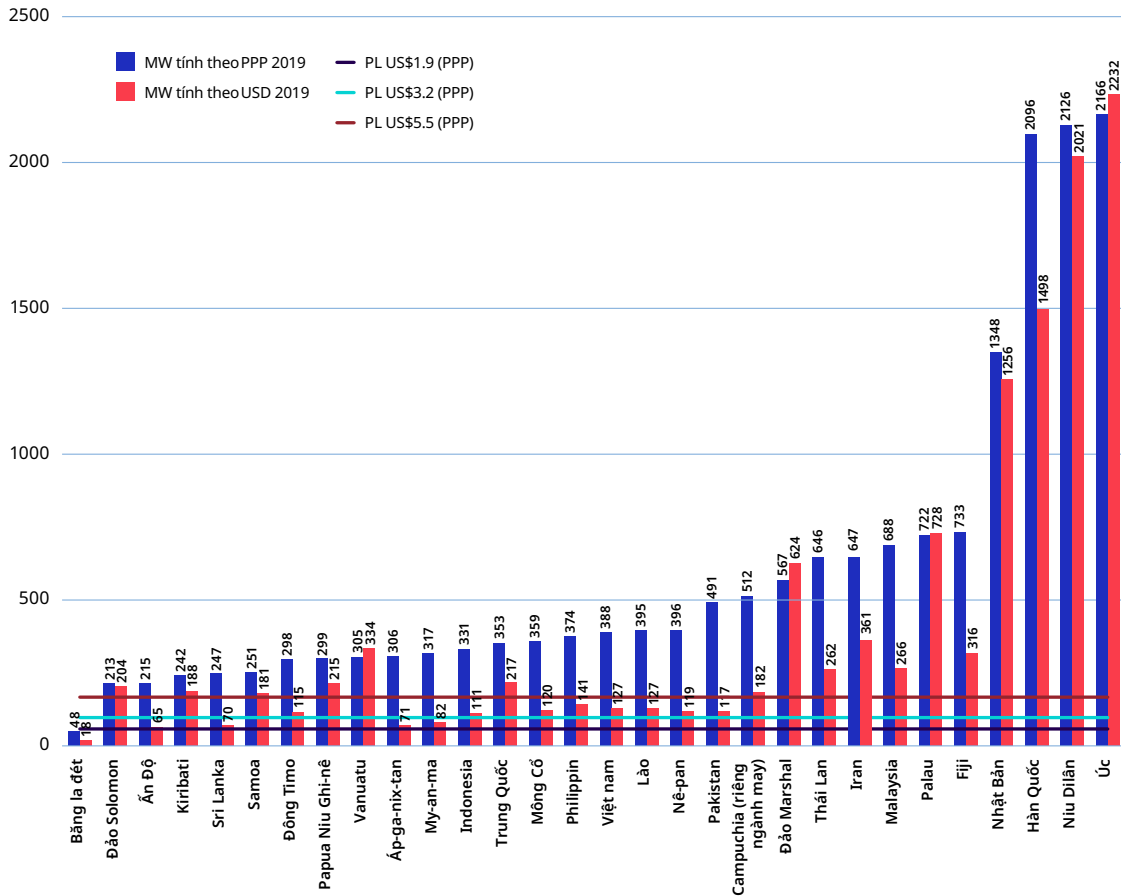
Năm 2020, dân số Việt Nam ước tính là 97,58 triệu người, xếp hạng quốc gia đông dân thứ 15 trên thế giới và thứ ba ở Đông Nam Á (Nhân Dân 2019), trong đó lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 54,8 triệu người (TCTK 2020, 89). Việt Nam đang trải qua thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” từ năm 2006 và dự đoán thời kỳ này sẽ kéo dài đến năm 2039, theo đó số người trong độ tuổi lao động được dự đoán sẽ tăng gấp đôi số người ở các nhóm tuổi phụ thuộc. Điều này có nghĩa là lực lượng lao động Việt Nam tương đối trẻ so với các nước Đông Á đông dân khác. Đến quý II/2017, lực lượng lao động trẻ từ 15-34 tuổi chiếm 37,6% tổng dân số (ILO 2018).

Chi phí lao động thường được coi là yếu tố chính để thu hút FDI, đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất. Khi so sánh Việt Nam với các quốc gia láng giềng khác cũng là những địa điểm sản xuất quan trọng trong chuỗi cung ứng điện tử toàn cầu, Hình 5 cho thấy mức lương tối thiểu trung bình hàng tháng tính bằng đô-la Mỹ (đường màu đỏ) của Việt Nam trong năm 2019 thấp hơn Thái Lan, Malaysia, Trung Quốc và Philippin, và cao hơn hơn Indonesia và Ấn Độ. Tương tự, một khảo sát do Tổ chức Xúc tiến Mậu dịch Nhật Bản (JETRO) thực hiện năm 2020 về Điều kiện kinh doanh của các công ty Nhật Bản ở Châu Á và Châu Đại Dương cho thấy mức lương trung bình ở Việt Nam vẫn thấp hơn so với các nước láng giềng trong khu vực.

13 Voice of Vietnam. 2020. “Chương trình hợp tác ba bên thúc đẩy công nghiệp hỗ trợ | VOV.VN”.

14 Lâm Thanh Hà. 2019. [Chinese FDI in Vietnam: Trends, Status and Challenges](#).

► **Hình 5. Tổng mức lương tối thiểu hàng tháng ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương, 2019 (giá trị thực tế và giá trị PPP bằng USD)**



MW = mức lương tối thiểu. PL = chuẩn nghèo, PPP = sức mua tương đương.

**Lưu ý:** Dữ liệu đề cập đến mức lương tối thiểu quốc gia nơi có mức lương đó. Đối với các quốc gia có nhiều mức lương tối thiểu, mức được chọn đề cập đến: mức lương tối thiểu quốc gia nơi có mức lương đó; mức lương thành thị ở nơi áp dụng các mức khác nhau giữa thành thị và nông thôn; mức lương của ngành công nghiệp (ví dụ: SMIG) ở nơi áp dụng các mức khác nhau cho lao động công nghiệp và nông nghiệp (ví dụ: hệ thống SMIG/SMAG); mức lương cho lao động phổ thông hoặc nhóm nghề thấp nhất ở nơi áp dụng các mức khác nhau theo trình độ kỹ năng hoặc nghề nghiệp; mức lương áp dụng đối với DN trong nước ở các mức khác nhau giữa DN trong nước và DN nước ngoài; mức lương vùng thấp nhất ở nơi có các mức vùng khác nhau và không có mức sàn tối thiểu chung của cả nước; mức lương áp dụng đối với DN nhỏ khi có sự thay đổi mức lương tùy thuộc vào từng DN; và mức lương cho lĩnh vực sản xuất khi mức áp dụng trong mỗi lĩnh vực là khác nhau (nếu có nhiều mức lương trong lĩnh vực sản xuất, thì chọn mức thấp nhất). Để biết thêm thông tin, xem phụ lục II.

Nguồn: Cơ sở dữ liệu về tiền lương tối thiểu của ILO. Cơ sở dữ liệu về Triển vọng Kinh tế Thế giới của IMF (tháng 10 năm 2020) về tỷ lệ chuyển đổi PPP và các Chỉ số Phát triển Thế giới của WB (tháng 10 năm 2020) về tỷ giá hối đoái.

Nguồn: Báo cáo của ILO về Tiền lương Toàn cầu 2020-2021<sup>15</sup>

Năm 2019, mức lương trung bình hàng tháng của công nhân sản xuất tại Việt Nam là 250 đô-la Mỹ - bằng với mức lương ở Philippines, nhưng thấp hơn nhiều so với Ấn Độ, Indonesia, Thái Lan, Malaysia và Trung Quốc (JETRO, 2021). Điều này góp phần tạo nên sức hấp dẫn của Việt Nam trong khu vực - với vai trò của một nước gia công được ưa thích - đặc biệt là đối với các hoạt động lắp ráp thâm dụng lao động - thuộc giai đoạn giá trị gia tăng thấp của các chuỗi cung ứng toàn cầu (ILO 2021). Mặc dù chi phí nhân công của Việt Nam thuộc hàng thấp nhất trong số các nước Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), một số doanh nghiệp tham gia Khảo sát nhanh VCCI/ILO cũng cho biết gặp khó khăn trong việc tuân thủ mức

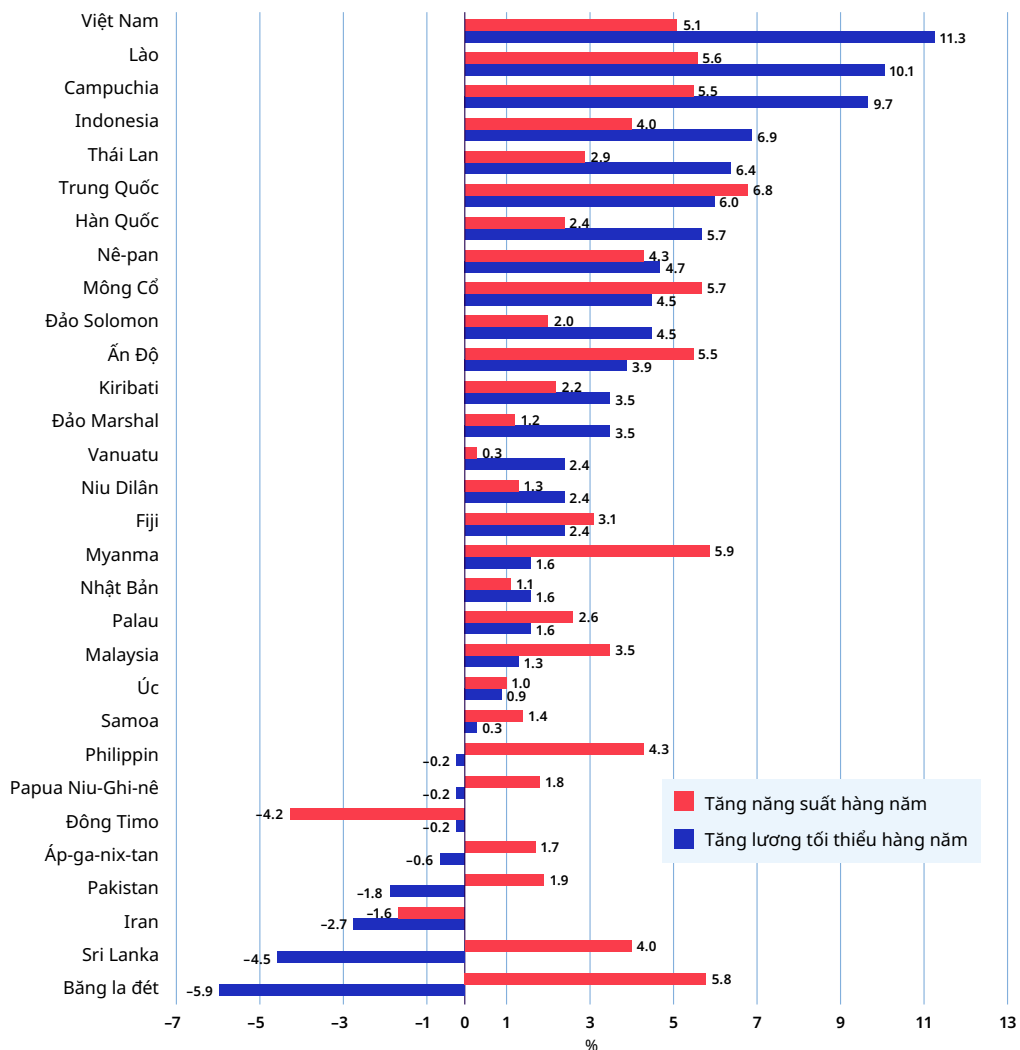
15 ILO. 2020. [Global Wage Report 2020-2021: Wages and Minimum Wages in the Time of COVID-19](#) (Global Wage Report 2020-2021.)

lượng tối thiểu theo quy định. Điều này có thể phản ánh giá trị gia tăng thấp và áp lực đối với một số nguyên liệu đầu vào và linh kiện trong ngành sản xuất điện tử.

Trong thập kỷ vừa qua, Việt Nam cũng có tốc độ tăng lương tối thiểu bình quân thực tế hàng năm nhanh nhất trong khu vực Đông Nam Á, ở mức trung bình hàng năm là 11,3% trong giai đoạn 2010 - 2019. Do tiền lương tăng nhanh hơn lạm phát, người lao động đã được hưởng lợi tích cực từ tăng lương.

Mức tăng lương tối thiểu thực tế trong cùng kỳ tại Việt Nam cũng lớn hơn mức tăng năng suất hàng năm (xem Hình 6). Mặc dù điều này có thể báo hiệu khả năng cạnh tranh thấp hơn trong các hoạt động sản xuất chi phí thấp, mức lương tối thiểu trung bình của Việt Nam vẫn thấp hơn các nước sản xuất là đối thủ cạnh tranh khác trong khu vực. Điều này cũng phản ánh rằng năng suất lao động có thể được nâng lên để đạt được mức lương cao hơn bằng cách tăng giá trị gia tăng của hoạt động sản xuất, bao gồm thông qua phát triển kỹ năng trong ngành.

► **Hình 6. Tăng trưởng bình quân hàng năm của tiền lương tối thiểu thực tế và năng suất lao động (2010-2019)**



Lưu ý: Đối với các quốc gia đã áp dụng mức lương tối thiểu sau năm 2010, mức tăng trưởng hàng năm của lương tối thiểu thực được tính dựa trên các năm từ thời điểm bắt đầu áp dụng tới năm 2019. Trong trường hợp của Nhật Bản, dữ liệu này tham chiếu tới mức trung bình quốc gia chiếu theo trọng số lương do cơ quan thống kê nước này tính toán.



## Thứ ba, các hiệp định thương mại quốc tế

Hoạt động tự do hóa thương mại của Việt Nam nở rộ trong những năm 2000 khi Việt Nam tham gia ký kết một loạt các hiệp định thương mại song phương với Hoa Kỳ (2001), gia nhập WTO (2007), CPTPP (2019), EVFTA (2020), RCEP (2020), UKVFTA (2021), và các hiệp định thương mại tự do với các đối tác khác trong những năm gần đây. Tính đến tháng 1 năm 2022, Việt Nam đã chính thức tham gia 15 FTA (trong đó có bảy FTA ký với tư cách thành viên ASEAN và tám FTA ký với tư cách là một bên độc lập) và hiện đang trong quá trình đàm phán 2 hiệp định khác.<sup>16</sup> Các FTA song phương và đa phương đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam thu được lợi ích từ việc mở rộng tiếp cận tới thị trường khu vực và toàn cầu.<sup>17</sup> Theo Kikuchi và cộng sự (2018), RCEP dự kiến sẽ tăng giá trị xuất khẩu hàng điện tử của Việt Nam sang các nước Đông Á thêm 18% và CPTPP sẽ tăng giá trị xuất khẩu lên 12,5% vào các thị trường đối tác thương mại. EVFTA đặc biệt quan trọng vì EU là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam sau Hoa Kỳ. Năm 2018, gần 1/3 tổng số điện thoại nhập khẩu vào Liên minh châu Âu được sản xuất tại Việt Nam. Kể từ năm 2011, Việt Nam là nước xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao đứng thứ 6 vào EU (Eurostats, xem Hình 7 và 8). Hình 7 cho thấy tỷ trọng xuất khẩu của Việt Nam sang EU gia tăng trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2021.

Trong số sáu nước xuất khẩu hàng đầu vào EU, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng hàng năm cao nhất là 18,6% trong giai đoạn 2010 - 2021. Nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam vào EU là điện tử - viễn thông, chủ yếu là điện thoại,<sup>18</sup> tiếp theo là máy vi tính, và máy văn phòng.<sup>19</sup>

EVFTA có thể mang lại cơ hội tăng doanh số và sản xuất nhiều sản phẩm điện và điện tử tạo ra lợi nhuận cao hơn tại Việt Nam vào các thị trường EU vì 74% thuế nhập khẩu hàng điện tử vào EU sẽ được gỡ bỏ sau khi hiệp định có hiệu lực và các loại thuế còn lại được gỡ bỏ trong vòng 3 đến 5 năm sau đó.<sup>20</sup> Ước tính EVFTA sẽ tăng giá trị xuất khẩu hàng điện tử của Việt Nam vào thị trường EU thêm 7,5% (Kikuchi và cộng sự, 2018).

16 VCCI-WTO Center. 2022. [Information on current FTAs and FTAs under negotiation](#).

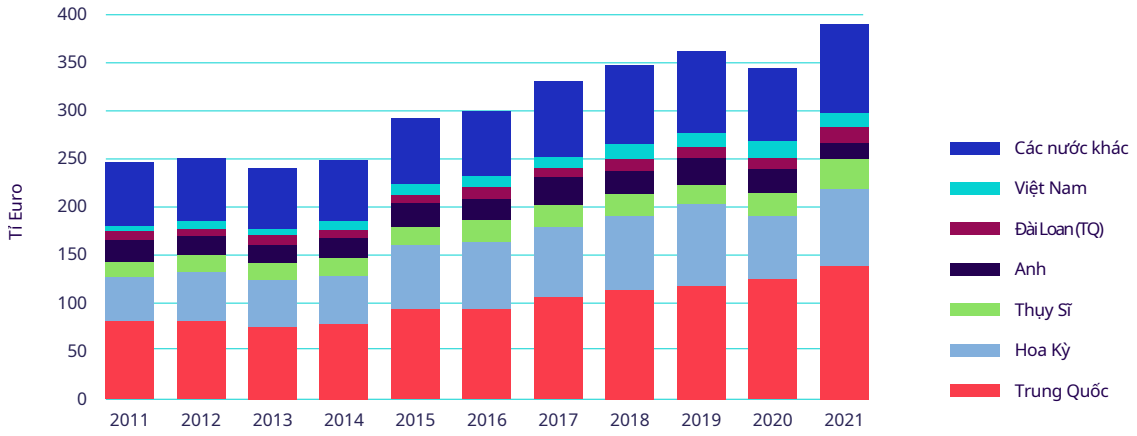
17 Asia Business Consulting. 2020. [Free Trade Agreements in Viet Nam](#).

18 EC. n.d. ["EU Trade Relations with Vietnam: Facts, Figures and Latest Developments"](#).

19 Eurostat. n.d. ["International Trade and Production of High-Tech Products"](#).

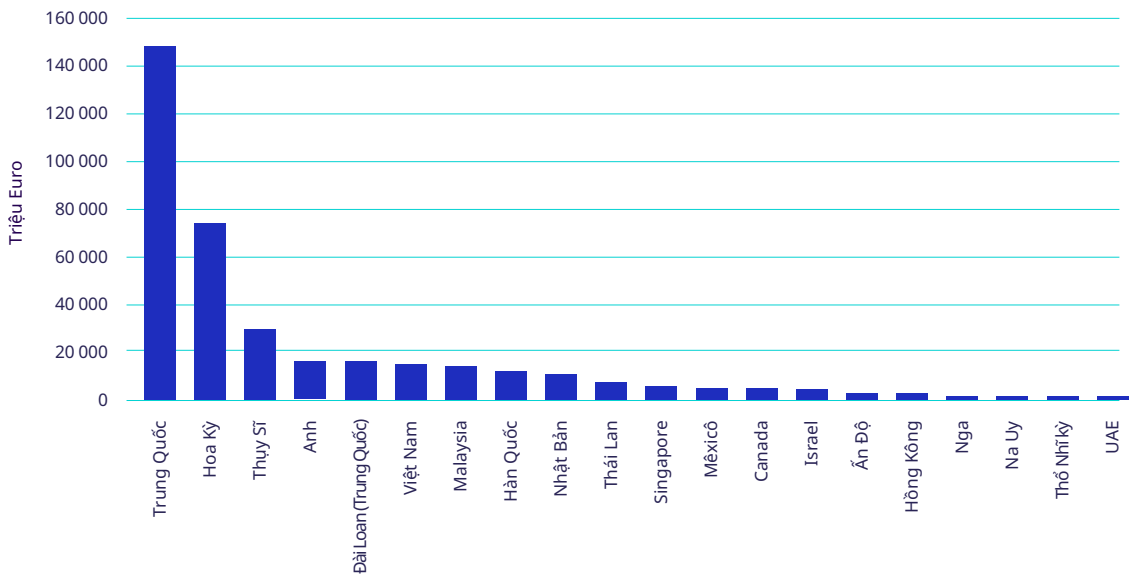
20 Vietnam Net Global. 2020. ["Electronics, seafood and garment industries to benefit the most from EVFTA"](#).

► **Hình 7. EU nhập khẩu sản phẩm công nghệ cao từ 6 thị trường đối tác hàng đầu, 2011-2021 (tỷ Euro)**



Nguồn: Cơ quan Thống kê EU (cơ sở dữ liệu Comext DS-018995)

► **Hình 8. Nhập khẩu các sản phẩm công nghệ cao của EU, từ 20 đối tác hàng đầu, năm 2021**



Nguồn: Cơ quan thống kê EU (Cơ sở dữ liệu Comext DS-018995)

## Thứ tư, các xu hướng mới trong chuỗi cung ứng toàn cầu và tác động của COVID-19

Những năm vừa qua đã chứng kiến sự gia tăng đầu tư nước ngoài vào ngành điện tử tại Việt Nam (Hsu 2021). Sự gia tăng này có thể được giải thích thông qua một số yếu tố bên ngoài. Thứ nhất, các doanh nghiệp nước ngoài đã chuyển địa điểm và mở rộng sản xuất ra khỏi Trung Quốc do thuế nhập khẩu của Hoa Kỳ đối với hàng hóa Trung Quốc tăng, cộng thêm chi phí vốn tăng lên, chẳng hạn như mức lương cao hơn cho người lao động ở Trung Quốc. Có một số báo cáo nói về việc chuyển địa điểm sản xuất khỏi Trung Quốc/mở rộng sản xuất tại Việt Nam. Năm 2018, Samsung đóng cửa các nhà máy sản xuất điện thoại di động của họ ở Trung Quốc và mở rộng sản xuất tại Việt Nam, Nintendo chuyển sang thuê gia công các sản phẩm game (Tang 2019) và Foxconn - nhà cung cấp của Apple (Lee 2020) cũng chuyển gia công một số sản phẩm từ Trung Quốc sang Việt Nam.

Thứ hai, một yếu tố khác mới xuất hiện gần đây hơn là nhu cầu bổ sung năng lực sản xuất bởi các công ty sản xuất khi phải đối mặt với việc nhà máy đóng cửa và sản xuất chậm lại, chính sách cách li và đóng cửa biên giới ở các nước sản xuất lớn lân cận như Trung Quốc và Malaysia trong thời kỳ bùng phát COVID-19 năm 2020. Nhu cầu về điện tử tiêu dùng cũng tăng lên do các hoạt động giải trí tại nhà, trường học và văn phòng gia tăng. Trong thời gian này, các nhà máy ở Việt Nam vẫn có thể tiếp tục hoạt động nhờ các biện pháp kiểm soát vi-rút thành công ngay từ đầu (Báo cáo Nhân sự trong nước của IMF 2020) và trở thành địa điểm sản xuất thay thế. Sự sụt giảm xuất khẩu của Việt Nam là ít nghiêm trọng nhất so với các quốc gia sản xuất khác.

Năm 2020, sản lượng sản xuất tại Việt Nam gia tăng (là kết quả của quá trình di dời sản xuất và mở rộng sản xuất) so với các nước sản xuất lân cận. Ví dụ, Samsung đã vận chuyển các bộ phận và linh kiện bằng đường hàng không từ Trung Quốc sang Việt Nam (do các cửa khẩu đường bộ đóng cửa) (China Briefing). Đặc biệt ngành công nghiệp chip bán dẫn bị ảnh hưởng nặng nề do các nhà máy đóng cửa ở các nước sản xuất lân cận như Nhật Bản, Đài Loan (Trung Quốc) và Hàn Quốc. Intel đã tăng sản lượng tại Việt Nam thêm 30% trong nửa đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 để khắc phục tình trạng sản xuất hạn chế ở các địa điểm khác (Hoàng, Liên. 2021a).

Yếu tố thứ ba là các thương hiệu toàn cầu và các nhà cung cấp lớn mong muốn đa dạng hóa các chuỗi cung ứng toàn cầu của họ để tăng khả năng chống chịu và thích ứng với những cú sốc và gián đoạn trong tương lai, cũng như rủi ro về danh tiếng. Ví dụ như Panasonic đã chuyển hoạt động sản xuất hàng điện tử tiêu dùng từ Thái Lan sang Việt Nam vào năm 2021 (Retail Asia). Các tập đoàn thương hiệu lớn coi Việt Nam là một trong những địa điểm ưa thích của các công ty gia công cho “chiến lược Trung Quốc +1” của mình (Hsu 2021). Theo một đại diện của hiệp hội ngành điện tử, Việt Nam được coi là một địa điểm thay thế tốt hơn so với Malaysia (một địa điểm sản xuất truyền thống của chiến lược “Trung Quốc +1”) nơi có nguy cơ vi phạm quyền con người cao hơn - như lao động cưỡng bức - (Verité 2014; Raj -Reichert 2019) vốn là vấn đề thu hút sự quan tâm của công luận những năm gần đây (Phỏng vấn, 2022).

Một xu hướng khác của chuỗi cung ứng là thị trường xuất khẩu ở các khu vực khác nhau đang định hình và tác động ngày càng nhiều đến quá trình sản xuất hàng hóa và điều kiện lao động. Các thị trường xuất khẩu khác nhau cũng có những nhu cầu và yêu cầu khác nhau về thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn, nhãn mác hoặc chứng nhận chất lượng, tác động môi trường và các tiêu chí xã hội, bao gồm cả điều kiện làm việc trong các nhà máy được thuê gia công (xem Chương 5). Các doanh nghiệp Việt Nam với quy mô nhỏ và năng lực hạn chế thường gặp khó khăn trong việc tham gia vào các chuỗi cung ứng điện tử toàn cầu vốn được dẫn dắt bởi các doanh nghiệp nước ngoài có quy mô lớn (OECD 2021; Vu và cộng sự 2020). Các nhà cung cấp trong nước nhìn chung không thể đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng cần thiết cho thị trường xuất khẩu (Raj-Reichert và Plank 2016). Do đó, các doanh nghiệp trong nước chủ yếu nằm ở cấp 2 trở xuống của chuỗi cung ứng toàn cầu và tập trung ở các hoạt động có giá trị gia tăng thấp hơn như bao bì, hóa chất, dịch vụ và in ấn (Ngọc và Bình 2019). Do không có khả năng thực hiện các hoạt động giá trị gia tăng cao hơn cho các chuỗi cung ứng toàn cầu, nên - theo một báo cáo của Bộ LĐTBXH - các nhà cung cấp trong nước ít liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài trong ngành (Bộ LĐTBXH 2022). Ví dụ, Intel chỉ làm việc với 18 đối tác Việt Nam trong số hàng trăm công ty cung cấp nguyên vật liệu và linh kiện cho sản xuất của họ. Theo Phạm và cộng sự (2022, 258), “Samsung Electronics Việt Nam chỉ làm việc với

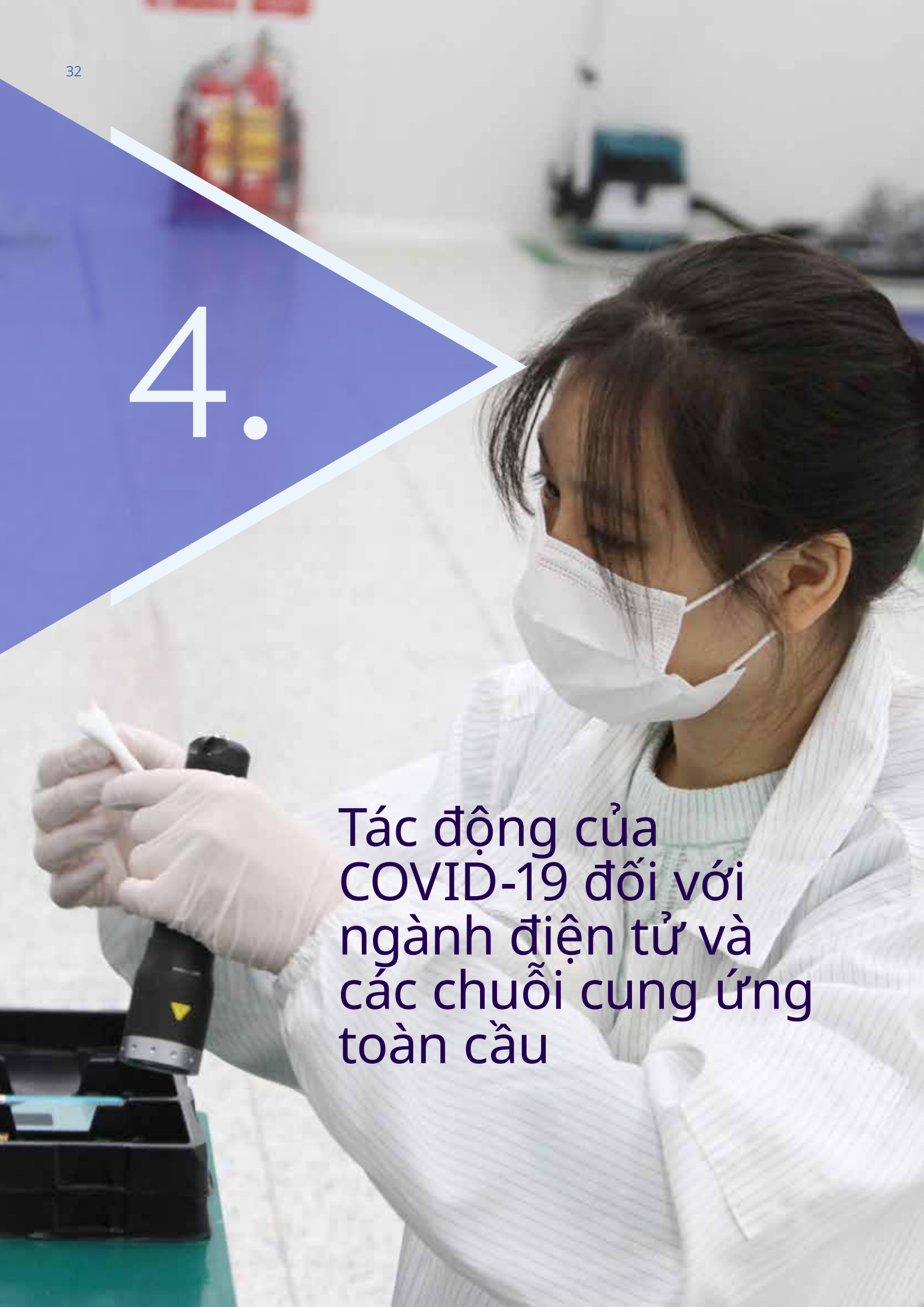
bảy đối tác Việt Nam trong số 93 nhà cung cấp của họ và các công ty Việt Nam này chỉ thực hiện các hoạt động có giá trị gia tăng thấp như đóng gói và in ấn, trong khi các nhà cung cấp có giá trị gia tăng cao là các công ty từ Hàn Quốc, các quốc gia ASEAN khác hoặc các doanh nghiệp nước ngoài đã đầu tư vào Việt Nam". Theo một cán bộ Sở Công Thương tỉnh Bắc Giang - một tỉnh có nhiều nhà máy sản xuất điện tử, các nhà cung cấp trong nước khó "tham gia vào chuỗi cung ứng của các tổng công ty lớn do không đủ vốn đầu tư, đáp ứng các yêu cầu công nghệ, chính sách phát triển, [và] tư duy của các lãnh đạo doanh nghiệp, v.v.". Một trong những nguyên nhân hạn chế tốc độ phát triển của ngành điện tử trong nước là do chính phủ đang khó khăn trong việc lựa chọn chính sách phù hợp nhất để đảm bảo thành công (Phạm và cộng sự, 2022). Các doanh nghiệp nhà nước và MNE được tạo điều kiện thuận lợi hơn (về tiếp cận đất đai, thuế suất) so với các doanh nghiệp tư nhân trong nước.

Việt Nam chỉ có rất ít thương hiệu điện tử trong nước như Darling, Belco và Hanel. Các thương hiệu nội địa này chủ yếu sản xuất đồ gia dụng như tivi. Có bằng chứng cho thấy các thương hiệu Việt Nam không có khả năng cạnh tranh với các thương hiệu nước ngoài, đặc biệt là khi nói đến điện thoại di động và điện thoại thông minh. Các thương hiệu trong nước như Q-Mobile, F-Mobile, Avio, Zik 3G và Mobiistar đều đã thất bại trước sự cạnh tranh của các thương hiệu nước ngoài như Samsung, Apple, Nokia và LG (Ngọc và Bình 2019). Thương hiệu điện thoại thông minh trong nước thành công trước đây là Vsmart của Tập đoàn Vingroup đã ngừng sản xuất điện thoại (và tivi) vào năm 2021 để tập trung vào ô tô điện và các sản phẩm nhà thông minh (Nguyễn và Puri, 2022). Một ngoại lệ đáng chú ý là công ty an ninh mạng có sản xuất điện thoại thông minh Bkav đã tạo dựng được vị thế vững chắc trong thị trường ngách dành cho "điện thoại bảo mật chuyên dụng" tại thị trường trong nước (Asia News Network 2021).



# 4.

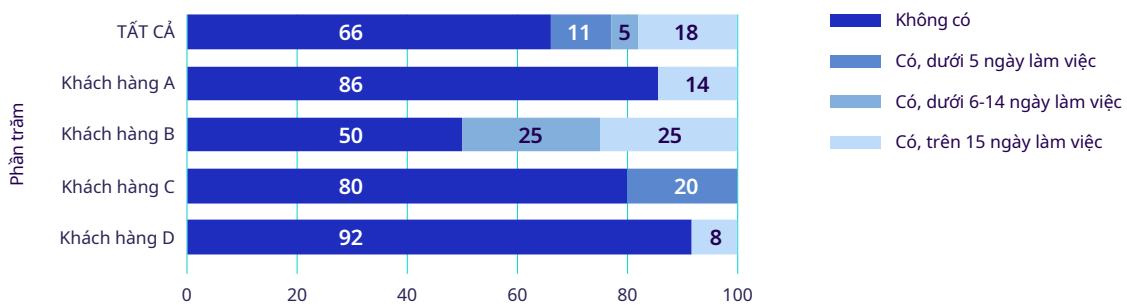
Tác động của  
COVID-19 đối với  
ngành điện tử và  
các chuỗi cung ứng  
toàn cầu



Phần này đánh giá tác động của COVID-19 đối với các doanh nghiệp điện tử tại Việt Nam tham gia vào các chuỗi cung ứng toàn cầu. Kết quả Khảo sát nhanh ILO/VCCI chỉ ra một số thách thức đối với các doanh nghiệp điện tử trong thời kỳ đại dịch. Những phân tích trong chương này dựa trên một cái nhìn tổng thể về một phân khúc của ngành điện tử trong nước và sự tham gia của phân khúc này trong các chuỗi cung ứng toàn cầu cụ thể và các ngành liên quan.

Nhìn chung, các doanh nghiệp khảo sát không phải đóng cửa hoặc tạm ngừng hoạt động đáng kể vào năm 2020 khi bắt đầu bùng phát đại dịch COVID-19 (xem Hình 9). Đối với các doanh nghiệp phải đóng cửa cơ sở, phần lớn là do yêu cầu của chính phủ hoặc chính quyền địa phương hoặc do doanh nghiệp quyết định đóng cửa để ngăn chặn lây lan vi rút trong các cơ sở. Một số lý do khác dẫn đến việc đóng cửa cơ sở là thiếu nguyên liệu, đơn đặt hàng và công nhân.

► **Hình 9. Số ngày các cơ sở sản xuất đóng cửa hoặc tạm dừng hoạt động, phân theo công ty khách hàng**



Nguồn: Khảo sát nhanh VCCI/ILO

Một tác động quan trọng của đại dịch đối với các doanh nghiệp là những biến động về đơn đặt hàng. Tính chất biến động trong số lượng đơn đặt hàng ở các doanh nghiệp tính từ Quý 1-3 năm 2019 (trước đại dịch) đến Quý 1-3 năm 2021 (đầu năm thứ hai của đại dịch) cũng không giống nhau. Có doanh nghiệp nhận được nhiều đơn đặt hàng hơn (18 doanh nghiệp), có doanh nghiệp nhận được ít đơn đặt hàng hơn (17 doanh nghiệp) và 9 doanh nghiệp cho biết không có thay đổi về số đơn đặt hàng (Bảng 3).

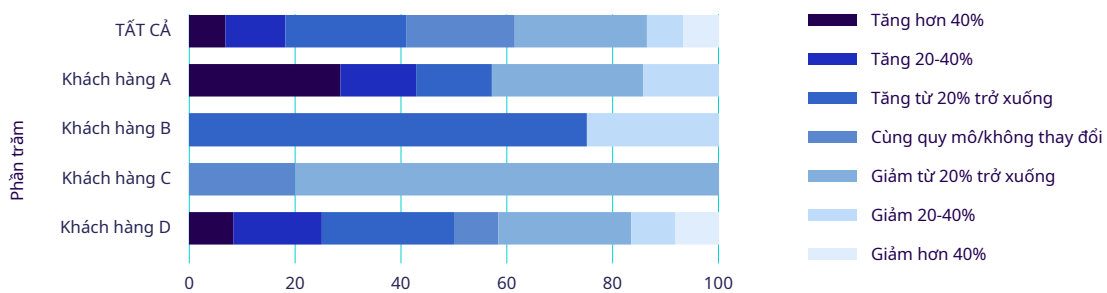
► **Bảng 3. Sự khác biệt về tổng số đơn đặt hàng trong giai đoạn Q1-Q3 năm 2021 so với Q1-Q3 năm 2019**

Trả lời	Số lượng DN	%
Tăng hơn 40%	3	6,82
Tăng 20%-40%	5	11,36
Tăng từ 20% trở xuống	10	22,73
Cùng quy mô/không thay đổi	9	20,45
Đơn đặt hàng năm 2021 thấp hơn 20% hoặc ít hơn	11	25,00
Đơn đặt hàng năm 2021 thấp hơn 20%-40%	3	6,82
Đơn đặt hàng năm 2021 thấp hơn 40%	3	6,82

Nguồn: Khảo sát nhanh VCCI/ILO

Để hiểu rõ hơn về các kết quả khác nhau này, cần đánh giá xem liệu đây là kết quả của các yếu tố khách hàng, sản phẩm, hay thị trường xuất khẩu. Hình 10 cho thấy những thay đổi số đơn đặt hàng dựa trên danh sách các công ty khách hàng lớn. Các kết quả thể hiện nhiều ý kiến khác nhau. Tất cả các nhà cung cấp (ngoại trừ Khách hàng C), đều cùng lúc chứng kiến sự tăng và giảm đơn đặt hàng. Chỉ có một Khách hàng là giảm hoặc không có thay đổi nào đối với đơn đặt hàng.

► Hình 10. Thay đổi về số lượng đơn đặt hàng phân theo khách hàng trong giai đoạn Q1-Q3 năm 2021 so với Q1-Q3 năm 2019



Nguồn: Khảo sát nhanh VCCI/ILO

Tính chất của những thay đổi trong đơn hàng từ các thị trường xuất khẩu điểm đến cũng rất khác nhau. Bảng 4 cho thấy số lượng đơn hàng thay đổi theo cả hướng tăng và giảm đơn đặt hàng xuất khẩu sang Nhật Bản, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Trung Quốc và EU. Mức tăng lớn nhất thuộc về thị trường xuất khẩu sang Hoa Kỳ, tiếp theo là Hàn Quốc, trong khi mức giảm lớn nhất là ở thị trường xuất khẩu sang Trung Quốc, rồi đến EU.

► Bảng 4. Thay đổi về số lượng đơn đặt hàng phân theo thị trường chính trong giai đoạn Q1-Q3 năm 2021 so với Q1-Q3 năm 2019

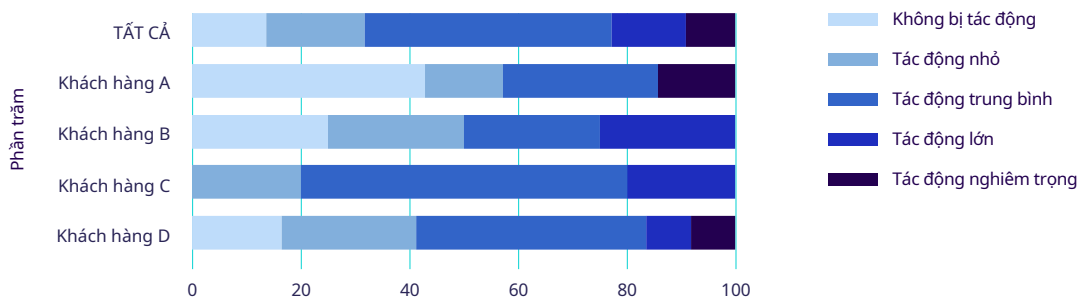
Biến (Thay đổi về đơn đặt hàng)	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
Chung	44	3.932	1.576	1	7
<b>Thị trường chính</b>					
Hoa Kỳ	18	3.44	1.977	1	7
EU	14	4	1.797	1	7
Nhật Bản	14	3.5	1.16	2	6
Hàn Quốc	10	3.7	1.889	1	7
Trung Quốc	11	4.182	1.94	2	7
Việt Nam	17	3.882	1.453	1	6

Nguồn: Khảo sát nhanh VCCI/ILO

Tất cả các nhà cung cấp tham gia Khảo sát nhanh cũng cho biết quy mô thị trường đối với đầu ra của họ đã giảm. Nhiều doanh nghiệp cho biết thị trường cuối tại Nhật Bản có sự sụt giảm quy mô. Các cơ sở lớn hơn sản xuất cho thị trường tiêu dùng Hoa Kỳ và EU chịu tác động tiêu cực nghiêm trọng hơn, đó là các đơn đặt hàng ngày càng ít dần và các thị trường cũng dần thu hẹp.

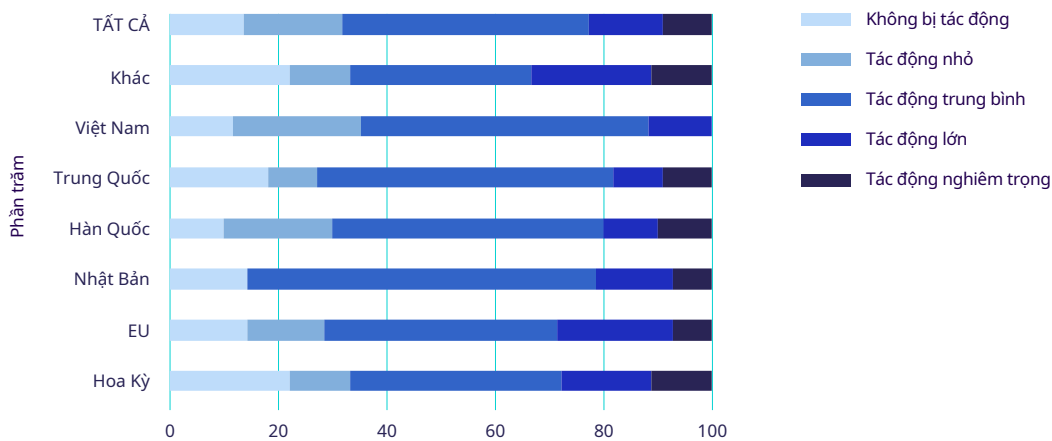
Hình 11 cho thấy số lượng đơn đặt hàng giảm do những thay đổi trong việc tìm nguồn cung ứng ở tất cả các thị trường cuối (Hình 12), cho thấy không có ảnh hưởng cụ thể nào của thị trường cuối đối với sự thay đổi của khách hàng trong việc tìm nguồn cung ứng. Hầu hết các doanh nghiệp cho biết họ chịu tác động vừa phải của việc giảm số đơn đặt hàng do sự thay đổi trong việc tìm nguồn cung ứng của khách hàng.

► **Hình 11. Đơn đặt hàng ít hơn do sự thay đổi trong việc tìm nguồn cung ứng của khách hàng**



Nguồn: Khảo sát nhanh VCCI/ILO

► **Hình 12. Đơn đặt hàng ít hơn do sự thay đổi trong việc tìm nguồn cung ứng của thị trường cuối**

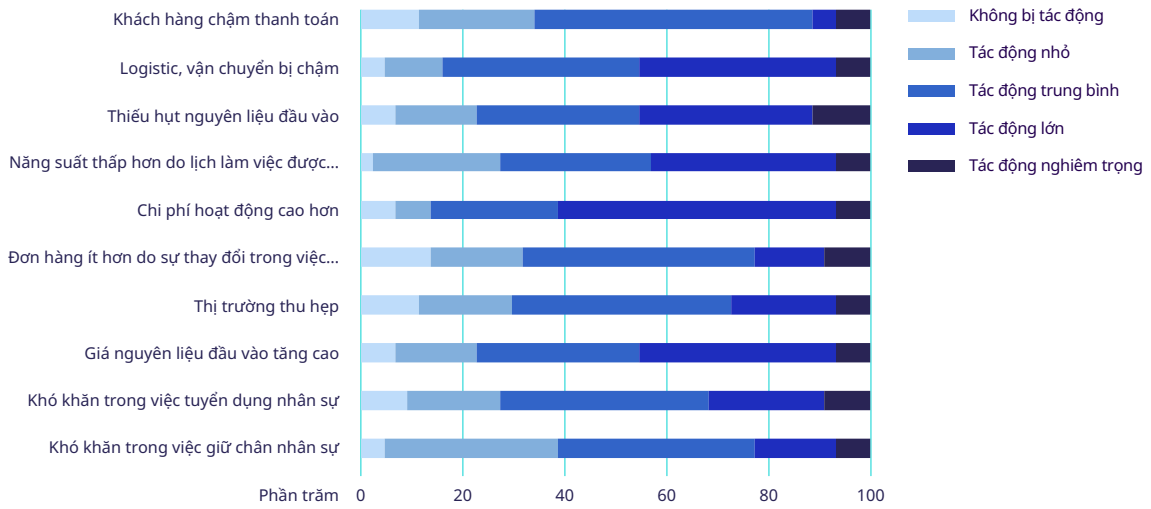


Nguồn: Khảo sát nhanh VCCI/ILO

Tác động lớn nhất từ các yếu tố bên ngoài đối với hoạt động vận hành được báo cáo là giá đầu vào và nguyên liệu tăng, đầu vào và nguyên liệu không có sẵn, chi phí hoạt động cao hơn, và những chậm trễ trong hậu cần, vận chuyển (Hình 13). Bên cạnh đó, khó khăn trong tuyển dụng lao động và giữ chân lao động cũng ảnh hưởng không nhỏ đến cơ sở vật chất.



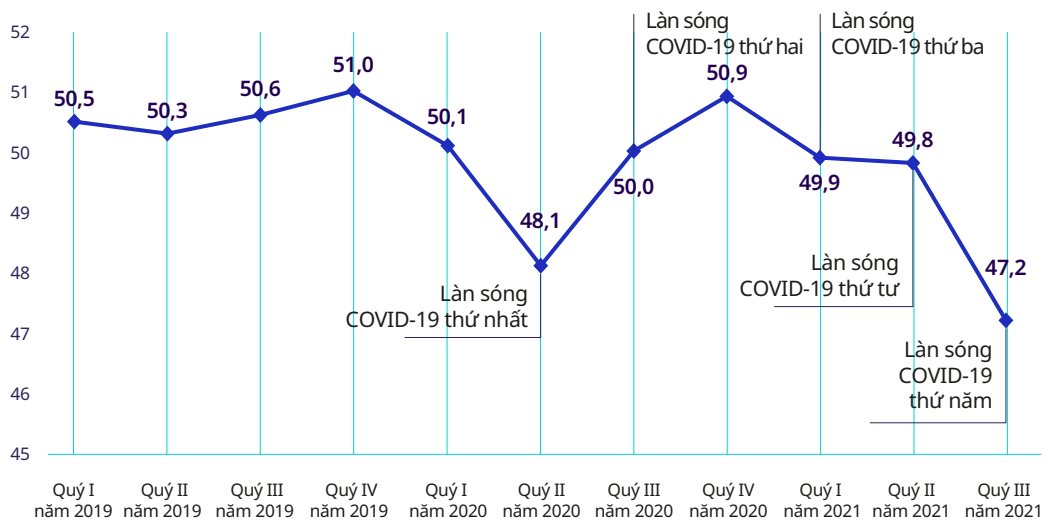
► **Hình 13. Tác động tổng thể của đại dịch đối với các cơ sở**



Nguồn: Khảo sát nhanh VCCI/ILO

Cùng với sự biến động (tăng và giảm đơn đặt hàng) ở các thị trường cuối, chuỗi cung ứng bị gián đoạn và các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam như giãn cách xã hội nghiêm ngặt, đóng cửa nhà máy và một loạt doanh nghiệp và dịch vụ không thiết yếu, rất nhiều doanh nghiệp đã bị ảnh hưởng nặng nề và nhiều công nhân bị buộc phải rời khỏi thị trường (Hình 14).

► **Hình 14. Tổng số lao động có việc làm qua các quý, 2019-2021 (triệu người)**



Nguồn: TCTK, năm 2021, Báo cáo về tác động của COVID-19 đối với tình hình lao động và việc làm quý 3 năm 2021.

Phần dưới đây - cùng Chương 5 tiếp theo - sẽ cung cấp thêm chi tiết và bàn luận về tác động của COVID-19 đối với các mục tiêu về việc làm thỏa đáng trong ngành điện tử.

## A. Kinh nghiệm của các tỉnh

---

Đại dịch COVID-19 có những tác động khác nhau đối với ngành điện tử ở các tỉnh và theo nhiều cách khác nhau. Một khó khăn lớn là nhiều công nhân bị mất việc làm hoặc phải về quê trong thời gian nhà máy đóng cửa (Hoàng 2021b). Các cuộc phỏng vấn với một số cơ quan chức năng và các bên liên quan ở Bắc Giang và Bắc Ninh, hai địa phương sản xuất điện tử lớn của cả nước, cho thấy những ví dụ tương phản về tác động khác nhau mà doanh nghiệp phải đối mặt.

### Bắc Giang

Bắc Giang - một tỉnh miền Bắc gần Hà Nội - đã chống chọi được với những tác động ban đầu của đại dịch tương đối nhanh và ghi nhận mức tăng trưởng tích cực về xuất khẩu vào năm 2020 (Nguyễn 2021). Bắc Giang là một câu chuyện thành công về nhiều mặt. Đây từng là một trong những tỉnh nghèo nhất Việt Nam nhưng trong những năm gần đây lại có mức tăng trưởng kinh tế cao nhất cả nước. Điều này một phần là nhờ kết quả của các chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào khu vực, thông qua các ưu đãi về tiền thuê đất và thuế. Bắc Giang có sáu khu công nghiệp và ngành điện tử ở đây phát triển nhanh chóng trong vài năm gần đây. Tỉnh này là nơi đặt trụ sở của các công ty điện tử lớn nhất cả nước, đó là Foxconn hoặc Luxshare (Minh 2021), trong đó có một số nhà cung cấp chính của Apple<sup>21</sup> và Samsung.<sup>22</sup>

Trong đợt bùng nổ số ca nhiễm COVID-19 vào tháng 5 năm 2021, Bắc Giang bị ảnh hưởng tương đối nặng nề. Bốn khu công nghiệp, với khoảng 300 doanh nghiệp và 200.000 công nhân, được chính quyền tỉnh yêu cầu ngừng mọi hoạt động để ngăn chặn virus. Điều này có tác động đáng kể đến chuỗi cung ứng nội địa liên kết với các công ty khách hàng xuất khẩu lớn, đặc biệt là Samsung và Apple (Dobberstein 2021). Những gián đoạn này càng thêm nghiêm trọng do việc vận chuyển nguyên liệu và di chuyển của người lao động trong vùng công nghiệp bị hạn chế tạm thời.

Trước đây đã có một lượng lớn người lao động từ các tỉnh thành khác đến Bắc Giang làm việc. Trong thời kỳ cao điểm của đại dịch, nhiều công nhân đã phải về quê sau nhiều ngày ở lại trong các ký túc xá khi nhà máy đóng cửa. Nhiều công nhân trong số họ đã không quay lại làm việc khi nhà máy mở cửa trở lại, do đó ngành điện tử phải đối mặt với tình trạng thiếu lao động trầm trọng. Theo đại diện người lao động địa phương, nguyên nhân chính là do đại dịch vẫn diễn biến khó lường, công nhân lo lắng không biết khi nào lại thiết lập lệnh phong tỏa, khiến họ không thể làm việc cũng không thể về nhà. Trong tháng 7 và tháng 8 năm 2021, chính quyền tỉnh đã hỗ trợ rất nhiều cho các doanh nghiệp trong việc đưa đón công nhân trở lại địa điểm nhà máy và tuyển dụng thêm công nhân. Một số doanh nghiệp cam kết thưởng lớn cho người lao động trở lại làm việc. Một số doanh nghiệp lớn đưa ra mức lương cao hơn để thu hút người lao động. Điều này đã làm tăng tình trạng dịch chuyển lao động với sự phân bố lao động không đồng đều giữa các doanh nghiệp trong khu công nghiệp. Mặc dù các doanh nghiệp đã nỗ lực giải quyết bằng nhiều cách khác nhau, tình trạng thiếu lao động vẫn tiếp diễn (Phỏng vấn 2021). Các doanh nghiệp vừa và nhỏ không đưa ra mức lương cao hơn gặp phải tình trạng thiếu lao động nhiều hơn so với các doanh nghiệp lớn trả lương cao hơn.

---

21 Apple. 2021. [Danh sách các nhà cung cấp của Apple năm 2021](#).

22 Samsung. 2021. [Danh sách nhà cung cấp của Samsung](#).

Khi nói đến các chính sách tác động trực tiếp đến người lao động, vào tháng 6 năm 2021, chính phủ đã thực hiện chính sách “3 tại chỗ”, quy định người lao động được chỉ định phải làm việc và ăn ngủ tại chỗ hoặc trong cơ sở sản xuất, không được rời khỏi cơ sở.<sup>23</sup> Các doanh nghiệp phải đối mặt với thách thức trong việc cung cấp chỗ ở phù hợp cho người lao động để ngăn chặn sự lây lan của vi rút COVID-19 theo yêu cầu của các cơ quan chức năng (Phòng vấn, 2021). Một số nhà sản xuất hàng điện tử, bao gồm các nhà cung cấp cho Samsung, dựng lều trong nhà máy để cho công nhân ngủ nghỉ và ở lại nhà máy nhằm tránh lây nhiễm và duy trì hoạt động sản xuất (Chua và Uyen 2021). Chính sách này hướng đến tạo ra một mô hình bong bóng trong đó người lao động sẽ không bị nhiễm vi-rút bên ngoài nhà máy và do đó không làm gián đoạn hoạt động sản xuất. Trong khoảng thời gian này năm 2021, một số nhà cung cấp cũng đã phải ngừng hoạt động hoặc gặp khó khăn trong việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ cùng lúc.

Để ứng phó với đại dịch, Chính phủ đã trợ cấp tiền cho người lao động và hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp. Chính quyền tỉnh cũng cung cấp hàng trăm nghìn liều vắc xin cho công nhân nhà máy (Chua và Uyen 2021). Liên đoàn Lao động tỉnh Bắc Giang đã động viên đoàn viên (công nhân viên các nhà máy) thành lập các đoàn cứu trợ khẩn cấp để cung cấp các đồ dùng thiết yếu cho công nhân ở các khu tập thể, hỗ trợ xí nghiệp khử trùng, vệ sinh nhà xưởng, bố trí lại khu vực làm việc theo đúng phương án phòng, chống dịch, tạo điều kiện cho người lao động xét nghiệm virus. Cấp phát khẩu trang và nước rửa tay để các doanh nghiệp nhanh chóng tái khởi động hoạt động sản xuất.

Sau khi giai đoạn phong tỏa kết thúc, trong giai đoạn phục hồi và khẩn trương đáp ứng các nhu cầu sản xuất, có những thách thức và cơ hội cần xem xét. Ví dụ, một số doanh nghiệp gặp khó khăn trong sắp xếp ngày nghỉ hợp lý cho người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động. Một điểm tích cực, theo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bắc Giang, tình trạng thiếu hụt người lao động di cư và người lao động nước ngoài tạo “cơ hội cho lao động địa phương có thể tìm việc làm tốt hơn tại địa phương khi doanh nghiệp mở rộng độ tuổi, giới tính và trình độ khi tuyển dụng. Trước đây, người lao động trên 35 tuổi gặp khó khăn để tìm được việc làm, nhưng hiện nay thì không. Bên cạnh đó, chính sách tiền lương đã trở nên cạnh tranh hơn giữa các doanh nghiệp, chính sách thưởng, tiền ăn ngoài giờ giúp nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động”. (Phòng vấn, 2021).

## Bắc Ninh

Bắc Ninh - một tỉnh giáp phía Nam tỉnh Bắc Giang và là nằm ngay cạnh “tam giác kinh tế” nối giữa Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh - là một vùng quan trọng đối với ngành sản xuất điện tử của Việt Nam. Bắc Ninh là nơi nhận FDI lớn nhất cả nước trong hai tháng đầu năm 2022 (Việt Nam Plus 2022b).

Từ năm 2015, Bắc Ninh đã xác định điện tử là một trong 3 ngành ưu tiên phát triển. Tỉnh đã thu hút đầu tư từ một số doanh nghiệp điện tử lớn như Samsung, Canon, LG và Foxconn. Đáng chú ý, Samsung có một trong những nhà máy lắp ráp hiện đại và lớn nhất thế giới đặt tại Bắc Ninh (Vietnam Plus 2022a). Các doanh nghiệp này được hỗ trợ bởi khoảng 500 nhà cung cấp tại Bắc Ninh (Phòng vấn, 2022). Theo Danh sách nhà cung cấp của Apple năm 2021, 5 trong số 21 nhà cung cấp của họ tại Việt Nam đặt tại Bắc Ninh (Apple 2021).

Ngành điện tử hàng năm đóng góp bình quân 90% giá trị xuất khẩu của tỉnh với giá trị xuất khẩu hàng năm đạt hơn 30 tỷ USD vào năm 2021. Đây là ngành nhập khẩu lớn các bộ phận và linh kiện, cho thấy đây là nơi tiến hành hoạt động lắp ráp cuối cùng trong chuỗi cung ứng toàn cầu (Phòng vấn, 2022).

Cũng giống như Bắc Giang, Bắc Ninh đã phải đối mặt với tình trạng thiếu lao động từ khi bắt đầu bùng phát đại dịch COVID-19. Đại dịch cũng khiến người lao động không có khả năng tổ chức đối thoại xã hội trong suốt hai năm qua. Đại diện Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh cho biết thường tổ chức đối thoại xã hội hai lần một năm. Thay vào đó, Ban quản lý các khu công nghiệp đã sử dụng các ứng dụng nhắn tin trực tuyến, chẳng hạn như Zalo (ứng dụng nhắn tin hàng đầu tại Việt Nam) để kết nối với người lao động.

23 Quyết định số 2787/QĐ-BYT ngày 5/6/2021 và các văn bản hướng dẫn liên quan khác về các phương án phòng, chống dịch khi có trường hợp mắc COVID-19 tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, khu công nghiệp.

Tỉnh Bắc Ninh đã ban hành các chính sách nhằm ngăn chặn và kiểm soát sự lây lan của COVID-19 và phối hợp thực hiện với các chuyên gia của Bộ Y tế. Các chính sách này tập trung vào “6 trụ cột” bao gồm kiểm tra, truy vết, cách ly, 5K (khẩu trang, khoảng cách, không tụ tập, khử khuẩn và khai báo y tế), tiêm chủng và điều trị. Cũng như các tỉnh khác, Bắc Ninh thực hiện chính sách 3 tại chỗ và chính sách “1 cung đường, 2 điểm đến”, trong đó yêu cầu các công ty bố trí phương tiện đi lại giữa nhà máy và nơi lưu trú (ký túc xá, khách sạn, nhà trọ). Tỉnh cũng quy định chính sách cụ thể để yêu cầu giảm mức sản xuất xuống 50% hoặc 60% nếu một cơ sở không thể đáp ứng đầy đủ các chính sách 3 tại chỗ hoặc 1 cung đường, 2 điểm đến. Mục đích của các chính sách này là ngăn sự lây lan virus nhưng vẫn duy trì sản lượng sản xuất ít nhất bằng mức chuẩn năm 2019. Trong suốt thời kỳ đại dịch xảy ra, các cơ quan chức năng cấp trung ương và địa phương và Liên đoàn Lao động đã hỗ trợ sâu rộng cho công nhân ngành điện tử.

Nhìn chung, mặc dù phát triển muộn hơn các ngành sản xuất khác, nhưng ngành điện tử đã nhanh chóng vươn lên vị trí dẫn đầu về xuất khẩu nhờ tận dụng được các lợi thế cạnh tranh của Việt Nam như giá nhân công thấp, vị trí địa lý thuận lợi, các hiệp định thương mại tự do và chính sách ưu đãi thu hút đầu tư nước ngoài. Trong ngành điện tử, các doanh nghiệp FDI đang giữ vị thế dẫn đầu, trong khi sự tham gia của các doanh nghiệp trong nước còn hạn chế. Ngành này tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu, phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu đầu vào và thị trường tiêu thụ thế giới. Sự biến động của thị trường cuối, chuỗi cung ứng gián đoạn như trong đại dịch COVID-19 đã được chứng minh có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của ngành và từ đó tác động đến việc làm và thu nhập của người lao động. Trong thời gian tới, nhu cầu lao động tay nghề cao và tình trạng thiếu hụt lao động trong ngành điện tử dự kiến sẽ tăng lên.



A worker in a light blue uniform, cap, and mask is operating a control panel in a factory setting. The worker is looking at a monitor and has their hands on the control panel. The background shows industrial equipment and a bright, clean environment.

# 5.

Tình hình việc làm  
thỏa đáng trong  
ngành điện tử  
Việt Nam

Chương trình Việc làm thỏa đáng của ILO dựa trên bốn trụ cột là (i) việc làm, (ii) quyền tại nơi làm việc, (iii) an sinh xã hội và (iv) đối thoại xã hội, với bình đẳng giới và chống phân biệt đối xử là các mục tiêu xuyên suốt. Việc làm thỏa đáng cũng là một phần của 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG), đáng chú ý là Mục tiêu Số 8, nhằm mục đích thúc đẩy tăng trưởng toàn diện và việc làm thỏa đáng cho tất cả mọi người vào năm 2030. Các chỉ số của SDG cụ thể tương ứng với mục tiêu việc làm thỏa đáng là:<sup>24</sup>

- **Mục tiêu cụ thể SDG 8.5:** cung cấp công ăn việc làm chất lượng và bền vững cho tất cả phụ nữ và nam giới, kể cả những người trẻ tuổi và người khuyết tật, và trả lương công bằng cho công việc có giá trị ngang nhau.
- **Mục tiêu cụ thể SDG 8.7:** xóa bỏ lao động cưỡng bức, chấm dứt tình trạng nô lệ thời hiện đại và mua bán người, đến năm 2025 chấm dứt lao động trẻ em dưới mọi hình thức.
- **Mục tiêu cụ thể SDG 8.8:** bảo vệ quyền lợi của người lao động, thúc đẩy và đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho tất cả người lao động.

Dựa trên phân tích ở phần trước, trong chương này, chúng tôi đánh giá tình hình việc làm thỏa đáng trong ngành điện tử theo từng trụ cột của Chương trình.

## A. Lao động

### Tăng trưởng việc làm và kỹ năng

Trong thập kỷ trước, ngành điện tử đã trở thành một trong những ngành tuyển dụng lớn nhất cả nước. Năm 2010, 2,8% tổng số công việc sản xuất trong nước là trong ngành điện tử và con số này đã tăng lên 7,3% vào năm 2021 (Bộ LĐTBXH 2022). Năm 2020, có khoảng 910.000 việc làm trong ngành điện tử (xem Bảng 5).

► **Bảng 5. Tổng số việc làm trong ngành điện tử**

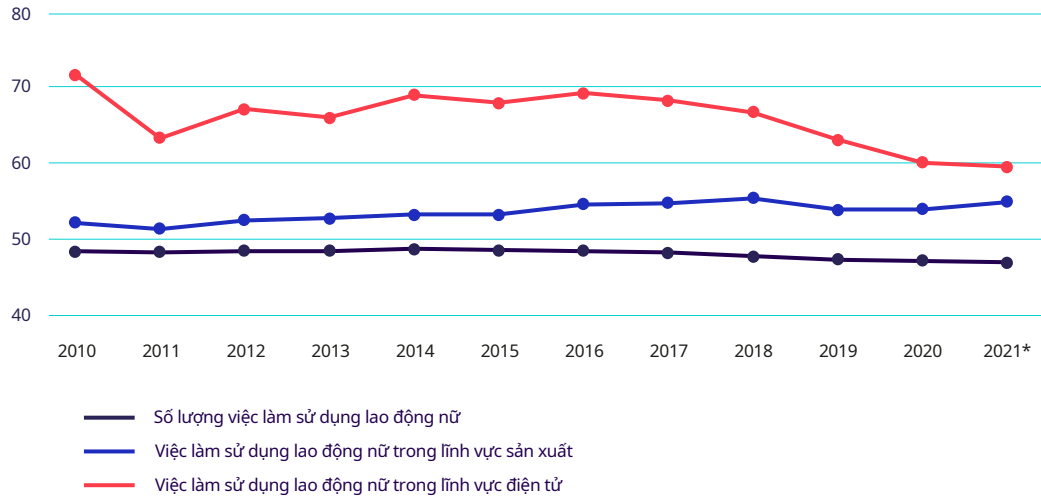
Tổng số việc làm (triệu)	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng số cả nước	49,49	50,68	51,42	51,64	52,74	52,53	53,30	53,70	54,25	54,66	53,61
Ngành điện tử	0,20	0,17	0,18	0,18	0,23	0,40	0,46	0,54	0,62	0,80	0,91
Thành thị	0,08	0,08	0,07	0,08	0,09	0,12	0,13	0,14	0,14	0,20	0,24
Nông thôn	0,12	0,08	0,10	0,11	0,14	0,27	0,33	0,40	0,48	0,60	0,67
Nam	0,06	0,06	0,06	0,06	0,07	0,13	0,14	0,17	0,21	0,29	0,36
Nữ	0,14	0,11	0,12	0,12	0,16	0,27	0,32	0,37	0,42	0,51	0,55

Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu ĐTLĐVL (TCTK)

Phần lớn lao động trong ngành này trước đây là lao động nữ, chiếm khoảng 60% lao động ngành điện tử vào năm 2020 (xem Bảng 5 và Hình 15). Hình 15 cho thấy mặc dù tỷ lệ lao động nữ trong ngành điện tử đang giảm dần nhưng hiện vẫn chiếm đa số - ở mức khoảng 60%.

24 [The Global Goals: 8 Decent Work and Economic Growth](#).

▶ Hình 15. Cơ cấu việc làm theo giới tính (%)



Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu ĐTLĐVL (TCTK)

Điểm dữ liệu 2021\* chỉ đại diện cho dữ liệu của hai quý đầu năm



Hộp 1 mô tả sự khác biệt giữa các nghề yêu cầu tay nghề thấp, trung bình và cao, và các yêu cầu giáo dục và đào tạo cụ thể của các nghề dựa trên Phân loại chuẩn quốc tế về nghề nghiệp-08 (ISCO-08) và Phân loại chuẩn quốc tế về giáo dục 1997 (ISCED-97) (xem Hộp 1). Nội dung này giúp đánh giá hiện trạng các công việc và việc làm sử dụng nhiều lao động và có giá trị gia tăng thấp hơn trong ngành điện tử, và giúp chỉ ra những yêu cầu giáo dục/đào tạo cần thiết để nâng cao các giai đoạn giá trị gia tăng của các chuỗi cung ứng toàn cầu với mức lương cao hơn và cải thiện điều kiện làm việc.

Phần lớn các công việc trong ngành điện tử ở Việt Nam được xếp vào nhóm có kỹ năng trung bình (xem Hình 15). Dữ liệu về các loại nghề cụ thể cho thấy “Thợ vận hành máy móc và thiết bị có kỹ năng” chiếm phần lớn lao động trong ngành (Xem Bảng 6). Ngoài ra, cũng có thể thấy có sự tăng trưởng nhẹ về lao động có kỹ năng cao.

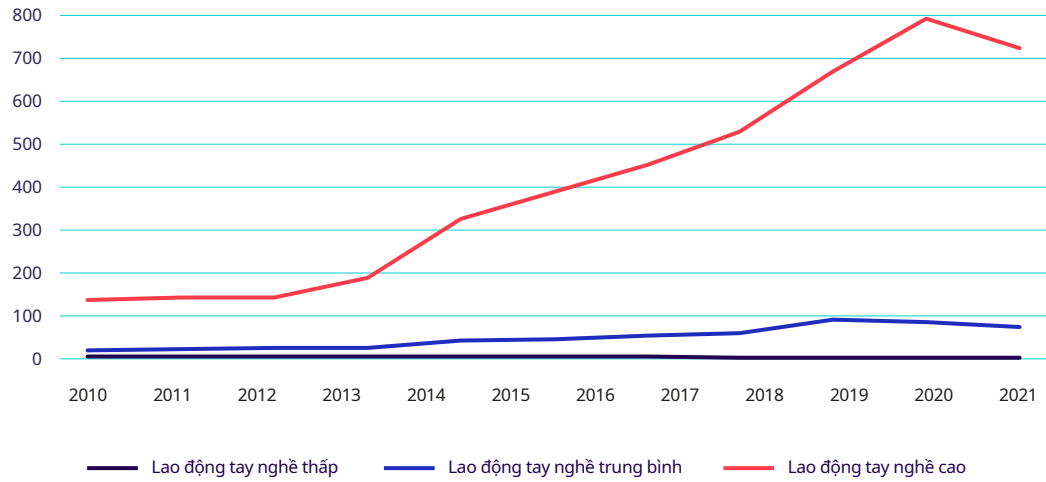
► **Hộp 1. Lập bản đồ của các nhóm kỹ năng chính trong ISCO-08 và liên kết với các trình độ giáo dục theo ISCED-97**

Các nhóm chính trong ISCO-08	Trình độ kỹ năng	Khái niệm	Các nhóm trình độ giáo dục theo ISCED-97
1. Quản lý	3+4		
2. Nhà chuyên môn bậc cao	4	"Liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ đòi hỏi khả năng giải quyết vấn đề phức tạp và sáng tạo dựa trên một lượng kiến thức lý thuyết và thực tiễn sâu rộng trong một lĩnh vực chuyên ngành"	6. Giai đoạn thứ hai của giáo dục đại học (lên đến một trình độ nghiên cứu nâng cao); 5a. Giai đoạn đầu của giáo dục đại học, văn bằng 1 (thời gian trung bình)
3. Kỹ thuật viên và Nhà chuyên môn bậc trung	3	5a. "Liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật và thực tế phức tạp đòi hỏi lượng kiến thức thực tế, kỹ thuật và thủ tục sâu rộng trong một lĩnh vực chuyên ngành"	5b. Giai đoạn đầu của giáo dục đại học, văn bằng 1 (thời gian ngắn hoặc trung bình)
4. Nhân viên hành chính văn thư	2	"Liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ như vận hành máy móc và thiết bị điện tử; điều khiển phương tiện giao thông; bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cơ điện; và thao tác, sắp xếp và lưu trữ thông tin"	4. Giáo dục nghề nghiệp, không phải đại học
5. Nhân viên dịch vụ và bán hàng	2		3. Trình độ Trung học phổ thông
6. Lao động nông, lâm, ngư nghiệp có tay nghề cao	2		2. Trình độ Trung học cơ sở
7. Thợ thủ công và các thợ khác có liên quan	2		
8. Nhà máy và người vận hành máy móc, và người lắp ráp	2		
9. Nghề giản đơn	1	"Liên quan đến việc thực hiện các công việc đơn giản và thường xuyên, đòi hỏi việc sử dụng các công cụ cầm tay và sử dụng thể lực đáng kể"	1. Giáo dục tiểu học
10. Làm việc trong lực lượng vũ trang	1+2+4		

Nguồn: ILO, 2012, Phân loại chuẩn quốc tế về nghề nghiệp: Cơ cấu, định nghĩa nhóm và bảng đi kèm (Tập I)



► **Hình 16. Số lượng việc làm trong ngành điện tử tại Việt Nam dựa trên cấp trình độ kỹ năng (nghìn người)**



Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu ĐTLĐVL (TCTK)

Các trình độ kỹ năng rất quan trọng vì thường quyết định mức lương, và trình độ kỹ năng càng cao thì điều kiện làm việc càng tốt hơn.

Theo ISCO-08, “nghề đòi hỏi kỹ năng trung bình” bao gồm “Thợ vận hành và lắp ráp thiết bị và máy móc” (thuộc Nhóm chính của phân loại ISCO-08). Trong danh mục nghề nghiệp này là danh mục phụ “Thợ lắp ráp” (Nhóm phụ 82) bao gồm “Thợ lắp ráp thiết bị điện và điện tử”. Thợ lắp ráp được định nghĩa:

“là người lắp ráp các phụ tùng hoặc linh kiện đúc sẵn để tạo thành các phụ kiện lắp ráp, sản phẩm và thiết bị, theo quy trình nghiêm ngặt. Các sản phẩm đang lắp ráp có thể được chuyển từ công nhân này sang công nhân khác dọc theo dây chuyền lắp ráp. Năng lực cần thiết đối với hầu hết các thao tác trong nhóm nghề phụ này yêu cầu Cấp độ kỹ năng 2 của ISCO. Các nhiệm vụ do công nhân thuộc nhóm nghề chính này thực hiện thường bao gồm: lắp ráp các bộ phận thành nhiều loại sản phẩm và thiết bị theo quy trình nghiêm ngặt; rà soát các yêu cầu công việc, thông số kỹ thuật, sơ đồ và bản vẽ để xác định vật liệu cần thiết và rà soát hướng dẫn lắp ráp; ghi dữ liệu sản xuất và hoạt động vào các biểu mẫu quy định; kiểm tra, thử nghiệm các linh kiện, phụ kiện lắp ráp đã hoàn thiện; lắp đặt hệ thống dây điện và mạch điện; từ chối các phụ kiện và linh kiện bị lỗi (ILO 2012: 329).

Định nghĩa này về thợ lắp ráp nhìn chung đã tóm lược công việc lắp ráp, thử nghiệm và kiểm tra cuối cùng - là công việc khá thâm dụng lao động - trong các nhà máy điện tử ở Việt Nam cho chuỗi cung ứng toàn cầu.

Các kỹ năng cần thiết cho thợ lắp ráp, như đã nêu trong định nghĩa, tương ứng với Cấp độ kỹ năng 2 của ISCO, đó là: “Cấp độ kỹ năng 2 thường đạt được thông qua việc hoàn thành giáo dục trung học cơ sở<sup>25</sup> (ISCED-97 Cấp độ 2). Một số nghề yêu cầu phải hoàn thành giáo dục trung học phổ thông (ISCED-97 Cấp độ 2)... [hoặc] hoàn thành giáo dục nghề nghiệp sau khi đã hoàn thành giáo dục trung học cơ sở (ISCED-97 Cấp độ 4). Trong một số trường hợp, kinh nghiệm và đào tạo tại chỗ có thể thay thế cho giáo dục chính quy.” (ILO 2012, 12).

25 Giáo dục trung học” theo ISCED-97 Cấp độ 2 là “đạt được sau 9 năm học, bắt đầu từ tiểu học”. Xem [http://uis.unesco.org/sites/default/files/documents/international-standard-classification-of-education-1997-en\\_0.pdf](http://uis.unesco.org/sites/default/files/documents/international-standard-classification-of-education-1997-en_0.pdf), trang 24. (truy cập ngày 26/5/2022).

► **Bảng 6. Số lượng và phần trăm việc làm trong ngành điện tử**

Số lượng việc làm (nghìn người)	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Năm 2021*
<b>TỔNG</b>	<b>167,6</b>	<b>178,7</b>	<b>184,7</b>	<b>233,3</b>	<b>397,2</b>	<b>461,8</b>	<b>538,2</b>	<b>621,9</b>	<b>801,6</b>	<b>914,9</b>	<b>836,0</b>
Quản lý	0,7	1,7	1,1	0,1	0,7	0,4	1,2	0,4	1,1	0,2	0,0
Nhà chuyên môn bậc cao	11,8	13,6	16,4	15,9	25,8	32,8	38,8	37,3	58,1	55,8	48,8
Nhà chuyên môn bậc trung và kỹ thuật viên	7,2	7,4	9,5	10,3	17,0	12,8	14,7	23,3	32,9	29,6	27,6
Nhân viên văn phòng	7,0	9,5	7,2	10,4	15,7	19,6	24,0	27,2	30,8	38,4	24,4
Dịch vụ cá nhân, dịch vụ an ninh, nhân viên bán hàng có kỹ năng	4,8	5,1	4,4	6,3	9,3	9,9	12,6	13,7	13,4	18,6	16,8
Thợ vận hành máy móc và thiết bị có kỹ năng	95,9	102,3	103,3	127,2	212,9	301,5	343,3	401,2	554,6	679,2	602,1
Lao động cơ bản/phổ thông	9,3	11,5	13,1	17,4	26,8	25,0	29,0	28,9	37,8	33,9	35,2
Tỷ lệ (%)	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
Quản lý	0,39	0,94	0,62	0,06	0,17	0,09	0,23	0,06	0,14	0,02	0,00
Nhà chuyên môn bậc cao	7,03	7,59	8,90	6,80	6,49	7,09	7,21	5,99	7,24	6,10	5,84
Nhà chuyên môn bậc trung và kỹ thuật viên	4,29	4,15	5,13	4,41	4,28	2,77	2,74	3,74	4,11	3,23	3,30
Nhân viên văn phòng	4,17	5,31	3,87	4,44	3,95	4,25	4,47	4,38	3,84	4,20	2,92
Dịch vụ cá nhân, dịch vụ an ninh, nhân viên bán hàng có kỹ năng	2,84	2,87	2,40	2,69	2,35	2,13	2,34	2,21	1,68	2,03	2,01
Thợ vận hành máy móc và thiết bị có kỹ năng	57,24	57,27	55,90	54,52	53,60	65,30	63,79	64,51	69,18	74,24	72,03
Lao động giản đơn/phổ thông	5,55	6,43	7,07	7,44	6,73	5,42	5,39	4,65	4,71	3,71	4,21

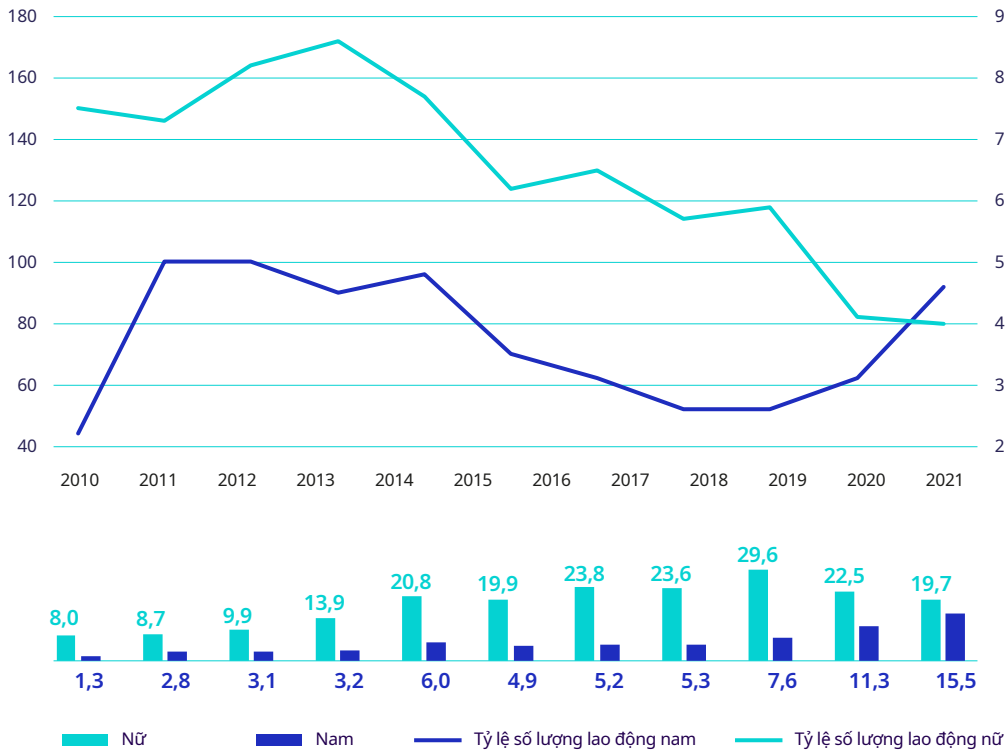
Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu ĐTLĐVL (TCTK)

Mức tăng trưởng khiêm tốn đối với “công nhân có tay nghề cao” được xác định theo phân loại ISCO-08 (Nhà quản lý thuộc Nhóm chính 1, Nhà chuyên môn bậc cao thuộc Nhóm chính 2, và Nhà chuyên môn bậc trung và Kỹ thuật viên thuộc Nhóm chính 3). Theo Bảng 6, trong vài năm qua khoảng 10% số nghề trong ngành (trong các vị trí: Nhà quản lý, Nhà chuyên môn bậc cao, Nhà chuyên môn bậc trung và Kỹ thuật viên) là có tay nghề cao. Những nghề này tương ứng với Cấp độ kỹ năng 3 và 4 của ISCO. Cấp độ kỹ năng 3 yêu cầu kiến thức và kỹ năng “thu được từ quá trình học tập tại cơ sở giáo dục cao đẳng/đại học trong thời gian 1-3 năm sau khi hoàn thành giáo dục trung học phổ thông (ICSED-97 Cấp độ 5b)” (ILO 2012: 13). Kỹ năng Cấp độ 4 yêu cầu kiến thức và kỹ năng “thu được từ quá trình học tập tại cơ sở giáo dục đại học trong thời gian 3-6 năm để đạt được bằng đại học hoặc cao hơn (ICSED-97 Cấp độ 5a trở lên)” (ILO 2012 : 13). Cấp độ kỹ năng 4 cũng bao gồm phân tích và nghiên cứu, chẳng hạn như để chia sẻ kiến thức với những người khác và để “thiết kế cấu trúc, máy móc và quy trình xây dựng và sản xuất” (ISCED trang 4). Như thể hiện trong Bảng 6, phần lớn lao động có tay nghề cao là các chuyên gia tương ứng với Cấp độ kỹ năng 3 và 4 yêu cầu trình độ học vấn cao hơn. Dữ liệu này không cho thấy là bao nhiêu phần trăm trong số những nghề đòi hỏi tay nghề cao hơn này là do lao động Việt Nam đảm nhận, so với người nước ngoài.

Điều quan trọng cần lưu ý là sự khác biệt về giới trong các nghề dựa trên yêu cầu kỹ năng trong ngành. Dựa trên dữ liệu có sẵn được chọn lọc, Hình 17 và Bảng 7 cho thấy sự khác biệt về giới của người lao động tham gia các “nghề sơ cấp” hoặc “lao động giản đơn”, chiếm dưới 5% số nghề trong ngành. Điều này tương ứng với Nhóm chính 9 của ISCO-08, là nhóm “liên quan đến việc thực hiện các công việc đơn giản và thường xuyên, đòi hỏi việc sử dụng các công cụ cầm tay và sử dụng thể lực đáng kể. Hầu hết các nghề trong nhóm chính này đều yêu cầu cấp độ kỹ năng đầu tiên của ISCO”. (ISCO-08, trang 337).

Các nhiệm vụ có thể bao gồm “phân loại sản phẩm; đóng gói và mở gói sản phẩm bằng tay” (ISCO-08, trang 337). Cấp độ Kỹ năng 1 dựa trên việc hoàn thành giáo dục tiểu học<sup>26</sup> và có thể trải qua đào tạo ngắn gọn tại chỗ. Hình 17 và Bảng 7 cho thấy nhìn chung đã có sự gia tăng ổn định trong tổng số nghề sơ cấp từ năm 2011 đến năm 2019 trước đại dịch COVID-19, tuy nhiên, tỷ trọng của nó trong tổng số việc làm của ngành đã giảm xuống từ khoảng 7% năm 2013 xuống khoảng 4% năm 2021. Lao động nữ luôn chiếm số đông trong nhóm nghề này như thể hiện trong Hình 17, tuy nhiên, khoảng cách giữa số lao động nữ và lao động nam trong công việc này đã bị thu hẹp sau khi đại dịch COVID-19 bắt đầu. Tỷ lệ lao động nam trong ngành điện tử làm các nghề sơ cấp đã tăng dần trong 5 năm qua từ 3,5% năm 2016 lên 4,6% năm 2021 và vượt số lao động nữ. Tỷ lệ lao động nữ trong ngành điện tử làm nhóm nghề này đang có xu hướng giảm, từ 8,6% năm 2014 xuống 4% năm 2021. Số lao động nữ làm công việc này trong ngành cũng giảm vào năm 2020 và 2021. Một nguyên nhân lý giải điều này là hiện tượng lao động nữ không quay trở lại nhà máy làm việc sau khi về quê trong thời gian nhà máy đóng cửa và cách li (phỏng vấn, 2021).

► Hình 17. Tỷ lệ lao động nam và lao động nữ trong các nghề sơ cấp của ngành điện tử



<sup>26</sup> Cấp độ này tương ứng với 6 năm đi học.

Điều quan trọng là phải đánh giá được sự khác biệt giới trong các công việc đòi hỏi tay nghề trung bình và tay nghề cao trong ngành. Bảng 7 phân tích tỷ lệ lao động nam và nữ theo các công việc khác nhau trong ngành theo thời gian.

► **Bảng 7. Tỷ trọng lao động trong các nghề sơ cấp của ngành điện tử**

Nhóm lao động	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Tổng số việc làm trong ngành điện tử (nghìn việc làm)	167,6	178,7	184,7	233,3	397,2	461,8	538,2	621,9	801,6	914,9	836,0
Số lao động sơ cấp/ lao động giản đơn (nghìn người)	9,3	11,5	13,1	17,4	26,8	25,0	29,0	28,9	37,8	33,9	35,2
Tỷ lệ việc làm sơ cấp/ đơn giản trong ngành (%)	5,55	6,43	7,07	7,44	6,73	5,42	5,39	4,65	4,71	3,71	4,21
Số lao động nữ (nghìn người)	8,0	8,7	9,9	13,9	20,8	19,9	23,8	23,6	29,6	22,5	19,7
Số lao động nam (nghìn người)	1,3	2,8	3,1	3,2	6,0	4,9	5,2	5,3	7,6	11,3	15,5
Tỷ lệ lao động nữ trong các nghề sơ cấp/ tổng số lao động nữ trong ngành điện tử (%)	7,5	7,3	8,2	8,6	7,7	6,2	6,5	5,7	5,9	4,1	4,0
Tỷ lệ lao động nam trong các nghề sơ cấp/ tổng số lao động nam trong ngành điện tử (%)	2,2	5,0	5,0	4,5	4,8	3,5	3,1	2,6	2,6	3,1	4,6

Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu ĐTLĐVL (TCTK)

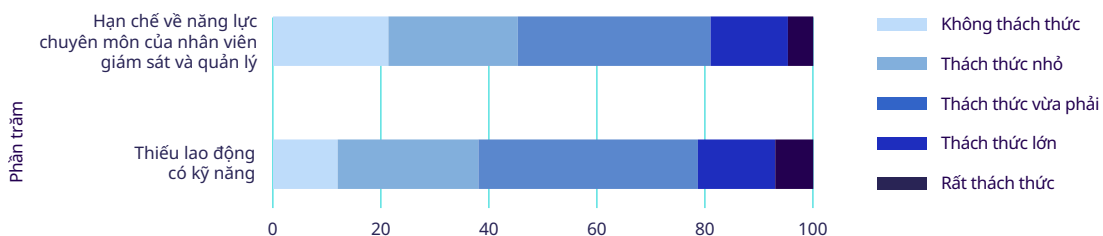
► **Bảng 8. Tỷ lệ lao động nam và lao động nữ trong các công việc khác nhau của ngành điện tử**

Nhóm lao động	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Lao động nam	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Nhà quản lý ở tất cả các cấp, ngành, đơn vị	0,1	0,7	0,4	0,2	0,0	0,2	0,3	0,0	0,0	0,0	0,0
Nhà chuyên môn bậc cao	11,6	14,2	15,4	11,3	10,2	12,5	12,0	11,2	11,3	9,4	8,0
Nhà chuyên môn bậc trung và kỹ thuật viên	6,9	7,6	7,2	9,0	8,8	5,2	4,8	6,5	6,6	5,1	3,7
Nhân viên văn phòng (kỹ năng cơ bản, hành chính văn thư, v.v.)	1,7	4,8	3,0	4,8	4,3	3,3	4,3	4,1	3,1	4,4	3,5
Dịch vụ cá nhân, dịch vụ bảo vệ, nhân viên bán hàng có kỹ năng	6,0	3,9	5,9	6,0	5,3	4,2	4,6	4,1	3,1	2,3	3,5

Nhóm lao động	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Thợ vận hành máy móc/ thiết bị và công nhân lắp ráp có kỹ năng	48,6	47,5	45,8	49,2	45,6	57,5	57,4	58,6	64,2	68,2	66,3
Lao động thủ công	2,2	5,0	5,0	4,5	4,8	3,5	3,1	2,6	2,6	3,1	4,6
<b>Lao động nữ</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Nhà quản lý ở tất cả các cấp, ngành, đơn vị	0,1	0,2	0,5	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
Nhà chuyên môn bậc cao	4,2	4,7	5,7	4,6	4,1	4,4	5,1	3,4	4,9	4,0	4,4
Nhà chuyên môn bậc trung và kỹ thuật viên	2,8	2,7	3,7	2,3	2,3	1,7	1,8	2,5	2,7	2,0	3,0
Nhân viên văn phòng (kỹ năng cơ bản, hành chính văn thư, v.v.)	5,6	5,4	4,2	4,3	3,9	4,7	4,6	4,6	4,3	4,1	2,5
Dịch vụ cá nhân, dịch vụ bảo vệ, nhân viên bán hàng có kỹ năng	1,1	1,3	0,6	1,2	1,0	1,2	1,3	1,3	0,9	1,8	0,9
Thợ vận hành máy móc/ thiết bị và công nhân lắp ráp có kỹ năng	62,4	62,9	61,6	57,4	57,8	69,0	66,9	68,0	72,2	78,3	76,0
Lao động thủ công	7,5	7,3	8,2	8,6	7,7	6,2	6,5	5,7	5,9	4,1	4,0

Kết quả từ Khảo sát nhanh VCCI/ILO cho thấy khoảng 60% số người được hỏi cho rằng tình trạng thiếu lao động có tay nghề cao là một thách thức với mức độ từ mức độ trung bình đến nghiêm trọng. Tương tự, khoảng 50% số người được hỏi cho rằng năng lực kỹ thuật của nhân viên giám sát và quản lý là một thách thức với mức độ từ trung bình đến nghiêm trọng đối với doanh nghiệp của họ (xem Hình 18). Kết quả Khảo sát nhanh cũng cho thấy khoảng một phần ba số doanh nghiệp được hỏi đã xác định những khoảng trống trong các kỹ năng cụ thể. Đó là các kỹ năng giám sát và quản lý như kỹ năng giao tiếp, thương lượng và giải quyết vấn đề, kỹ năng mềm (cho lao động trẻ và lao động nữ), kỹ năng đào tạo của giảng viên trong nhà máy.

► **Hình 18. Kết quả khảo sát doanh nghiệp: “Mức độ nghiêm trọng của những thách thức sau trong nhà máy như thế nào?”**

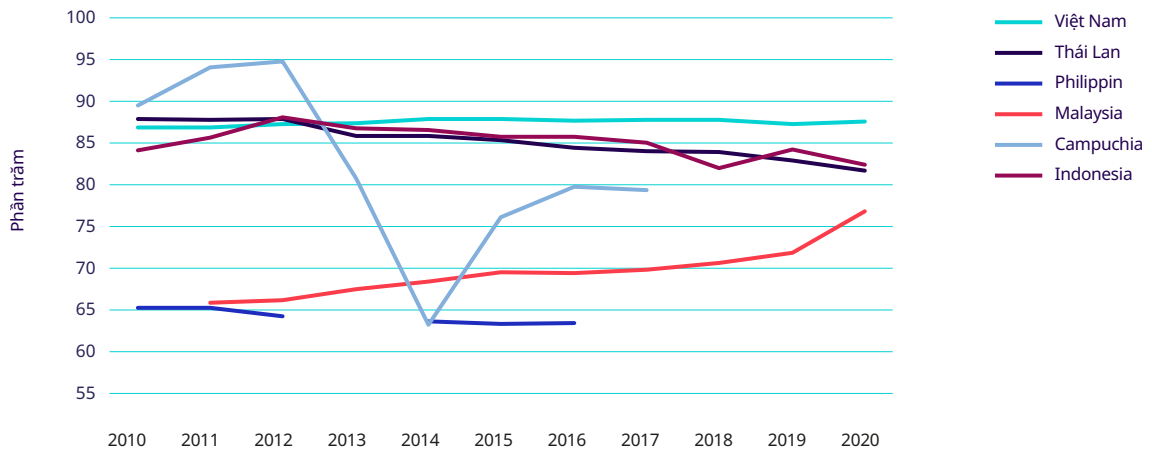


Nguồn: Khảo sát nhanh VCCI/ILO

Đánh giá chung về việc làm trong ngành điện tử là lao động nữ chiếm đa số ở các nghề có trình độ kỹ năng trung bình, yêu cầu trình độ văn hóa tối thiểu là trung học cơ sở và thiếu các kỹ năng quản lý và giám sát cụ thể. Tuy vậy, nghiên cứu của Ngọc và Bình (2019) đã thảo luận về năng lực cạnh tranh của các kỹ sư Việt Nam trong ngành điện tử ở khu vực Đông Nam Á. Các kỹ sư Việt Nam ngày càng làm việc nhiều cho các công ty nước ngoài như Samsung. Theo báo cáo vào năm 2016, 1.700 lao động tay nghề cao của Việt Nam đã làm việc tại trung tâm R&D lớn nhất Đông Nam Á của Samsung, đặt tại Hà Nội năm 2012 (UNIDO 2018). Cũng theo báo cáo, 10% tổng số nhà phát triển phần mềm của Samsung trên toàn cầu là kỹ sư Việt Nam. Samsung cũng đã mở trung tâm R&D thứ hai tại Khu Công nghệ cao Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh vào năm 2017 (Ngọc và Bình 2019). Các kỹ sư Việt Nam làm việc trong ngành điện tử có trình độ khá cao trong khu vực Đông Á (Nguyễn 2020).

Nhìn chung, ở Việt Nam, một tỷ lệ cao trong tổng lực lượng lao động (cả nam và nữ) đã hoàn thành giáo dục ở bậc cao hơn.<sup>27</sup> Con số này ở mức khoảng 87-88% trong giai đoạn 2010-2020 và cao hơn so với các nước láng giềng như Campuchia, Malaysia, Philippin, Thái Lan và Indonesia (xem Hình 19).

► **Hình 19. Lực lượng lao động có trình độ học vấn bậc cao (% tổng dân số trong độ tuổi lao động có trình độ học vấn bậc cao)**

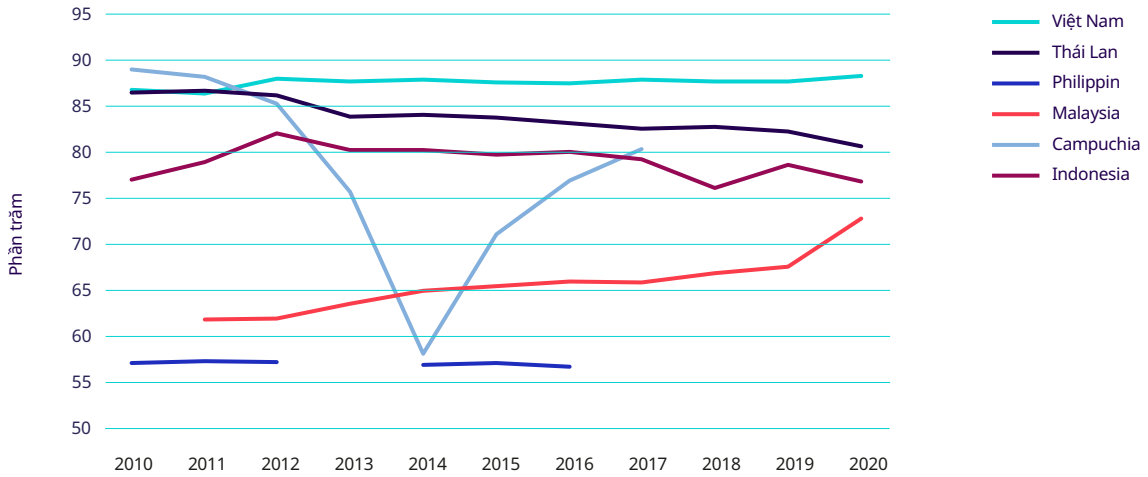


Nguồn: Ngân hàng Thế giới (2022)

Khi chia nhỏ theo giới, tỷ lệ nữ trong lực lượng lao động hoàn thành giáo dục bậc cao trong thập kỷ vừa qua là khoảng 88%. Đây là mức tương đối cao so với các nước láng giềng trong khu vực (xem Hình 19). Tương tự, tỷ lệ nam giới trong lực lượng lao động hoàn thành giáo dục bậc cao đã tăng từ 86% lên 88% trong thập kỷ vừa qua và cao hơn so với một số nước láng giềng (xem Hình 20).

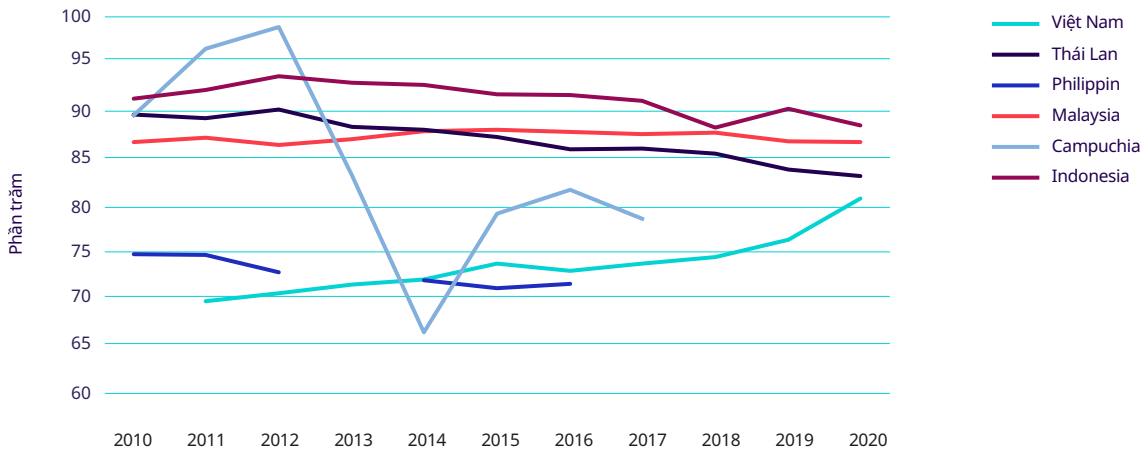
<sup>27</sup> Giáo dục bậc cao bao gồm giáo dục trung cấp/cao đẳng, chương trình cử nhân hoặc trình độ tương đương, chương trình thạc sĩ hoặc trình độ tương đương, chương trình tiến sĩ hoặc trình độ tương đương theo Phân loại chuẩn quốc tế về giáo dục 2011 (ISCED 2011).

► **Hình 20. Lực lượng lao động có trình độ học vấn bậc cao là nữ giới (% dân số là nữ giới trong độ tuổi lao động có trình độ học vấn bậc cao)**



Nguồn: Ngân hàng Thế giới (2022)

► **Hình 21. Lực lượng lao động có trình độ học vấn bậc cao là nam giới (% dân số là nam giới trong độ tuổi lao động có trình độ học vấn bậc cao)**



Nguồn: Ngân hàng Thế giới (2022)

Năm 2015, Việt Nam được Diễn đàn Kinh tế Thế giới xếp hạng thứ 10 trong danh sách các quốc gia có nhiều sinh viên tốt nghiệp ngành kỹ thuật nhất. Việt Nam cũng nằm trong danh sách top 10 về Chỉ số vốn con người năm 2016, cao hơn Trung Quốc, Indonesia và Ấn Độ. Việt Nam xếp thứ 7 trong số các quốc gia ở châu Á về Chỉ số thông thạo tiếng Anh vào năm 2014, vượt qua Indonesia và Trung Quốc (TMA Solutions, n.d.).

Về giáo dục trung học, Việt Nam đạt trình độ cao hơn đáng kể so với các nước phát triển. Tổng tỷ lệ học sinh đến trường của giáo dục trung học cơ sở và giáo dục trung học phổ thông lần lượt tăng từ 91% lên 98% và từ 60% lên 70% trong giai đoạn 2010-2019.<sup>28</sup> Trong hai kỳ gần đây nhất của Chương trình Đánh giá Học sinh Quốc tế (PISA) (năm 2012 và 2015), Việt Nam đạt điểm cao hơn Vương quốc Anh và Hoa Kỳ. Kết quả này của Việt Nam rất đặc biệt do Việt Nam là nước tham gia kỳ thi có GDP thấp nhất trong số các quốc gia được đánh giá (Đặng và cộng sự, 2020).

Chất lượng giáo dục và số liệu về trình độ học vấn bậc cao của lực lượng lao động ở Việt Nam cao hơn so với các nước sản xuất lân cận không hàm ý liên hệ đến việc thiếu lao động có tay nghề cao trong nước. Thay vào đó, đánh giá muốn nhấn mạnh rằng bản chất tay nghề thấp của công việc trong ngành điện tử là do nhu cầu của các doanh nghiệp điện tử nước ngoài đặt tại Việt Nam chuyên cung ứng cho các chuỗi cung ứng toàn cầu. Đại diện Bắc Giang cho biết: “Lao động trong các doanh nghiệp điện tử thường là lao động phổ thông. Doanh nghiệp tiến hành đào tạo ngắn hạn trong 1-2 tuần để đáp ứng yêu cầu công việc. Vì vậy, doanh nghiệp không có nhu cầu cho người lao động tham gia học nghề...”. (Phỏng vấn, 2021).

## B. Điều kiện lao động và an sinh xã hội

Theo quy định của Bộ luật Lao động 2019 (Điều 20), có hai loại hợp đồng lao động. Đó là hợp đồng lao động “không xác định thời hạn” hay nói cách khác là hợp đồng lao động vô thời hạn, và hợp đồng lao động “xác định thời hạn” có thời hạn tối đa không quá 36 tháng hoặc ba năm. Tỷ lệ người lao động làm việc trong ngành điện tử có hợp đồng lao động xác định thời hạn hoặc không xác định thời hạn đạt gần 100%. Đây là tỷ lệ cao hơn so với tất cả các ngành khác của nền kinh tế (xem Bảng 9).

► **Bảng 9. Tỷ lệ (%) người lao động theo tình trạng hợp đồng lao động**

Nhóm người lao động	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
<b>Ngành điện tử</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Có hợp đồng lao động	98,3	98,3	98,0	98,8	98,6	98,6	97,7
Không có hợp đồng lao động	1,7	1,7	2,0	1,2	1,4	1,4	2,3
<b>Công nghiệp chế biến chế tạo</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Có hợp đồng lao động	73,4	74,0	76,8	77,8	81,2	81,3	79,8
Không có hợp đồng lao động	26,6	26,0	23,2	22,2	18,8	18,7	20,2
<b>Toàn bộ nền kinh tế</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100</b>
Có hợp đồng lao động	58,6	58,8	59,1	59,5	63,1	62,3	61,2
Không có hợp đồng lao động	41,4	41,2	40,9	40,5	36,9	37,7	38,8

Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu ĐTLĐVL (TCTK)

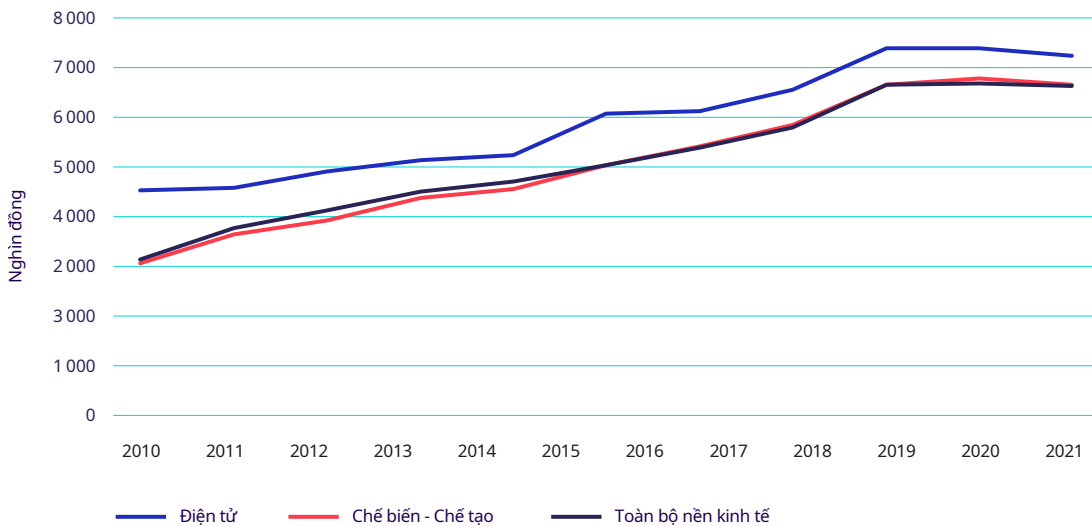
28 Nguồn: Tổng cục Thống kê, năm 2020, Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019



## Tiền lương

Một yếu tố góp phần quan trọng vào sức hấp dẫn của Việt Nam đối với các nhà đầu tư nước ngoài có liên quan đến các chuỗi cung ứng toàn cầu là lực lượng lao động ổn định, trẻ tuổi,<sup>29</sup> và được trả lương tương đối thấp so với khu vực Châu Á-Thái Bình Dương. Tại Việt Nam, lương trong ngành điện tử trung bình cao hơn so với toàn bộ lĩnh vực sản xuất. Dữ liệu Điều tra Lao động - Việc làm cho thấy tiền lương bình quân hàng tháng của lao động làm công hưởng lương trong ngành điện tử đã tăng trong thập kỷ qua từ 4,5 triệu đồng (khoảng 197 USD theo tỉ giá năm 2022) năm 2011 lên 7,2 triệu đồng (khoảng 315 USD theo tỉ giá năm 2022) năm 2021 (xem Hình 22).

► **Hình 22. Thu nhập bình quân của lao động làm công hưởng lương trong ngành điện tử (nghìn đồng)**



Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu ĐTLĐVL (TCTK).

► **Bảng 10. Thu nhập bình quân hàng tháng của lao động làm công hưởng lương trong ngành điện tử (nghìn đồng)**

Chỉ số	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Ngành điện tử	4,502	4,566	4,882	5,124	5,209	6,053	6,112	6,527	7,364	7,369	7,202
Công nghiệp chế biến - chế tạo	3,055	3,641	3,922	4,364	4,533	5,010	5,402	5,820	6,627	6,744	6,618
Toàn bộ nền kinh tế	3,119	3,758	4,113	4,488	4,698	5,023	5,372	5,776	6,629	6,645	6,600

Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu ĐTLĐVL (TCTK)

29 Năm 2020, 48,6% lực lượng lao động của cả nước ở trong độ tuổi 15 - 24 (ILOSTAT).

Chia nhỏ theo ngành nghề, có sự khác biệt lớn về thu nhập hàng tháng giữa nhân viên quản lý được trả lương cao nhất (trung bình 19 triệu đồng/tháng năm 2020) và lao động thủ công (trung bình 5.867.000 đồng/tháng) (Bảng 11). Phần lớn các nghề trong ngành là “Thợ vận hành và lắp ráp máy móc, thiết bị có kỹ năng cao” với mức thu nhập bình quân là 7.038.000 đồng/tháng. Như sẽ được thảo luận trong phần tiếp theo, mức lương hàng tháng thấp có thể dẫn đến việc người lao động cần làm thêm giờ để kiếm đủ thu nhập.

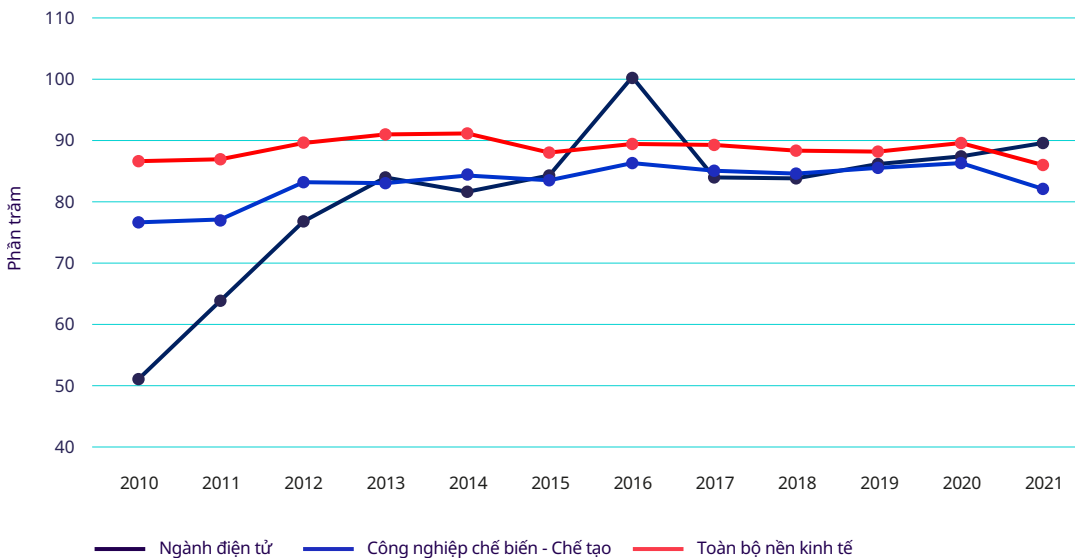
► **Bảng 11. Thu nhập bình quân hàng tháng của các nghề khác nhau trong ngành điện tử (nghìn đồng/tháng)**

Chỉ số	2011	2015	2019	2020	2021
Về ngành điện tử nói chung	4.502	5.209	7.364	7.369	7.202
Nhà quản lý ở tất cả các cấp, ngành, đơn vị	8.475	.	12.000	19.000	.
Nhà chuyên môn bậc cao	6.359	7.179	11.477	10.589	10.670
Nhà chuyên môn bậc trung và kỹ thuật viên	4.337	7.721	8.431	8.189	8.870
Nhân viên văn phòng (kỹ năng cơ bản, hành chính văn thư, v.v.)	3.348	6,266	8,108	8,474	8,469
Dịch vụ cá nhân, dịch vụ bảo vệ, nhân viên bán hàng có kỹ năng	2,661	4,011	7,073	6,273	6,075
Thợ vận hành máy móc/ thiết bị và công nhân lắp ráp có kỹ năng	4.581	4.962	6.956	7.038	6.950
Lao động thủ công	3.534	4.359	6.395	5.867	6.068

Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu ĐTLĐVL (TCTK)

Khoảng cách về lương giữa các giới vẫn tồn tại trong ngành điện tử, nhưng đã được thu hẹp tương đối nhanh chóng trong thập kỷ qua. Năm 2010, mức lương trung bình của lao động nữ bằng 51% của nam giới và năm 2021 bằng 89,6% (xem Hình 23). Khoảng cách về lương của lao động nữ trong ngành điện tử nhỏ hơn so với các ngành và lĩnh vực khác trong toàn bộ nền kinh tế.

► **Hình 23. So sánh % tiền lương mà lao động nữ nhận được so với lao động nam**



Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu ĐTLĐVL (TCTK)

► **Bảng 12. So sánh % tiền lương mà lao động nữ nhận được so với lao động nam**

Chỉ số	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Ngành điện tử	51,1	63,9	76,9	84,0	81,7	84,3	100,4	84,1	83,8	86,2	87,4	89,6
Công nghiệp chế biến - chế tạo	76,7	77,2	83,2	83,1	84,4	83,5	86,3	85,1	84,7	85,6	86,3	82,1
Toàn bộ nền kinh tế	86,6	87,0	89,7	91,1	91,2	88,1	89,5	89,4	88,4	88,2	89,6	86,0

Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu ĐTLĐVL (TCTK)

Mặc dù khoảng cách về lương theo giới đang được thu hẹp dần, các loại ngành nghề mà lao động nữ chủ yếu đảm nhiệm trong ngành không thay đổi đáng kể kể từ năm 2015, đặc biệt là ở các công việc đòi hỏi kỹ năng cao hơn (xem Bảng 13). Ví dụ, tỷ lệ lao động nữ trong nhóm nghề “Nhà chuyên môn bậc cao” là 4,1% vào năm 2015 và 4,4% vào năm 2021 và nhóm nghề “Nhà chuyên môn bậc trung và kỹ thuật viên” là 2,3% vào năm 2015 với mức tăng rất nhỏ lên 3,0% vào năm 2021. Nhóm nghề có sự gia tăng đáng kể về loại hình công việc mà lao động nữ đang làm trong ngành là nhóm ngành “Thợ vận hành máy móc/thiết bị và công nhân lắp ráp có kỹ năng”, tăng từ 57,8% vào năm 2015 lên 76,0% vào năm 2021. Xu hướng này diễn ra đồng thời với sự sụt giảm tỷ trọng lao động nữ trong nhóm ngành “Lao động thủ công”, với mức giảm từ 7,7% vào năm 2015 xuống còn 4,0% vào năm 2021.

Lao động nam có xu hướng sụt giảm trong các nghề đòi hỏi tay nghề cao trong giai đoạn 2015 - 2021 (xem Bảng 13). Năm 2015, 10,2% tổng số lao động nam trong ngành điện tử thuộc nhóm nghề “Nhà chuyên môn bậc cao”. Tỷ lệ này đã giảm xuống còn 8% vào năm 2021. Tỷ lệ lao động nam trong nhóm nghề “Nhà chuyên môn bậc trung và kỹ thuật viên” còn sụt giảm đáng kể hơn, từ 8,8% năm 2015 xuống còn 3,7% năm 2021. Giống như lao động nữ, tỷ lệ lao động nam ở nhóm nghề “Thợ vận hành máy móc/thiết bị và công nhân lắp ráp có kỹ năng” tăng đáng kể, từ 45,6% năm 2015 lên 66,3% năm 2021. Tỷ lệ lao động nam là “Lao động thủ công” hầu như giữ nguyên ở mức 4,8% vào năm 2015 và 4,6% vào năm 2021.

Xu hướng chung cho thấy nhìn chung các công việc trong các nghề đòi hỏi tay nghề cao đã giảm xuống trong khi tỷ lệ việc làm trong nhóm nghề “Thợ vận hành máy móc/thiết bị và công nhân lắp ráp có kỹ năng” gia tăng đáng kể. Điều này phù hợp với tính chất thâm dụng lao động và kỹ năng thấp vẫn đang tồn tại ở ngành này.

► **Bảng 13. So sánh tỷ lệ việc làm của tất cả lao động nam so với tất cả lao động nữ trong ngành điện tử giai đoạn 2015 - 2021**

Nhóm người lao động	2015		2016		2017		2018		2019		2020		2021	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Nhà chuyên môn bậc cao	10,2	4,1	12,5	4,4	12,0	5,1	11,2	3,4	11,3	4,9	9,4	4,0	8,0	4,4
Nhà chuyên môn bậc trung và kỹ thuật viên	8,8	2,3	5,2	1,7	4,8	1,8	6,5	2,5	6,6	2,7	5,1	2,0	3,7	3,0
Nhân viên văn phòng (kỹ năng cơ bản, hành chính văn thư, v.v.)	4,3	3,9	3,3	4,7	4,3	4,6	4,1	4,6	3,1	4,3	4,4	4,1	3,5	2,5
Dịch vụ cá nhân, dịch vụ bảo vệ, nhân viên bán hàng có kỹ năng	5,3	1,0	4,2	1,2	4,6	1,3	4,1	1,3	3,1	0,9	2,3	1,8	3,5	0,9
Thợ vận hành máy móc/ thiết bị và công nhân lắp ráp có kỹ năng	45,6	57,8	57,5	69,0	57,4	66,9	58,6	68,0	64,2	72,2	68,2	78,3	66,3	76,0
Lao động thủ công	4,8	7,7	3,5	6,2	3,1	6,5	2,6	5,7	2,6	5,9	3,1	4,1	4,6	4,0
<b>Tổng</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>

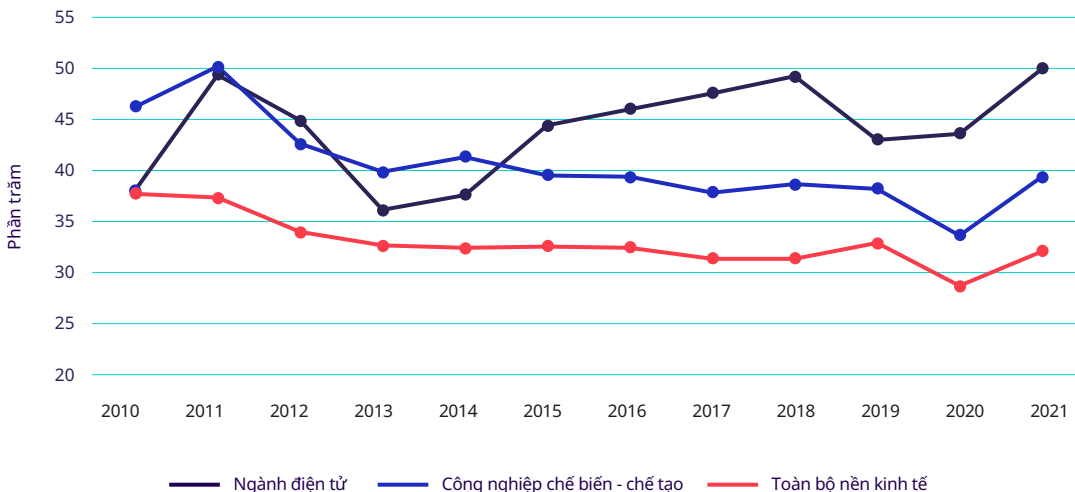
Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu ĐTLĐVL (TCTK)

## Giờ làm việc

Theo Bộ luật Lao động năm 2019, giờ làm việc bình thường không vượt quá 8 giờ/ngày và 48 giờ/tuần. Lao động trong ngành được phép làm thêm tối đa 300 giờ mỗi năm. Để đáp ứng nhu cầu sản xuất tăng cường và thiếu nhân công trong đại dịch COVID-19, giới hạn làm thêm giờ trong tháng đã được mở rộng vào ngày 1/4/2022 cho đến hết năm - tăng từ 40 giờ/tháng lên 60 giờ/tháng.<sup>30</sup>

Số liệu từ năm 2010 đến năm 2021 cho thấy tỷ lệ lao động làm thêm giờ (trên 48 giờ/tuần) trong ngành điện tử tăng dần so với các ngành và lĩnh vực kinh tế khác (xem Hình 24). Trong 5 năm qua tỷ lệ lao động làm thêm giờ trong ngành điện tử liên tục đứng ở tốp đầu của ngành công nghiệp sản xuất nói chung. Năm 2020, tính trung bình, gần 50% lao động điện tử làm việc trên 48 giờ/tuần. Theo một cán bộ Sở LĐTBXH tỉnh Bắc Giang, do lịch trình sản xuất và thời hạn đơn hàng dày đặc, lao động làm việc tại các nhà máy điện tử trung bình mỗi tháng phải làm thêm từ 40 đến 50 giờ (phỏng vấn, 2021). Hơn 50% số doanh nghiệp tham gia Khảo sát nhanh cho biết gặp khó khăn trong việc tuân thủ các quy định pháp luật về thời giờ làm việc.

► Hình 24. Tỷ lệ lao động làm thêm giờ (trên 48 giờ/tuần)



Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu ĐTLĐVL (TCTK)

Việc làm thêm giờ quá mức là một mối quan tâm lớn và phổ biến ở các quốc gia sản xuất cho các chuỗi cung ứng điện tử toàn cầu. Nhìn chung, có hai nguyên nhân chính dẫn đến việc tăng ca quá mức. Thứ nhất là bản chất của các giai đoạn sản xuất cao điểm trong đó có nhu cầu làm việc nhiều hơn hoặc chỉ tiêu đầu ra hàng ngày đối với công nhân tăng lên, kéo theo việc làm thêm giờ tập trung cũng nhiều hơn trong những giai đoạn đó và có thể quá mức (ILO 2014).

Nguyên nhân thứ hai của việc tăng ca quá mức là người lao động cần làm thêm để kiếm đủ thu nhập. Đây là một tình huống phổ biến trong công việc sản xuất được trả lương thấp, khi mức lương cơ bản thấp (Electronics Watch 2019; Raj-Reichert và Plank 2019; Chieu 2022).

30 Luật số 17/2022/UBTVQH15 của Quốc hội ban hành ngày 24/3/2022.

## Bảo hiểm xã hội

Bảo hiểm xã hội cùng với bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp là một trong ba loại bảo hiểm an sinh xã hội bắt buộc ở Việt Nam. Bảo hiểm xã hội có phạm vi quyền lợi rộng, bao gồm chế độ ốm đau, thai sản, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp hưu trí, trợ cấp tử tuất. Theo quy định tại Điều 168 của Bộ luật Lao động, “Người sử dụng lao động, người lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp” và “Đối với người lao động không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thì người sử dụng lao động có trách nhiệm chi trả thêm cùng lúc với kỳ trả lương một khoản tiền cho người lao động tương đương với mức người sử dụng lao động đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.” Bảo hiểm xã hội ở Việt Nam được thực hiện theo Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và Nghị định số 115/2015/NĐ-CP năm 2015 đã mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động là công dân Việt Nam, làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên.

Kết quả từ Khảo sát nhanh VCCI/ILO cho thấy khoảng 32% doanh nghiệp cho biết việc đáp ứng các quy định về bảo hiểm xã hội gặp nhiều khó khăn. Điều này đặc biệt đúng với các công ty lớn hơn (ILO 2022). Tuy nhiên, nhìn chung, lao động trong ngành điện tử có tỷ lệ tham gia BHXH cao hơn so với các ngành nghề khác trong khu vực sản xuất và trong toàn bộ nền kinh tế. Năm 2021, 93% lao động ngành điện tử tham gia bảo hiểm xã hội (Bảng 14).

► **Bảng 14. Tỷ lệ (%) người lao động theo tình trạng tham gia bảo hiểm xã hội**

Ngành	2017	2018	2019	2020	2021	2020	2021
<b>Ngành điện tử</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
Tham gia BH	88,4	89,8	92,3	92,5	93,4	98,6	97,7
Không tham gia BH	11,6	10,2	7,7	7,5	6,6	1,4	2,3
<b>Công nghiệp chế biến chế tạo</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Tham gia BH	66,4	69,0	72,3	73,1	72,4	81,3	79,8
Không tham gia BH	33,6	31,0	27,7	26,9	27,6	18,7	20,2
<b>Toàn bộ nền kinh tế</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Tham gia BH	50,3	51,7	54,1	53,9	53,3	62,3	61,2
Không tham gia BH	49,7	48,3	45,9	46,1	46,7	37,7	38,8

Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu ĐTLĐVL (TCTK)

## C. Các Nguyên tắc và Quyền cơ bản trong lao động và các tiêu chuẩn lao động quốc tế khác

Tuyên bố của ILO về Các Nguyên tắc và Quyền cơ bản trong lao động đã được thông qua vào năm 1998 và được sửa đổi vào năm 2022. Tuyên bố này đặt ra nghĩa vụ của các Quốc gia Thành viên ILO trong việc tôn trọng, thúc đẩy và thực hiện một cách thiện chí các nguyên tắc liên quan đến những quyền cơ bản, là đối tượng của một số Công ước và quyền cụ thể của ILO trong lao động, ngay cả khi các quốc gia đó chưa phê chuẩn các Công ước liên quan nói trên. Do đó, các quốc gia thành viên có nhiệm vụ thông qua, thực hiện cũng như nội luật hóa hiệu quả các quy định của quốc gia nhằm đảm bảo rằng các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc và các Công ước lao động quốc tế đã được phê chuẩn có ý nghĩa bảo vệ và được áp dụng cho tất cả người lao động, trên cơ sở xem xét các tiêu chuẩn lao động quốc tế khác.

Các nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động được chia thành năm nhóm: quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể, xóa bỏ lao động cưỡng bức hay lao động bắt buộc, xóa bỏ lao động trẻ em, xóa bỏ phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp, và quyền được làm việc trong một môi trường an toàn và lành mạnh.<sup>31</sup> Các nguyên tắc và quyền này đã được thể hiện và xây dựng thành mười Công ước của ILO, đồng thời được Hội đồng quản trị ILO công nhận là các nguyên tắc và quyền cơ bản (bảng 15).

► **Bảng 15. Công ước cơ bản của ILO**

Số	Công ước
29	Công ước về lao động cưỡng bức năm 1930 và Nghị định thư năm 2014
87	Công ước về quyền tự do hiệp hội và bảo vệ quyền được tổ chức, 1948
98	Công ước về Quyền tổ chức và thương lượng tập thể, 1949
100	Công ước về Trả công bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ cho một công việc có giá trị ngang nhau, 1951
105	Công ước về Xóa bỏ lao động cưỡng bức, 1957
111	Công ước về Phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp, 1958
138	Công ước về Tuổi tối thiểu được làm việc, 1973
155	Công ước về An toàn lao động, vệ sinh lao động và môi trường làm việc, 1981
182	Công ước về Cấm và hành động tức thời để loại bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, 1999
187	Công ước về Cơ chế tăng cường công tác an toàn, vệ sinh lao động, 2006

Nguồn: Các Công ước ILO

31 Tại Phiên họp thứ 110 vào tháng 6 năm 2022, Hội nghị Lao động Quốc tế đã quyết định sửa đổi đoạn 2 trong Tuyên bố của ILO về các Nguyên tắc và Quyền Cơ bản tại Nơi làm việc (1998) để xác định “quyền được làm việc trong một môi trường an toàn và lành mạnh” là một nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc.

## A.1. Quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể

Quyền tự do hiệp hội cho phép người lao động và người sử dụng lao động tổ chức thương lượng hiệu quả các mối quan hệ công việc. Chính phủ mỗi quốc gia có trách nhiệm xây dựng môi trường chính trị và dân sự ổn định, cũng như khung pháp lý, thể chế cần thiết để các tổ chức đại diện người sử dụng lao động và người lao động được tự do hoạt động mà không bị đe dọa bởi các hành vi trả đũa.

Cùng với quyền tự do hiệp hội, các thông lệ về thương lượng tập thể hiệu quả đảm bảo rằng người sử dụng lao động và người lao động có tiếng nói trong các cuộc đàm phán và kết quả cuối cùng đảm bảo tính công bằng và bình đẳng. Thương lượng tập thể cho phép hai bên thương lượng mức lương và điều kiện làm việc công bằng, đồng thời có thể ngăn ngừa các tranh chấp lao động gây tổn kém chi phí.

Hiện nay, tại Việt Nam, thông tin về số lượng và phạm vi của các hoạt động thương lượng tập thể cũng như các thỏa ước lao động tập thể trong ngành điện tử vẫn còn hạn chế. Tuy nhiên, dữ liệu về các cuộc đình công và tranh chấp công nghiệp lại là một ngoại lệ (Vui lòng tham khảo Bảng 16). Do đó, có thể thấy rõ sự cần thiết của các nghiên cứu nhằm tìm hiểu những vấn đề còn chưa rõ, và tác động của thương lượng tập thể cũng như các hình thức đối thoại khác trong ngành điện tử hiện nay cũng như trong tương lai.

► **Bảng 16. Thống kê số vụ đình công trong ngành điện tử giai đoạn 2017-2022 và tỷ lệ so với tổng số vụ đình công trên cả nước**

Năm	Tổng số vụ đình công trên toàn quốc	Ngành điện tử	
		Số vụ	Tỷ lệ %
2017	329	15	4,56
2018	214	21	9,81
2019	121	9	7,44
2020	125	12	9,60
2021	107	9	8,41
Quý 1/2022	65	15	23,08
<b>Tổng</b>	<b>961</b>	<b>81</b>	<b>8,43</b>

Nguồn: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (2022)

Theo TLĐLĐVN, phần trăm các cuộc đình công trong ngành điện tử trên tổng số các cuộc đình công trên cả nước đã tăng lên trong vài năm gần đây, từ dưới 5% vào năm 2017 tăng lên 8% năm 2021. Chỉ trong quý đầu tiên của năm 2022, 23% tổng số cuộc đình công trên cả nước xảy ra trong ngành điện tử. Tại Bắc Ninh - một trong những trung tâm sản xuất điện tử của Việt Nam, trong 7 tháng đầu năm 2022, 5 trên tổng số 5 cuộc đình công là tại các doanh nghiệp điện tử (Liên đoàn Lao động tỉnh Bắc Ninh, tháng 8 năm 2022). Các vụ đình công được đưa tin là do công nhân yêu cầu lương cao hơn, phụ cấp tiền ăn, tiền thưởng, giờ làm việc, phơi nhiễm hóa chất, trợ cấp thai sản, nghỉ ốm và nghỉ phép hàng năm.

Quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể đều là những quyền cơ bản để đạt được tất cả các mục tiêu chiến lược của ILO. Với những quyền này, các tổ chức đại diện người lao động và người sử dụng lao động độc lập, lớn mạnh có thể đóng góp vào sự tăng trưởng và phát triển của quốc gia cũng như ngành và lĩnh vực kinh tế cụ thể, bao gồm ngành công nghiệp điện tử.

Là một trong 187 Quốc gia thành viên của ILO, Việt Nam có trách nhiệm, nghĩa vụ thúc đẩy, hiện thực hóa và tuân thủ các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc, bao gồm quyền tự do hiệp hội và quyền thương lượng tập thể. Đây là nền tảng để giải quyết và cải thiện điều kiện làm việc trong ngành công nghiệp điện tử hiện tại và trong tương lai.

## A.2. Xóa bỏ lao động cưỡng bức, lao động bắt buộc và xóa bỏ lao động trẻ em

Định hướng mở cửa nền kinh tế tại Việt Nam đã khiến trẻ em trở thành đối tượng bị tổn thương nhiều hơn dưới các hình thức và mô hình mới. Những tổ chức xã hội với vai trò giải quyết vấn đề này không phải lúc nào cũng có thể bắt kịp với những thay đổi này để đưa ra hành động phù hợp. Các báo cáo gần đây đều cho thấy, mức độ di cư trong nước cũng như số lượng gia đình, trẻ em phải thay đổi nơi ở và không được đăng ký tạm trú ở các trung tâm đô thị đều tăng lên. Trẻ em và thanh thiếu niên hiện nay đều tham gia thực hiện công việc phi chính thức, không có người giám sát và không được kiểm soát. Trong những tình huống này, do mức độ tiếp cận giáo dục hạn chế, trẻ em sẽ không thể phát triển bản thân hay xây dựng một cuộc sống đúng nghĩa. Người di cư, người dân tộc thiểu số và trẻ em gái là những đối tượng cần được chú ý.

Xét tính chất công việc chính thức và làm việc tại nhà máy trong ngành công nghiệp điện tử ở Việt Nam, lao động trẻ em và lao động cưỡng bức thường không xuất hiện trong chuỗi cung ứng điện tử tại Việt Nam. Trong báo cáo của ILO năm 2020 về mức độ tuân thủ luật pháp lao động trong lĩnh vực điện tử, những vấn đề được phát hiện bao gồm, hoặc liên quan đến: tình trạng phân biệt đối xử; giờ làm việc; tiền lương và phụ cấp còn thấp; rủi ro về sức khỏe và an toàn lao động; tổ chức công đoàn hoạt động kém hiệu quả và chưa tăng cường mối quan hệ lao động; Bộ LĐTBXH và ban quản lý các khu công nghiệp chưa giám sát chặt chẽ mức độ tuân thủ pháp luật lao động; và áp dụng các tiêu chuẩn tư nhân về điều kiện lao động. Cùng với đó, khảo sát này không phát hiện các vấn đề liên quan đến lao động cưỡng bức hoặc lao động trẻ em.

## A.3. Xóa bỏ phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp

Phân biệt đối xử là rào cản tiếp cận cơ hội, gây lãng phí tài năng của con người, gây bức xúc và bất bình đẳng trong xã hội. Do đó, các biện pháp ngăn ngừa và xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử có vai trò rất quan trọng trong đầu tư nâng cao năng lực của con người và thúc đẩy việc làm thỏa đáng trong ngành công nghiệp điện tử trên toàn cầu và ở Việt Nam.

Cùng với Công ước của Liên hợp quốc về Loại bỏ Mọi hình thức Phân biệt Đối xử với Phụ nữ và Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa, các Công ước của ILO về Trả công Bình đẳng giữa Lao động Nam và Lao động Nữ cho một Công việc có Giá trị Ngang nhau năm 1951 (số 100) và Chống Phân biệt Đối xử trong Việc làm và Nghề nghiệp năm 1958 (số 111) đã tập trung vào các nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử, khẳng định quyền làm việc của phụ nữ, kêu gọi chính phủ các nước thông qua, thực hiện các quy tắc, quy định để xác lập nghĩa vụ, trách nhiệm đảm bảo rằng phụ nữ được hưởng quyền lao động bình đẳng trong pháp luật và trên thực tế. Công ước số 111 kêu gọi chính phủ các nước bãi bỏ các luật, quy định và tập quán văn hóa về hạn chế loại hình công việc mà phụ nữ có thể tham gia, hạn chế quyền tự do đi lại của phụ nữ hoặc cho phép phân biệt đối xử, bạo lực hoặc quấy rối liên quan đến công việc trên cơ sở giới. Nói cách khác, chính phủ các nước có nghĩa vụ đảm bảo rằng phụ nữ được thực hiện quyền làm việc trên cơ sở bình đẳng với nam giới.

Trong báo cáo của ILO năm 2020 về mức độ tuân thủ luật pháp lao động trong lĩnh vực điện tử, một số doanh nghiệp đã phân biệt đối xử trong quá trình tuyển dụng lao động nữ. Doanh nghiệp cũng áp dụng những quy tắc mang tính phân biệt đối xử, ví dụ như liên quan đến chính sách phụ cấp cho lao động có kinh nguyệt hoặc không mang thai.

Do lực lượng lao động trong ngành sản xuất điện tử ở Việt Nam chủ yếu bao gồm lao động nữ, một số công ty nhận thấy sự cần thiết phải đưa ra các cơ chế báo cáo mà lao động nữ đánh giá là an toàn, dễ tiếp cận và không gây nguy hiểm để sử dụng trong các tình huống bị quấy rối tình dục (cũng như phân biệt đối xử về giới hoặc bạo lực tình dục). Nghiên cứu của Uyên và Bảo (2022) cho thấy nhiều lao động nữ phải đối mặt với hành vi quấy rối tình dục trong tất cả các lĩnh vực ở Việt Nam nhưng lại không biết rằng họ là nạn nhân, nguyên nhân là do họ không được đào tạo tại nơi làm việc về quấy rối tình dục, hoặc lựa chọn không báo cáo những vụ việc như vậy vì sợ mất việc và bị trả đũa. Do đó, các hình thức cơ chế báo cáo cụ thể theo giới nhạy cảm với bối cảnh này và phù hợp với các chuẩn mực văn hóa và xã hội địa phương có vai trò rất quan trọng để giải quyết hiệu quả các vấn đề đó. Ở phạm vi rộng hơn, việc đảm bảo đáp ứng các nhu cầu cụ thể của lao động nữ, chẳng hạn như phòng vắt sữa, nghỉ thai sản và khám sức khỏe cũng là một phần của việc thúc đẩy bình đẳng giới và chống phân biệt đối xử tại nơi làm việc.



## A.4. An toàn vệ sinh lao động

Theo quy định của Luật ATVSLĐ, Luật Phòng cháy Chữa cháy, Luật Hóa chất và Bộ luật Lao động, người sử dụng lao động phải thường xuyên kiểm tra nơi làm việc về các điều kiện an toàn, huấn luyện đầy đủ cho người lao động, kiểm tra sức khỏe 6 tháng/lần cho người lao động và trang bị phương tiện bảo hộ lao động khi cần thiết. Để thực hiện những công việc này, phải có cán bộ ATVSLĐ ở các cơ sở lao động và Ban ATVSLĐ nếu doanh nghiệp có trên 1.000 người lao động để tiến hành kiểm tra 6 tháng/lần. Cơ sở sản xuất phải có phương án phòng cháy chữa cháy. Phải cung cấp tờ thông tin an toàn hóa chất và ghi nhãn đầy đủ cho hóa chất. Tai nạn lao động phải được báo cáo và điều tra kèm theo khả năng bồi thường cho người lao động.

Điều 14 Luật ATVSLĐ cũng quy định người sử dụng lao động phải tổ chức huấn luyện ATVSLĐ, cụ thể là “Người sử dụng lao động tổ chức huấn luyện cho người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ” và định kỳ huấn luyện lại. Người lao động có quyền được huấn luyện về ATVSLĐ trước khi tiến hành công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ. Điều 14 cũng yêu cầu người quản lý phụ trách ATVSLĐ, người làm công tác ATVSLĐ, an toàn vệ sinh viên trong cơ sở sản xuất, kinh doanh phải tham dự khóa huấn luyện ATVSLĐ và được tổ chức huấn luyện ATVSLĐ cấp giấy chứng nhận sau khi kiểm tra, sát hạch đạt yêu cầu. Luật Hóa chất (Điều 30) cũng yêu cầu đào tạo định kỳ cho người lao động về an toàn hóa chất.

Do tính chất sản xuất trong ngành điện tử có sự tương đồng, rủi ro về ATVSLĐ có thể giống nhau ở các địa điểm sản xuất khác nhau, bao gồm cả Việt Nam. Công việc lắp ráp sản phẩm cuối cùng liên quan đến việc tiếp xúc với một số loại hóa chất như dung môi và chất tẩy rửa như axit (Koh và cộng sự, 2004). Một nghiên cứu về việc sử dụng hóa chất trong ngành điện tử ở Việt Nam đã ghi nhận việc sử dụng cùn và chất tẩy ăn mòn, và axit sulfuric (IPEN 2017) - là những chất hóa học phổ biến được sử dụng trong các quy trình lắp ráp của toàn ngành. Công việc lắp ráp cũng có thể dẫn đến các bệnh về xương khớp do chuyển động lặp đi lặp lại, mỏi mắt do phải thực hiện kiểm tra kéo dài bằng kính hiển vi. Ngoài ra, có thể tiếp xúc với mức ồn cao từ máy móc có động cơ, thiết bị cắt và máy đóng gói (Koh và cộng sự, 2004).

Một báo cáo của Electronics Watch về Việt Nam (2019) đã nêu ra một số vấn đề liên quan đến ATVSLĐ trong ngành điện tử, bao gồm việc người lao động tiếp xúc với các hóa chất độc hại và mức độ nghiêm trọng của tiếng ồn. Ngoài ra, một cuộc khảo sát người lao động được thực hiện vào năm 2017 với công nhân ngành điện tử cũng cho thấy tỷ lệ người lao động nhận thức thấp về việc tiếp xúc với hóa chất độc hại và các mối nguy sức khỏe khác, như bụi kim loại và bức xạ. Những phát hiện này trùng hợp với quá trình đào tạo hạn chế về ATVSLĐ mà người lao động đã nhận được (Electronics Watch 2019).

Khảo sát Doanh nghiệp cũng chỉ ra những khó khăn trong công tác đào tạo ATVSLĐ, bao gồm cả việc thiếu giảng viên, vốn là mối quan ngại chung. Nhiều người trả lời khảo sát (18 trong số 42 người tham gia) cho biết họ sẽ quan tâm đến “Đào tạo giảng viên nguồn về ATVSLĐ”, cho thấy nhu cầu cấp bách đối với việc nâng cao năng lực và kiến thức về vấn đề này.

Đại dịch COVID-19 đã mang đến một thách thức mới và khác biệt về ATVSLĐ cho các doanh nghiệp trong ngành. Doanh nghiệp thực hiện phòng ngừa dịch bệnh bằng cách tuân thủ các hướng dẫn về y tế công cộng, bao gồm sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân, xét nghiệm và tiêm chủng. Kết quả Khảo sát nhanh VCCI/ILO cho thấy tỷ lệ tiêm chủng trung bình của người lao động là khá cao. Trong 40 nhà cung cấp, nhìn chung khoảng 86% lực lượng lao động đã được tiêm phòng đầy đủ tính đến cuối tháng 10 năm 2021. Trong đại dịch, báo cáo của chính quyền một số địa phương cũng cho biết các nhà máy điện tử đều giữ vệ sinh tại nhà máy và thực hiện giãn cách nghiêm túc nhằm ngăn chặn lây lan virus và phòng tránh nhiễm dịch.<sup>32</sup>

Để đánh giá tình hình ATVSLĐ trong ngành điện tử ở Việt Nam đòi hỏi Chính phủ phải có một nghiên cứu chính thức nhằm hiểu được xu hướng toàn ngành, để biết những nơi nào có các vấn đề quan ngại, thách thức và những thực hành tốt nhất có thể áp dụng để bảo vệ số lượng lao động ngày càng tăng trong ngành điện tử. Quyền được làm việc trong một môi trường an toàn và lành mạnh đã được xác định là một trong những nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc vào năm 2022; do đó, việc thực hiện nghiên cứu đó là rất cần thiết để cập nhật hướng dẫn về kiểm soát hiệu quả các dịch bệnh mới xuất hiện cũng như các rủi ro về ATVSLĐ trong ngành công nghiệp điện tử ở Việt Nam.

<sup>32</sup> Phỏng vấn trực tiếp cá nhân, Tháng 2/2022.

## D. Đối thoại xã hội

Đối thoại xã hội bao gồm tất cả các hình thức thương lượng, tham vấn và trao đổi thông tin giữa đại diện người lao động, người sử dụng lao động và cơ quan quản lý trong việc ra quyết định về các vấn đề việc làm và nơi làm việc (ILO, 2013). Quan hệ lao động chín muồi và lành mạnh phụ thuộc vào đối thoại và thương lượng giữa người sử dụng lao động và người lao động. Đại diện cho các lợi ích khác nhau này là các tổ chức đại diện người sử dụng lao động, tổ chức công đoàn và tổ chức đại diện người lao động. Truyền thông hiệu quả và các thể chế thích hợp cho quan hệ lao động có thể mang lại những kết quả quan trọng về việc làm và điều kiện làm việc cũng như giải quyết các tranh chấp lao động một cách hiệu quả (UNDP 2020).

Bảng 17 liệt kê những lĩnh vực quan trọng nhất mà những người trả lời Khảo sát nhanh VCCI/ILO cho biết họ thiếu kiến thức và kỹ năng. Những lĩnh vực này bao gồm các lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến đối thoại xã hội như hợp tác và giao tiếp tại nơi làm việc, quyền và trách nhiệm của công đoàn và ban lãnh đạo trong quan hệ lao động, tự do liên kết, thương lượng tập thể và thỏa ước lao động tập thể.

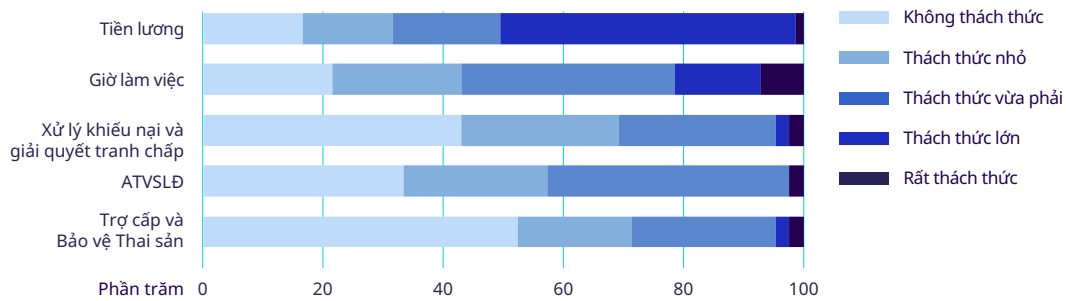
► **Bảng 17. Danh sách các lĩnh vực thiếu hụt năng lực đào tạo nhất**

Lĩnh vực	Số người trả lời	%
Lao động cưỡng bức	16	45,71
Phân biệt đối xử	14	40,0
Phòng chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc	13	37,14
Tự do liên kết, thương lượng tập thể và thỏa ước lao động tập thể	15	42,86
Quyền, trách nhiệm của công đoàn và lãnh đạo doanh nghiệp trong quan hệ lao động	17	48,57
Hợp tác và giao tiếp tại nơi làm việc	21	60,0
An toàn vệ sinh lao động	14	40,0

Nguồn: Khảo sát nhanh VCCI/ILO

Dựa trên kinh nghiệm của các doanh nghiệp trong năm qua, Hình 24 cũng cho thấy 40% số người tham gia Khảo sát nhanh nói trên cho biết gặp phải khó khăn trong việc đáp ứng các yêu cầu pháp lý và/hoặc yêu cầu của khách hàng liên quan đến đối thoại xã hội và thương lượng tập thể. Khoảng 30% số người trả lời cho biết gặp phải thách thức đối với việc đáp ứng các yêu cầu pháp lý và/hoặc yêu cầu của khách hàng về xử lý khiếu nại và giải quyết tranh chấp. Khoảng 45% người trả lời cho biết khiếu nại của người lao động về điều kiện làm việc là một vấn đề đầy thách thức tại cơ sở của họ. Khoảng 19% người được hỏi cho biết xung đột giữa người lao động, người giám sát và quản lý là một thách thức nhỏ, và 31% người được hỏi cho rằng đó là một thách thức vừa phải (ILO 2022).

► **Hình 25. Khó khăn của các nhà máy điện tử khi đáp ứng các yêu cầu của luật lao động và tiêu chuẩn của khách hàng**



Nguồn: Khảo sát nhanh VCCI/ILO

Mặc dù không thể cho rằng nguyên nhân trực tiếp là do sự gia tăng số lượng các cuộc đình công, nhưng theo báo cáo số cuộc đối thoại giữa người lao động và người sử dụng lao động - thường có xu hướng diễn ra vài lần trong năm - trở nên ít hơn trong những năm đại dịch (Phỏng vấn, 2021). Những người trả lời Khảo sát nhanh nói trên cho biết, trung bình có 3,8 cuộc đối thoại trong năm 2021, thấp hơn một chút so với mức trung bình của năm 2020 (4,5 cuộc) và năm 2019 (4,4 cuộc).

Nghiên cứu trước đó của Goto và Arai (2017) về các doanh nghiệp nước ngoài trong ngành điện tử tại Việt Nam cho thấy các cuộc đối thoại giữa người lao động và người sử dụng lao động diễn ra trong tổ chức công đoàn. Các tác giả cũng cho biết điều bất thường là 100% người lao động trong các nhà máy mà họ phỏng vấn là thành viên công đoàn, bao gồm cả nhân viên quản lý. Các tác giả lưu ý rằng cuộc đối thoại như vậy có thể không có lợi cho các nền tảng thương lượng tập thể của người lao động đối với người sử dụng lao động. Từ năm 2015, TLĐLĐVN, với hỗ trợ kỹ thuật của ILO, đã triển khai thí điểm thỏa ước lao động tập thể cho nhiều người sử dụng lao động tại các cụm công nghiệp và một trong số đó là TULĐTT do nhóm 20 doanh nghiệp điện tử tại Khu công nghiệp Trảng Duệ (thành phố Hải Phòng) ký với Công đoàn Khu Kinh tế Hải Phòng năm 2016.

Đối thoại xã hội cũng bao gồm các cơ chế thích hợp để tiếp nhận khiếu nại của người lao động, các cuộc đàm phán giữa người lao động và người sử dụng lao động và các giải pháp là điều cần thiết để đảm bảo điều kiện làm việc thỏa đáng trong các chuỗi cung ứng toàn cầu. Đặc biệt, các cơ chế khiếu nại hiệu quả có vai trò quan trọng đối với việc trao quyền cho người lao động một cách an toàn và không sợ phải chịu hậu quả tiêu cực trong việc truyền thông các hành vi vi phạm pháp luật lao động và quyền lao động. Đối thoại xã hội không chỉ có thể giúp giải quyết và cải thiện các tình huống mà còn có thể giúp ngăn ngừa hành vi vi phạm quyền lao động và điều kiện lao động tồi tệ. Ngày nay các MNE lớn, bao gồm các công ty đầu tư tại Việt Nam, đang yêu cầu các nhà cung cấp phải có cơ chế cho phép người lao động gửi khiếu nại để được giải quyết theo quy trình tư pháp hoặc phi tư pháp thông qua giảng hòa và hòa giải (Phỏng vấn 2022).

Trong những năm gần đây, công nghệ số đã cho phép các hình thức truyền thông mới về khiếu nại tại nơi làm việc, bao gồm các nền tảng khiếu nại trực tuyến. Một số nhà cung cấp tại Việt Nam vận hành các công cụ khiếu nại số như vậy, có khả năng thu thập dữ liệu và thông tin về mức độ hài lòng của người lao động, tiếp nhận khiếu nại và cung cấp hệ thống theo dõi tình trạng giải quyết khiếu nại. Trong một số trường hợp, tất cả người lao động có thể xem dữ liệu này và chia sẻ theo thời gian thực với các công ty khách hàng (Phỏng vấn 2022).



# 6.

Tính bền vững của  
doanh nghiệp và  
trách nhiệm tra soát



Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) tại Việt Nam lần đầu tiên được các tập đoàn xuyên quốc gia trong ngành dệt may đề cập vào giữa những năm 90 thông qua các quy tắc ứng xử hoặc điều khoản mua sắm, đấu thầu được chuyển giao cho các nhà cung cấp địa phương (UNDP 2020).

Kể từ đó, đã có một loạt các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức về CSR, khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam tiếp nhận CSR, tăng cường trao đổi thông tin giữa các doanh nghiệp tham gia vào các vấn đề này và thúc đẩy môi trường CSR thuận lợi tại Việt Nam (Bekefi 2006). Nhìn chung, các tập đoàn xuyên quốc gia thường được yêu cầu phải tuân thủ các sáng kiến CSR, đặc biệt là những doanh nghiệp có trụ sở tại Châu Âu và Hoa Kỳ. Bên cạnh đó, CSR cũng được Chính phủ Việt Nam thúc đẩy đồng thời nhận được sự hỗ trợ của các tổ chức đại diện doanh nghiệp như VCCI, Hiệp hội doanh nghiệp Châu Âu và Hoa Kỳ tại Việt Nam cũng như các hiệp hội doanh nghiệp khác như hiệp hội dệt may. Kể từ năm 2006, VCCI phối hợp với Bộ Công thương, Bộ LĐTB&XH, TLĐLĐVN và Hiệp hội Dệt may Việt Nam tổ chức “Giải thưởng CSR” nhằm tôn vinh các doanh nghiệp thực hiện tốt CSR.<sup>33</sup> Đây là ví dụ về cách thức mà Chính phủ Việt Nam phối hợp với các đối tác xã hội và hiệp hội ngành trong việc thúc đẩy CSR ở Việt Nam.

VCCI đã chủ động thúc đẩy CSR trong mạng lưới hội viên của mình. Năm 2007 VCCI đã phối hợp với UNDP tại Việt Nam thành lập Mạng lưới Hiệp ước Toàn cầu Việt Nam (GCVN) và thành lập Hội đồng Doanh nghiệp vì Sự Phát triển Bền vững Việt Nam (VBCSD) năm 2010. Gần đây, VCCI đã phối hợp với Ủy ban Nhân quyền Australia để tăng cường năng lực kinh doanh và đào tạo các nhà lãnh đạo doanh nghiệp về hành vi kinh doanh có trách nhiệm và quyền con người, phù hợp với Các nguyên tắc hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về Kinh doanh và Quyền con người. Trong khuôn khổ hợp tác, các bên đã xây dựng Chỉ số Bền vững Doanh nghiệp được ra mắt vào năm 2022. Sáng kiến này công nhận rằng “Đại dịch COVID-19 cho thấy hành vi kinh doanh có trách nhiệm và tôn trọng quyền con người có thể giúp các công ty chống chọi với khủng hoảng và phục hồi nhanh chóng” (VCCI 2022).

Cần phải thừa nhận rằng nhiều doanh nghiệp nước ngoài trong ngành điện tử toàn cầu ngày càng yêu cầu các nhà cung cấp của họ phải tuân thủ luật pháp lao động quốc gia và các nguyên tắc của tiêu chuẩn lao động quốc tế. Điều này chủ yếu được thực hiện thông qua các cơ chế quản lý lao động tư nhân mà kết quả thu được có thể giúp đạt được các mục tiêu công việc thỏa đáng. Với các chính sách bắt buộc về quyền con người, quyền lao động và trách nhiệm tra soát môi trường, việc tuân thủ luật pháp lao động và các nguyên tắc của tiêu chuẩn lao động quốc tế đang dần trở thành yêu cầu đối với nhà cung cấp trong các chuỗi cung ứng toàn cầu cho những thị trường xuất khẩu như Hoa Kỳ và EU (Nadvi và Raj-Reichert, 2015 ; Raj-Reichert 2011; Raj-Reichert 2019; UNIDO 2018).

Nhiều doanh nghiệp nước ngoài quy mô lớn đang hoạt động tại Việt Nam và các công ty thương hiệu tìm nguồn cung ứng từ Việt Nam như Apple, Canon, Cisco, Foxconn, Intel, Jabil, LG, Microsoft và Pegatron là thành viên của Liên minh Doanh nghiệp Có trách nhiệm (RBA) - liên minh doanh nghiệp lớn nhất trên thế giới. Các thành viên RBA phải tuân thủ quy tắc ứng xử trong hoạt động của họ tại Việt Nam và đảm bảo mức độ tuân thủ của các nhà cung cấp của họ ở tất cả các cấp của chuỗi cung ứng. Quy tắc Ứng xử RBA tham chiếu đến một số tiêu chuẩn lao động quốc tế như Tuyên ngôn Nhân quyền Quốc tế, các tiêu chuẩn lao động quốc tế của ILO, Nguyên tắc định hướng của Liên hợp quốc và Hướng dẫn của OECD cho các công ty đa quốc gia. Cụ thể, Quy tắc Ứng xử RBA có các tiêu chuẩn lao động liên quan đến tự do lựa chọn việc làm, lao động trẻ em, giờ làm việc, tiền lương và phúc lợi, đối xử nhân đạo, không phân biệt đối xử/ không quấy rối và tự do liên kết. Về sức khỏe và an toàn, RBA có các tiêu chuẩn về an toàn lao động, ứng phó khẩn cấp, thương tật và bệnh nghề nghiệp, vệ sinh công nghiệp, công việc đòi hỏi sức lực, bảo vệ máy móc, vệ sinh, thực phẩm và nhà ở, tuyên truyền về sức khỏe và an toàn.<sup>34</sup> Quy tắc ứng xử RBA cũng yêu cầu các thành viên thiết lập một hệ thống quản lý để đảm bảo việc tuân thủ, bao gồm các chương trình đào tạo cho nhân viên quản lý và người lao động để đáp ứng quy tắc ứng xử cũng như các yêu cầu pháp lý và quy định tại quốc gia hoạt động. Doanh nghiệp sản xuất và nhà cung cấp phải thể hiện sự thường

33 Bộ LĐTBXH, truy cập <http://www.molisa.gov.vn/Pages/tintuc/chitiet.aspx?tintucID=9103>.

34 Quy tắc ứng xử RBA cũng bao gồm các tiêu chuẩn về môi trường và đạo đức kinh doanh, không liên quan trực tiếp đến việc đáp ứng mục tiêu việc làm thỏa đáng. Vui lòng tham khảo Phiên bản 2021 của Quy tắc Ứng xử RBA tại: [https://www.responsiblebusiness.org/media/docs/RBACodeofConduct7.0\\_English.pdf](https://www.responsiblebusiness.org/media/docs/RBACodeofConduct7.0_English.pdf).

xuyên tuân thủ theo Quy tắc Ứng xử RBA của mình thông qua các báo cáo nội bộ, tự đánh giá, giám sát, đánh giá nội bộ và đánh giá của bên thứ ba cũng như các biện pháp khắc phục.

Việt Nam cũng cam kết tăng cường tuân thủ luật lao động quốc gia và tôn trọng, thúc đẩy và hiện thực hóa các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc như một phần trong quá trình gia nhập các hiệp định thương mại quốc tế mới gần đây. EVFTA và CPTPP có các điều khoản nhấn mạnh rằng doanh nghiệp cần tuân thủ quyền lao động, luật lao động quốc gia và tôn trọng các nguyên tắc của tiêu chuẩn lao động quốc tế.

EVFTA được coi là hiệp định thương mại tự do thế hệ mới tham vọng nhất mà EU đã ký với một nước đang phát triển xét về mức độ bao trùm, các cam kết tự do hóa (Ủy ban Châu Âu 2016) và cả những kỳ vọng về tăng cường tiêu chuẩn lao động. Chương Thương mại và Phát triển Bền vững (TSD) của Hiệp định EVFTA đưa ra một số điều khoản liên quan đến điều kiện lao động. Chương TSD yêu cầu Việt Nam thực hiện bốn tiêu chuẩn lao động cốt lõi của ILO và đạt được tiến bộ trong việc phê chuẩn các Công ước cơ bản của ILO.<sup>35</sup> Hiệp định này cũng yêu cầu EU và Việt Nam không được coi việc thực thi pháp luật lao động trong nước chỉ là một phương tiện để thu hút thương mại hoặc đầu tư nước ngoài. Cả hai bên cũng được phép áp dụng các quy định về lao động ở mức cao hơn các tiêu chuẩn cũng như quy định của các công ước của ILO, nhưng không được thấp hơn các quy định đó.

Trước khi phê chuẩn Hiệp định EVFTA, chính phủ Việt Nam đã phê chuẩn Công ước cơ bản số 98 của ILO về Quyền Tổ chức và Thương lượng Tập thể vào tháng 6/2019 và Công ước số 105 về Xóa bỏ Lao động Cưỡng bức vào tháng 7/2020. Quá trình chuẩn bị phê chuẩn Công ước số 87 của ILO về Quyền tự do Hiệp hội và Quyền Tổ chức cũng đang diễn ra theo kế hoạch phù hợp với nhu cầu quốc gia và bối cảnh kinh tế-xã hội.<sup>36</sup> Nhưng những nỗ lực trên của chính phủ Việt Nam được hoan nghênh vì điều này đã gửi một tín hiệu đến cộng đồng toàn cầu và các bên liên quan, bao gồm các đối tác kinh doanh và nhà đầu tư tiềm năng, rằng Việt Nam sẽ tăng cường bảo vệ quyền lợi của người lao động.

Việc chuyển sang các chính sách bắt buộc về quyền con người và trách nhiệm tra soát môi trường được kỳ vọng là sẽ trở nên ngày càng phổ biến hơn như các công cụ thúc đẩy hành vi kinh doanh có trách nhiệm. Ủy ban Châu Âu đã đề xuất một chỉ thị về trách nhiệm tra soát của doanh nghiệp để đảm bảo quyền con người và các tiêu chuẩn môi trường được duy trì trong các chuỗi cung ứng toàn cầu. Tại thời điểm lập báo cáo này, Quy định được đề xuất đang được Nghị viện và Hội đồng EU thảo luận và sẽ trải qua một số bước trước khi được biểu quyết, thông qua và triển khai thực hiện, quy trình này có thể mất vài năm. Ngoài ra, một số quốc gia thành viên EU đã xây dựng luật Chuỗi cung ứng toàn cầu quốc gia để đảm bảo các công ty kinh doanh trên thị trường của họ không vi phạm quyền lao động hoặc tiêu chuẩn lao động đặt ra trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Các luật mới này về chuỗi cung ứng toàn cầu bao gồm Luật Nghĩa vụ Giám sát 2017 của Pháp, Luật Nghĩa vụ Tra soát Lao động Trẻ em 2019 của Hà Lan và Đạo luật Tra soát Chuỗi cung ứng 2020 của Đức. Nói cách khác, bối cảnh pháp lý của EU về các quy định trong chuỗi cung ứng toàn cầu và điều kiện làm việc đang trở nên nghiêm ngặt hơn và phức tạp hơn.

35 Mặc dù không được thảo luận chi tiết trong báo cáo này, nhưng điều quan trọng cần lưu ý là Chương 19 của CPTPP về "Lao động" cũng kêu gọi Việt Nam đáp ứng các cam kết đối với các Nguyên tắc và Quyền cơ bản của ILO tại nơi làm việc, bao gồm tám Công ước cơ bản của ILO. CPTPP kêu gọi thực thi hiệu quả luật lao động ở Việt Nam và nâng cao nhận thức của cộng đồng về luật lao động, bao gồm thông tin công khai rõ ràng về các thủ tục và sự tuân thủ.

36 [https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/Pressreleases/WCMS\\_793248/lang--en/index.htm](https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/Pressreleases/WCMS_793248/lang--en/index.htm) Truy cập ngày 10.7.2022.





## 7.

Cơ hội và thách thức chính đối với việc nâng cao chuỗi giá trị và thúc đẩy việc làm thỏa đáng trong quá trình phục hồi hậu COVID-19

## A. Cơ hội

---

Ngành công nghiệp điện tử của Việt Nam đang đứng trước một số cơ hội quan trọng để đóng góp nhiều hơn nữa vào tăng trưởng bao trùm và việc làm thỏa đáng:

- ▶ Ngành sản xuất điện tử là một trong những ngành phát triển nhanh nhất trên thế giới (Econotimes 2022), và khi ngày càng có nhiều quy trình và hoạt động sản xuất được số hóa trên toàn thế giới, nhu cầu về các linh kiện điện tử sẽ được mở rộng (UNCTAD 2019).
- ▶ Tại Việt Nam, công nghệ điện tử, thông tin và viễn thông nằm trong nhóm 10 lĩnh vực ưu tiên hàng đầu được Chính phủ phê duyệt trong Chiến lược phát triển công nghiệp giai đoạn 2025-2035,<sup>37</sup> trong đó ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ.<sup>38</sup>
- ▶ Chi phí lao động ở Việt Nam thấp hơn các nước láng giềng trong khu vực (JETRO, 2021). Tuy nhiên, Việt Nam không mong muốn tiếp tục vai trò là một trung tâm sản xuất có chi phí thấp, và chỉ thực hiện các kỹ năng thủ công đơn giản, mà đặt mục tiêu nâng cao trình độ kỹ năng, năng suất, khả năng cạnh tranh và điều kiện làm việc.
- ▶ Trong bối cảnh xung đột thương mại Mỹ-Trung đang diễn ra và chi phí sản xuất ở Trung Quốc ngày càng tăng, các thương hiệu gia công và nhà cung cấp của họ đang tìm cách đa dạng hóa nguồn cung ứng của mình. Việt Nam là một lựa chọn phù hợp nhờ vị trí địa lý tiếp giáp với Trung Quốc - hiện là quốc gia chính cung cấp linh kiện cũng như thị trường cuối rất quan trọng (Frederick và Gereffi, 2013).
- ▶ Các FTA mới có hiệu lực gần đây như EVFTA, CPTPP và RCEP sẽ hạ thấp hàng rào thuế quan và tạo nhiều cơ hội hơn cho xuất khẩu sản phẩm điện tử của Việt Nam. Các FTA mới cũng tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư nước ngoài vào ngành điện tử.
- ▶ Triển vọng về các hoạt động có giá trị gia tăng cao hơn là đầu tư nước ngoài ngày càng tăng vào nghiên cứu phát triển (R&D) và sản xuất liên quan đến công nghệ kỹ thuật cao trong nước. Ví dụ, Samsung có hai trung tâm R&D tại Khu Công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh (Ngọc và Bình 2019). Intel đã tăng cường đầu tư vào cơ sở lắp ráp và thử nghiệm chip tại Việt Nam với thêm 475 triệu USD vào cơ sở tại Khu Công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh năm 2021. Khoản đầu tư này được sử dụng để sản xuất các sản phẩm công nghệ phức tạp hơn như sản phẩm 5G và bộ xử lý lõi (Core) thế hệ 10 của Intel (Hoang 2021a). Đây là địa điểm lắp ráp và thử nghiệm lớn nhất của Intel trên toàn cầu và sử dụng khoảng 2.700 công nhân trong nước (Intel 2021).
- ▶ Các nhà cung cấp quy mô nhỏ, tham gia vào nền kinh tế tuần hoàn trong ngành công nghiệp điện tử ở Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội tăng trưởng, nâng cấp hệ thống sản xuất, bao gồm các dịch vụ sau bán hàng như sửa chữa, tái sử dụng, tân trang và tái chế.

---

37 Quyết định số 879/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 09 tháng 01 năm 2014.

38 Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 6 tháng 8 năm 2020 về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2030.

## B. Thách thức

---

Việt Nam cũng gặp một số thách thức đối với việc nâng cao chuỗi giá trị và thúc đẩy việc làm thỏa đáng trong quá trình phục hồi hậu COVID-19, đó là do:

### Các ngành công nghiệp hỗ trợ trong nước chưa phát triển

Như đã phân tích ở trên, ngành điện tử của Việt Nam tiếp tục chịu sự ảnh hưởng của các nhà đầu tư nước ngoài lớn, có nguồn lực tốt và có khả năng cạnh tranh cao. Các doanh nghiệp nước ngoài tiếp tục mở rộng và chuyển địa điểm sản xuất từ các nước khác, cụ thể là Trung Quốc, sang Việt Nam. Điều này chủ yếu nằm ở các hoạt động lắp ráp các bộ phận và linh kiện nhập khẩu vốn sử dụng nhiều lao động. Việt Nam tiếp tục phụ thuộc đáng kể vào đầu vào từ các nhà cung cấp nước ngoài. Mặt khác, các doanh nghiệp trong nước chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ, ghi nhận năng suất và mức độ đổi mới sáng tạo ở mức thấp so với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trong khi cũng chưa hội nhập toàn diện vào các chuỗi giá trị toàn cầu (IFC, 2021). Các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, phải đối mặt với thách thức cạnh tranh về chất lượng và mô hình kinh doanh để trở thành nhà cung cấp cho các doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam.

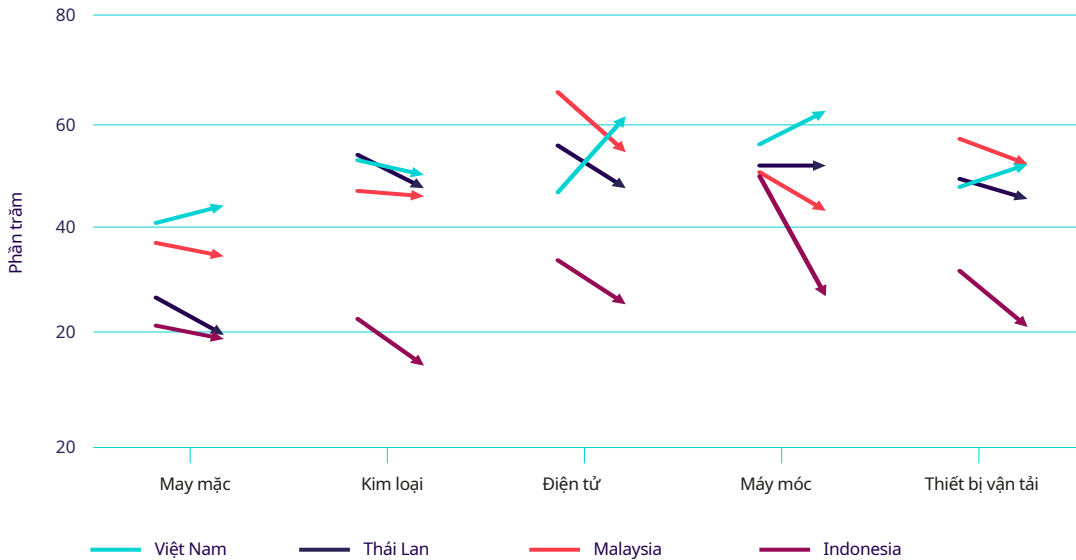
Một số rào cản chính để chuyển sang sử dụng nguyên liệu đầu vào sản xuất trong nước bao gồm: không có nhiều nhà cung cấp trong nước có khả năng đáp ứng yêu cầu về chất lượng, số lượng, thời gian giao hàng và giá cả, bên cạnh sự thiếu vắng các chính sách liên quan để hỗ trợ doanh nghiệp trong nước (IFC, 2021). Bên cạnh đó, kinh tế thế giới cũng suy yếu do cuộc chiến tại Ukraina vẫn tiếp diễn, các hoạt động giao thương năng lượng và thực phẩm gián đoạn đáng kể, cũng gây ra tác động tiêu cực tới tình hình tài chính toàn cầu.

Việc các doanh nghiệp nước ngoài tiếp tục hiện diện áp đảo trong ngành điện tử cũng mang đến những thách thức đối với kết quả phát triển kinh tế trong nước. Theo nghiên cứu của Ngọc và Bình (2019, 6), việc sử dụng các bộ phận và linh kiện sản xuất trong nước cho các thành phẩm được lắp ráp tại Việt Nam là khá thấp. Năm 2016, các nhà cung cấp trong nước chỉ đáp ứng được 30% - 35% nguyên liệu đầu vào cho các thiết bị điện tử và chỉ 5% cho các sản phẩm điện tử công nghệ cao (Ngọc và Bình, 2019). “Tỷ lệ nội địa hóa” này cũng thấp hơn so với Ấn Độ và Trung Quốc (Can 2022). Điều này có nghĩa là các nhà cung cấp trong nước có giá trị gia tăng hay khả năng nắm bắt giá trị rất thấp (Gereffi 2019). Việc thiếu các ngành công nghiệp phụ trợ trong nước dẫn đến việc phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu đầu vào, phụ tùng và linh kiện để lắp ráp các sản phẩm cuối cùng trong nước. Năm 2019, tỷ trọng tổng giá trị gia tăng của các ngành công nghiệp “máy tính, sản phẩm điện tử và quang học” và “thiết bị điện” là 2,2% và của ngành “viễn thông” chỉ là 1,1% (Can 2022).

Thay vào đó, theo OECD (2021a), giá trị gia tăng nước ngoài của hàng điện tử xuất khẩu của Việt Nam đã gia tăng đáng kể (xem Hình 26).

Do các ngành công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam còn chưa phát triển, sản xuất điện tử phụ thuộc rất nhiều vào nhập khẩu và các doanh nghiệp trong nước đang phải vật lộn để hòa nhập vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

► **Hình 26. Tỷ trọng giá trị gia tăng của nước ngoài trong tổng kim ngạch xuất khẩu theo ngành, 2005-2016**



Nguồn: OECD (2021), tr. 145

## Những vướng mắc trong việc thực hiện quy định lao động trong nước, tiêu chuẩn lao động quốc tế và Bộ luật Lao động 2019

Bộ luật Lao động 2019 có hiệu lực từ năm 2021 đã quy định về điều kiện làm việc và bảo vệ quyền của người lao động. Một vấn đề chung được nêu ra trong các cuộc phỏng vấn với các bên liên quan là yêu cầu tuân thủ và thực thi Bộ luật Lao động 2019 có vai trò quan trọng đối với hoạt động kinh doanh trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch sao cho điều đó có thể mở rộng điều kiện làm việc thỏa đáng trong ngành điện tử. Tuy nhiên, trong quá trình phỏng vấn, các tổ chức phi chính phủ và công ty liên quan đều bày tỏ quan ngại về việc hiện chưa có hướng dẫn rõ ràng về cách thức thực hiện một số mục trong Bộ luật Lao động, trong đó có việc thành lập và vận hành các tổ chức người lao động tại doanh nghiệp. Khi được hỏi về mức độ hiểu biết về Bộ luật Lao động, chỉ có khoảng 36% nhà cung cấp trong Khảo sát nhanh VCCI/ILO cho biết họ “cực kỳ hiểu” và 52% cho biết “hiểu ở mức độ vừa phải” các quy định cụ thể trong luật. Phỏng vấn với đại diện các cơ quan chính quyền cấp tỉnh ghi nhận rằng trong suốt các cuộc đối thoại giữa chính quyền với doanh nghiệp, các doanh nghiệp đều chia sẻ về những khó khăn trong việc hiểu rõ cách thực hiện các điều khoản về nghỉ phép năm theo Bộ luật Lao động mới 2019.

## Quy tắc Ứng xử và tuân thủ quy định pháp lý và giám sát

Ngày nay, đạo đức kinh doanh và tuân thủ luật pháp và các quy tắc ứng xử về điều kiện lao động ngày càng trở nên quan trọng trong ngành công nghiệp toàn cầu. Theo Kain và Sharma (2014: 40) “trên toàn cầu, người ta đã nhận ra rằng thách thức mà doanh nghiệp phải đối mặt không chỉ là “tiếp thị” một sản phẩm, mà nó nằm ở việc làm cho quá trình trở nên “được xã hội chấp nhận”.

Theo đó, tại EU, Chỉ thị sửa đổi về Mua sắm công vào năm 2012 cho phép các Quốc gia Thành viên EU đưa ra các cân nhắc xã hội trong quá trình mua sắm công đối với hàng hóa, bao gồm cả những hàng hóa được thực hiện tại các nhà máy thuê ngoài trong khuôn khổ chuỗi cung ứng toàn cầu - một hoạt động được gọi là mua sắm công có trách nhiệm với xã hội (SRPP) (Raj-Reichert và cộng sự, 2022). Mục tiêu của SRPP là cho phép sức mua của EU đảm bảo được các điều kiện làm việc thỏa đáng trong sản xuất hàng hóa và dịch vụ bao gồm cả trong chuỗi cung ứng toàn cầu (Ủy ban Châu Âu 2021). Thị trường mua sắm công của EU là

một trong những thị trường lớn nhất trên thế giới. Năm 2021, 14% GDP của EU được tạo ra từ hoạt động mua sắm công. Khách hàng khu vực công có thể mua các sản phẩm điện tử rất đắt tiền với số lượng lớn trong nhiều năm và do đó họ là những người tiêu dùng quan trọng đối với các hãng thương hiệu. Việc vi phạm các điều kiện của hợp đồng mua sắm công về điều kiện lao động sẽ không chỉ gây ra nguy cơ chấm dứt đơn hàng mà còn là vụ tai tiếng công khai đối với các chính phủ (Stracke, Lendal và Johannisson 2013).

Các công ty thương hiệu với các chương trình quản trị nhà cung cấp lâu đời đang tìm kiếm những cách thức sáng tạo và giám sát điều kiện làm việc tại các địa điểm thuê ngoài như một phần của quá trình tra soát và để tránh bị dính vào một vụ bê bối công khai (Phồng vấn, 2022). Sự hiện diện của các thương hiệu hướng đến người tiêu dùng và các công ty nước ngoài khác với các chương trình tuân thủ tư nhân có thể/nên là cơ hội để củng cố các mục tiêu việc làm thỏa đáng Hoạt động quản trị nhà cung cấp của các thương hiệu và các nhà cung cấp lớn hơn bao gồm hoạt động kiểm toán, báo cáo giám sát và các công cụ khác để thu thập thông tin về người lao động tại cơ sở. Điều này được thực hiện để đảm bảo các nhà cung cấp tuân thủ các yêu cầu của khách hàng và các yêu cầu về điều kiện làm việc. Họ cũng quan tâm đến việc chuyển Quy tắc ứng xử xuống các nhà cung cấp cấp thấp hơn và để đảm bảo sự tuân thủ giữa tất cả các nhà cung cấp trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Các nhà cung cấp cũng phải chịu sự giám sát của tổ chức phi chính phủ. Ví dụ: Electronics Watch thực hiện đánh giá rủi ro về điều kiện lao động tồi tệ và vi phạm quyền lao động, đồng thời giám sát điều kiện của người lao động tại các nhà máy của các công ty có thương hiệu và các nhà cung cấp của họ tại các quốc gia mà từ đó các cơ quan quản lý mua sắm công EU có thể xác định nguồn gốc, bao gồm cả Việt Nam.

Hiệp định EVFTA cũng quy định các quy trình giám sát thông qua một ủy ban liên chính phủ và các cơ chế đối thoại thể chế được gọi là “Nhóm Tư vấn trong nước” (Nhóm Tư vấn) đại diện cho “các bên liên quan về kinh tế, xã hội và môi trường, bao gồm các tổ chức đại diện của người sử dụng lao động và người lao động, các nhóm kinh doanh và các tổ chức môi trường” của hai phía tham gia Hiệp định. Mục đích và chức năng của Nhóm cố vấn mỗi nước là rà soát việc thực hiện chương về Thương mại và Phát triển Bền vững trong EVFTA (EESC, n.d.). Hai Nhóm Tư vấn đã được thành lập từ phía EU và Việt Nam, và đã tham gia vào diễn đàn chung đối thoại xuyên quốc gia (Marslev và Staritz 2021). Nhóm Tư vấn tại Việt Nam gồm có VCCI, Viện Công nhân - Công đoàn (thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam), Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam, Hiệp hội Nghề cá Việt Nam, Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên, Trung tâm Phát triển Nông thôn Bền vững và Hiệp hội Thang máy Việt Nam (Bộ Công thương 2022). Nhóm Tư vấn của EU bao gồm 20 thành viên đại diện cho các doanh nghiệp, người lao động, các tổ chức môi trường và các tổ chức phi chính phủ khác. Thành viên quan tâm đến ngành điện tử bao gồm đại diện của Hiệp hội Doanh nghiệp toàn cầu (Amfori), Công đoàn và Công nghiệp toàn cầu (IndustriALL), và Sáng kiến Thương mại Bền vững IDH (EESC 2021).

Trên thực tế, đã có ý kiến chỉ trích về hiệu quả hoạt động của các Nhóm Tư vấn trong các Hiệp định TDTM khác của Liên minh Châu Âu về khía cạnh liệu cơ chế này có giúp cải thiện điều kiện làm việc hay không (xem Harrison và cộng sự 2018). Các cuộc tranh luận này nhằm phát triển “mối quan hệ giữa thương mại và lao động” và cách thức mà EU đảm bảo thương mại bền vững từ góc độ lao động thông qua cách tiếp cận dựa trên đối thoại hoặc thúc đẩy thông qua một FTA. Do đó, sự chú ý đang tập trung vào việc các Nhóm Tư vấn sẽ hoạt động trong lần triển khai mới nhất như thế nào trong khuôn khổ Hiệp định EVFTA. Hoạt động của các Nhóm Tư vấn thuộc khuôn khổ Hiệp định EVFTA sẽ được đánh giá để xem đây có phải là mô hình hoạt động tốt cho các hiệp định tương lai của EU hay không, bao gồm sự đóng góp của mô hình này đối với việc làm thỏa đáng (Phồng vấn 2021).

## Kỹ năng của người lao động

Một trong những thách thức hoặc khoảng cách chính mà các công ty trong ngành điện tử xác định là thiếu lao động có tay nghề. Kỹ năng và trình độ học vấn cao, ví dụ như kỹ năng và trình độ về khoa học công nghệ, đóng vai trò rất quan trọng trong tăng trưởng đổi mới và giá trị gia tăng của ngành điện tử. Ví dụ, số lượng kỹ sư có trình độ cao có thể tương quan với sự phát triển của các ngành công nghiệp đổi mới. Trung Quốc là một ví dụ điển hình (Klinger-Vidra và Wade 2020). Hơn nữa, để người Việt Nam có khả năng cạnh tranh được việc làm ở cấp quản lý và các cấp chuyên môn khác, kể cả trong các doanh nghiệp nước ngoài, đòi hỏi người lao động phải có trình độ học vấn cao hơn.

Như đã thảo luận trước đó, lực lượng lao động có trình độ học vấn cao trong nước chiếm tỷ lệ khá cao so với các nước láng giềng trong khu vực. Tuy nhiên, lực lượng lao động trong ngành điện tử đa số thực hiện các công việc có kỹ năng trung bình. Lực lượng lao động Việt Nam vẫn bị hạn chế về kỹ năng mềm, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng số. Nhiều nhân viên trong các nhà máy điện tử đã qua đào tạo nhưng vẫn không đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp nước ngoài khi giải quyết công việc (Kizuna 2019). Các cuộc phỏng vấn và Khảo sát Doanh nghiệp cũng nêu bật nhu cầu nâng cao kỹ năng mềm, năng lực sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin, năng lực ngoại ngữ của người lao động trong ngành. Tuy nhiên, nhìn chung, đào tạo ngắn hạn tại chỗ khá phổ biến trong ngành điện tử ở Việt Nam, điều này không có lợi cho việc đạt được những kỹ năng cần thiết nêu trên, vì nó trái ngược với việc đầu tư vào cơ sở giáo dục.

Có một vài trường hợp ngoại lệ đối với phần lớn người lao động có kỹ năng trung bình được tuyển dụng trong ngành. Samsung và Intel là hai doanh nghiệp nước ngoài quy mô lớn tuyển dụng các kỹ sư Việt Nam cho các cơ sở R&D của họ. Các MNE này cũng đã và đang đầu tư nguồn lực để phát triển nhân viên có trình độ và học vấn cao hơn. Ví dụ, Samsung đã đóng góp 2,5 triệu USD tài trợ và học bổng cho Đại học Bách Khoa Hà Nội và 1,4 triệu USD học bổng và thiết bị thí nghiệm cho Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. Intel thông qua “Intel Việt Nam” đã đóng góp 7 triệu USD tài trợ chương trình Cử nhân cho 73 sinh viên Việt Nam đang theo học tại Đại học Bang Portland tại Hoa Kỳ. Intel cũng hợp tác với Đại học Bang Arizona và Học viện Công nghệ Hoàng gia Melbourne tại Thành phố Hồ Chí Minh để đào tạo kỹ sư và nhà quản lý (UNIDO 2018). Những ví dụ này cho thấy nhu cầu về lao động tay nghề cao và trình độ học vấn cao khi các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam để thực hiện các hoạt động có giá trị gia tăng cao như R&D. Các chính sách của Chính phủ nhằm thu hút các doanh nghiệp nước ngoài mang lại giá trị gia tăng cao và đặc biệt là theo những cách thức tạo điều kiện đầu tư nâng cao trình độ học vấn của người lao động có thể có tác động kép là nâng cao trình độ học vấn và trình độ kỹ năng của lực lượng lao động và phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ trong nước có giá trị gia tăng cao nhằm gia tăng lợi ích trong nước khi Việt Nam tham gia vào các chuỗi cung ứng toàn cầu.



# 8.

Kết luận và  
đề xuất chính sách



## A. Kết luận

---

Với mục đích thúc đẩy việc làm thỏa đáng, đặc biệt là trong giai đoạn phục hồi hậu COVID-19, báo cáo này phân tích về đặc điểm ngành điện tử đang phát triển tại Việt Nam và kết nối của ngành này với chuỗi cung ứng toàn cầu, những cơ hội và thách thức khác nhau để phát triển hơn nữa ngành điện tử và việc làm thỏa đáng. Báo cáo cũng đã phân tích tác động của đại dịch COVID-19 và đánh giá hiện trạng của một số yếu tố đảm bảo việc làm thỏa đáng. Những nội dung này cũng liên quan đến cách thức mà các bên liên quan khác nhau thông qua các hoạt động quản trị để thúc đẩy các mục tiêu việc làm thỏa đáng trong ngành. Báo cáo đưa ra một số kết luận chính như sau:

- ▶ Ngành công nghiệp điện tử của Việt Nam là ngành có tốc độ phát triển nhanh, kim ngạch xuất khẩu lớn nhất, và Việt Nam đứng thứ 12 thế giới về xuất khẩu sản phẩm điện tử năm 2020. Ngành công nghiệp điện tử phát triển nhanh chóng là nhờ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách ưu tiên, có nguồn cung lao động giá rẻ, tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, bao gồm tham gia các hiệp định thương mại tự do, có vị trí địa lý và môi trường thuận lợi trong thương mại quốc tế. Ngành này do doanh nghiệp nước ngoài dẫn dắt, phụ thuộc vào linh kiện, phụ tùng nhập khẩu, trong khi doanh nghiệp trong nước chủ yếu là DNNVV, yếu và không liên kết được với các DN FDI.
- ▶ Cũng giống như doanh nghiệp trong ngành khác tại Việt Nam, doanh nghiệp điện tử chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch COVID-19 nhưng cũng đã phục hồi nhanh chóng vào năm 2021 nhờ Chính phủ Việt Nam đã ban hành kịp thời các chính sách hỗ trợ, chính quyền địa phương đã đồng hành, hợp tác, cũng như nhu cầu hàng điện tử trên toàn thế giới tăng nhanh, cả trong và sau đại dịch. Tác động của đại dịch đến tình hình việc làm tại các doanh nghiệp điện tử từng bước được khắc phục.
- ▶ Ngành công nghiệp điện tử đã trở thành một trong những ngành tạo việc làm quan trọng nhất. Từ năm 2010 đến 2020, số lượng lao động làm việc trong ngành đã tăng hơn 4,5 lần. Tuy nhiên, ngành công nghiệp điện tử tập trung vào các phân khúc thâm dụng lao động và có giá trị gia tăng thấp, đặc trưng là những ngành nghề đòi hỏi kỹ năng thấp hơn và có thời gian làm việc dài. Tình hình việc làm này thể hiện mức độ tham gia của ngành công nghiệp điện tử Việt Nam vào các chuỗi cung ứng toàn cầu, vốn chủ yếu ở gia công, lắp ráp và các công đoạn có giá trị gia tăng thấp.
- ▶ Với cơ cấu sản xuất của ngành công nghiệp điện tử tại Việt Nam, mức lương bình quân của người lao động thấp hơn so với các nước sản xuất khác như Thái Lan, Indonesia, Trung Quốc, Malaysia. Tiền lương thấp một mặt là lợi thế về chi phí nhân công để thu hút đầu tư, nhưng mặt khác lại là rào cản để đảm bảo công việc thỏa đáng, nâng cao tay nghề của người lao động, tạo cơ sở để chuyển sang các khâu sản xuất cao hơn, có giá trị gia tăng lớn hơn trong chuỗi giá trị.
- ▶ Lao động nữ chiếm 60% tổng số lao động ngành công nghiệp điện tử. Lao động trẻ và lao động nhập cư là những vấn đề khác của lực lượng lao động trong ngành điện tử.<sup>39</sup> Những đặc điểm này đòi hỏi phải tăng cường hơn nữa các biện pháp bảo vệ lao động nữ liên quan đến ATVSLĐ và sức khỏe sinh sản bên cạnh đào tạo kỹ năng đáp ứng giới và an sinh xã hội cho các nhóm lao động này.
- ▶ Các tổ chức đại diện người sử dụng lao động và người lao động (VCCI và TLĐLĐVN) đóng vai trò quan trọng trong vận động chính sách và thúc đẩy việc làm thỏa đáng trong ngành công nghiệp điện tử.
- ▶ Báo cáo trình bày những cơ hội phát triển ngành hơn nữa, bao gồm: các chính sách hỗ trợ về phát triển ngành công nghiệp điện tử của Chính phủ; lợi thế về nguồn lao động sẵn có và mức độ cạnh tranh về tiền lương; các FTA mới có hiệu lực trong thời gian gần đây; tăng cường đầu tư vào cho nghiên cứu và phát triển của các công ty đa quốc gia và; tăng trưởng và phát triển của các doanh nghiệp trong nước.

39 Biên bản tham vấn cấp tỉnh của nghiên cứu này tại tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang, tháng 12/2021



- Tuy nhiên, vẫn còn đó những thách thức để tham gia các hoạt động có giá trị gia tăng cao hơn trong các chuỗi cung ứng toàn cầu và thúc đẩy việc làm thỏa đáng trong giai đoạn phục hồi sau COVID-19, đó là: công nghiệp hỗ trợ trong nước chưa phát triển; thiếu lao động có tay nghề cao; chưa thực hiện đầy đủ Bộ luật Lao động năm 2019 và; những thách thức về tuân thủ luật lao động và thực hiện các bộ quy tắc ứng xử tại doanh nghiệp.

## B. Khuyến nghị

Để đảm bảo việc làm thỏa đáng trong ngành điện tử tại Việt Nam thì chính phủ và nhiều bên liên quan khác, cả trong nước và quốc tế, phải cùng tham gia để thực hiện những mục tiêu này. Sự phát triển của ngành công nghiệp điện tử và mức độ hội nhập sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu cũng như khu vực gần như sẽ phụ thuộc vào đầu tư của chính phủ vào cơ sở hạ tầng, nhằm giảm chi phí logistics (OECD 2021b) và cải thiện chất lượng nguồn nhân lực. Vì việc tham gia các hoạt động gia tăng giá trị cao hơn thông qua nâng cao chất lượng, năng lực chuyên môn và năng lực cạnh tranh tốt hơn có thể giúp phát triển kỹ năng cao hơn, việc làm an toàn hơn và mức lương cao hơn, các chính sách công nghiệp cũng có thể được thiết kế sao cho giúp đạt được mục tiêu việc làm thỏa đáng.

Một số khuyến nghị chính sách được đề xuất về cách thức Chính phủ và các bên liên quan khác nhau có thể đóng góp thực hiện các mục tiêu việc làm thỏa đáng được trình bày dưới đây.

### Chính phủ Việt Nam

Các chính sách công nghiệp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp điện tử là một phương tiện quan trọng để nâng cao lợi ích kinh tế và đạt được các mục tiêu xã hội và môi trường. Trong quá trình xây dựng, thực hiện, điều chỉnh các chính sách ngành, cơ quan quản lý nên liên kết kết quả việc làm thỏa đáng cũng như các mục tiêu quan trọng về tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Để đạt được mục tiêu này, chính phủ cần:

### Hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong nước trong ngành điện tử

Các chính sách phát triển doanh nghiệp địa phương phụ thuộc vào mức độ tham gia của những DN này trong các ngành công nghiệp hỗ trợ hoặc liệu họ có phải là nhà cung cấp cho các doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam hay không. Trước mắt và trong bối cảnh phục hồi sau COVID-19, chính phủ cần tập trung phát triển các nhà cung cấp trong nước để đáp ứng nhu cầu sản xuất trước mắt, hiện tại tại Việt Nam. Vì vậy, trong ngắn hạn, Việt Nam cần tập trung vào các hoạt động, yếu tố đầu vào có giá trị gia tăng thấp hơn của doanh nghiệp địa phương. Trong tương lai, chính sách cần hỗ trợ các nhà cung cấp trong nước chuyển đổi sang các quy trình và sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn. Hơn nữa, khi các nhà cung cấp trong nước nâng cao được khả năng cạnh tranh, chính sách cần hỗ trợ những DN này giảm phụ thuộc vào các hợp đồng gia công để phát triển thành những doanh nghiệp cạnh tranh và đổi mới đúng nghĩa, bao gồm doanh nghiệp sản xuất thương hiệu tại các thị trường sản phẩm chiến lược như thị trường nội địa, khu vực và thị trường ngách, vốn dễ dàng cạnh tranh hơn với doanh nghiệp.

Định hướng này phù hợp với giải pháp thoát khỏi “bẫy thu nhập trung bình”, cũng là vấn đề xảy ra tại một số quốc gia sản xuất trong chuỗi cung ứng toàn cầu khi không thể không thể vươn lên và thoát khỏi các phân khúc có chi phí thấp, thâm dụng lao động và giá trị gia tăng thấp của các chuỗi cung ứng toàn cầu (Raj-Reichert 2019). Các chính sách khoa học và công nghệ hỗ trợ khả năng R&D và đổi mới mạnh mẽ trong nước, ví dụ như để tạo ra các sản phẩm “Made in Vietnam” (xem Klingler-Vidra và Wade 2020) có thể là một lĩnh vực chính sách trọng tâm quan trọng đối với ngành điện tử của Việt Nam trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch. Chính phủ cũng có thể tập trung nguồn lực hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam có triển vọng nhằm tạo cơ hội cho doanh nghiệp phát triển, đóng vai trò dẫn dắt thị trường xuất

khẩu trong nước và thị trường quốc tế. Trong quá trình này, Chính phủ cần kiên quyết thay đổi chiến lược thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài bằng cách chỉ cấp phép cho các hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ mới, hiện đại, công nghệ cao.

Các cơ hội mới và khác biệt để phát triển mạng lưới nhà cung cấp trong nước và tăng cường các hoạt động có giá trị gia tăng cao hơn đã được gợi ý bằng cách liên kết các nhà cung cấp điện tử với các ngành khác ví dụ như công nghiệp ô tô. Điện tử ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc thiết kế và vận hành ô tô cũng như tương lai của lái xe tự hành, được ví như một “điện thoại thông minh trên bánh xe” (Raj-Reichert 2019). Ví dụ, ngành điện tử và ô tô có thể tích hợp với nhau trong sản xuất đại an toàn và hộp số ô tô (Hollweg và cộng sự, 2017).

## Tăng cường các chính sách hỗ trợ đào tạo lại và nâng cao kỹ năng cho người lao động

Việc chuyển ngành công nghiệp điện tử sang nhóm ngành nghề đòi hỏi kỹ năng cao hơn phụ thuộc vào các chính sách khác nhau. Thứ nhất, những doanh nghiệp nước ngoài sử dụng phần lớn lao động trong ngành cần được khuyến khích tổ chức đào tạo cho người lao động của doanh nghiệp và tăng cường sử dụng lao động Việt Nam có kỹ năng cao hơn trong cả vai trò quản lý và vận hành. Điều này đòi hỏi phải xây dựng một lực lượng lao động có kỹ năng tay nghề cao hơn, bao gồm các kỹ năng phù hợp với nhu cầu, yêu cầu và văn hóa của các doanh nghiệp nước ngoài. Để tăng số lượng người lao động có kỹ năng tay nghề cao hơn cho các vị trí vận hành, doanh nghiệp nước ngoài phải chuyển sang các hoạt động sản xuất có giá trị gia tăng lớn hơn tại Việt Nam. Để thúc đẩy xu hướng đó, các chính sách ngành cần thu hút đầu tư nước ngoài và phát triển doanh nghiệp trong nước để họ tham gia các hoạt động có giá trị gia tăng cao hơn. Đồng thời, các chính sách ngành phải giúp thu hút người lao động có trình độ học vấn cao hơn cũng các kỹ năng liên quan, chẳng hạn như người lao động có bằng kỹ sư. Về vấn đề này, hệ thống dịch vụ việc làm công cần được tăng cường và thông tin thị trường lao động phải được hoàn thiện, cập nhật và dễ dàng tiếp cận. Điều này có vai trò rất quan trọng vì các trung tâm dịch vụ việc làm công - với vai trò tư vấn, giới thiệu việc làm và đào tạo nghề cho người lao động - chính là những đơn vị thu thập và cung cấp thông tin về thị trường lao động, cung cấp và tuyển dụng các nhóm lao động cụ thể cho người sử dụng lao động.<sup>40</sup> Nhu cầu kỹ năng ngay lập tức trong ngành khác xa với mục tiêu của Quyết định 1446/CP-TTg<sup>41</sup> theo đó cần “xây dựng mô hình đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực ở các trình độ giáo dục nghề nghiệp để có kiến thức, kỹ năng phù hợp, có thể tiếp thu, làm chủ, khai thác, vận hành hiệu quả những tiến bộ công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”. Mặc dù vấn đề về Cách mạng Công nghiệp 4.0 không được người trả lời đề cập nhiều trong nghiên cứu này, nhưng có một số câu hỏi quan trọng về tăng trưởng trong tương lai liên quan đến cách thức, thời điểm và liệu rằng việc làm trong ngành điện tử sẽ liên kết với tự động hóa, robot và trí tuệ nhân tạo hay không. Những cơ hội đầy hứa hẹn của Cách mạng Công nghiệp 4.0 không phải lúc nào cũng điều hiển nhiên, đặc biệt là trong ngắn hạn. Do đó, điều quan trọng là phải đánh giá trong tương lai ngắn hạn và dài hạn xem loại hình đào tạo kỹ năng nào của Cách mạng Công nghiệp 4.0 có thể giúp đáp ứng mục tiêu kép là phát triển bền vững doanh nghiệp và việc làm ổn định. Điều này sẽ phụ thuộc vào việc Việt Nam có nhận được đầu tư và đầu tư cho các cơ sở sử dụng công nghệ 4.0 với yêu cầu người lao động được đào tạo đặc biệt hay không. Theo đó, hệ thống giáo dục và đào tạo cũng phải đáp ứng được nhu cầu đào tạo của người lao động. Các khảo sát cũng cho thấy nhu cầu đào tạo các kỹ năng cụ thể, đặc biệt là kỹ năng mềm cho người lao động trong ngành. Để đáp ứng nhu cầu này, cần có các hình thức đào tạo kỹ năng mềm với mục tiêu cụ thể. Đồng thời, cần tiếp tục nâng cao trình độ và kỹ năng kỹ thuật cần thiết cho các vị trí có giá trị gia tăng cao hơn trong ngành công nghiệp điện tử như quản lý và kỹ sư. Để đạt được những mục tiêu này, Chính phủ cần ban hành những chính sách, cơ chế khuyến khích phát triển mối quan hệ đối tác giáo dục công - tư giữa các trường đại học và doanh nghiệp điện tử về bằng cấp và vị trí việc làm cụ thể; đồng thời, tham vấn với các đối tác xã hội để phản ánh đúng được nhu cầu nâng cao kỹ năng của doanh nghiệp và trong các ngành, cũng như trong quá trình xây dựng các chính sách giáo dục và đào tạo nghề.

40 <https://www.lexology.com/library/detail.aspx?g=62b85d55-947c-486f-8b26-9e3d2312e35b>.

41 Quyết định số 1446/QĐ-TTg ngày 30/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”.

## Hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả chính sách lao động, việc làm và bảo trợ xã hội

Bộ luật Lao động 2019 có hiệu lực từ ngày 1/1/2021, việc ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật Lao động 2019 là rất cấp thiết. Ngoài ra, Chính phủ cần tăng cường, triển khai sâu rộng hơn các hoạt động thông tin, truyền thông để nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, người lao động về Bộ luật Lao động và yêu cầu tuân thủ pháp luật.

Giám sát điều kiện làm việc và thực thi Bộ luật Lao động là yêu cầu cần thiết để đảm bảo sự phát triển ngành công nghiệp điện tử theo hướng thúc đẩy các mục tiêu việc làm thỏa đáng. Theo đó, cần đảm bảo thanh tra lao động thường xuyên, hiệu quả thông qua sử dụng các chỉ số đánh giá điều kiện làm việc thỏa đáng. Trọng tâm là việc thực hiện các quy định về hợp đồng lao động, thời gian làm thêm giờ, ATVSLĐ và công tác an sinh xã hội. Do nhiều doanh nghiệp đa quốc gia tiến hành gia công sản xuất tại Việt Nam cũng giám sát điều kiện làm việc của doanh nghiệp cung ứng, cần xây dựng một chương trình hỗ trợ lẫn nhau, trong đó, dữ liệu và thông tin phù hợp từ các cuộc thanh tra lao động phải được công khai.

Chính phủ có thể thực hiện nghiên cứu đánh giá tình hình ATVSLĐ trong ngành công nghiệp điện tử để hiểu rõ những lĩnh vực cần quan tâm, thách thức và phương pháp thực hành tốt nhất có thể được áp dụng để bảo vệ người lao động trong ngành. Thanh tra ATVSLĐ phải được thực hiện thường xuyên, theo đúng quy định cùng với thanh tra lao động để giám sát việc tuân thủ các quy định của Bộ luật Lao động 2019 và Luật ATVSLĐ 2015.

## Doanh nghiệp và tổ chức đại diện người sử dụng lao động

### Doanh nghiệp nước ngoài

Doanh nghiệp đa quốc gia ngày càng tham gia nhiều hơn vào quản trị lao động và giám sát điều kiện làm việc tại các nhà máy và nhà cung cấp của họ tại Việt Nam. Xu hướng này phần lớn là do khách hàng ngày càng quan tâm nhiều hơn về điều kiện làm việc thỏa đáng tại các thị trường xuất khẩu như Hoa Kỳ và EU. Với các doanh nghiệp lớn, mức độ đánh giá của người dân và hệ thống quy định về điều kiện làm việc thỏa đáng trong chuỗi cung ứng toàn cầu ngày càng lớn. Doanh nghiệp nước ngoài cần đảm bảo các nhà cung cấp tại Việt Nam luôn tuân thủ các mục tiêu làm việc thỏa đáng, bao gồm tuân thủ luật pháp nước sở tại, Hướng dẫn của OECD cho Doanh nghiệp đa quốc gia và Tuyên bố ba bên của ILO về các Nguyên tắc liên quan đến các Doanh nghiệp đa quốc gia và Chính sách xã hội (Tuyên bố MNE), và các tiêu chuẩn lao động tư nhân nếu có. Điều này bao hàm các cơ chế đối thoại xã hội thường xuyên, hiệu quả và cơ chế giải quyết khiếu nại giữa người sử dụng lao động và người lao động về các mục tiêu việc làm thỏa đáng như một chiến lược ngăn ngừa vi phạm.

Vì kỹ năng làm việc là một vấn đề quan trọng đối với doanh nghiệp, người lao động cũng như đối với quá trình chuyển đổi của Việt Nam, các doanh nghiệp nước ngoài cần đóng góp nhiều hơn vào hoạt động đào tạo kỹ năng cho người lao động, hợp tác với các trường đại học, cơ sở dạy nghề trong xây dựng chương trình đào tạo, cung cấp giảng viên và hỗ trợ sinh viên thực tập.

### Doanh nghiệp trong nước

Doanh nghiệp trong nước phải tận dụng các chính sách, chương trình hỗ trợ của Chính phủ để nâng cao năng lực quản trị và năng lực số, đồng thời khai thác cơ hội từ công nghệ số trong tổ chức sản xuất, tiếp cận thị trường và mở rộng mạng lưới. Doanh nghiệp cần có chiến lược đầu tư để nâng cấp công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn của các doanh nghiệp đa quốc gia. Doanh nghiệp cũng nên tận dụng các cơ hội hợp tác với doanh nghiệp nước ngoài và tham gia vào các chuỗi cung ứng toàn cầu. Cuối cùng, doanh nghiệp phải tăng cường tuân thủ pháp luật lao động, quan tâm hơn đến việc xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, đảm bảo quyền và lợi ích của người lao động.

## Tổ chức đại diện của người sử dụng lao động

Hiệp hội doanh nghiệp điện tử Việt Nam và các Hiệp hội doanh nghiệp đại diện cho doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam như Amcham, Eurocham, Korcham và Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam là những tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong ngành điện tử. Cùng với sáng kiến của mình, các tổ chức này đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy việc làm thỏa đáng trong ngành công nghiệp điện tử. Các tổ chức này cần tích cực tham gia đối thoại hơn nữa với cơ quan quản lý, tiến hành phân tích và phản hồi chính sách, cung cấp thông tin và tư vấn cho các doanh nghiệp thành viên trong hiệp hội.

Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) là tổ chức quốc gia đại diện cho doanh nghiệp, doanh nhân, người sử dụng lao động và các hiệp hội doanh nghiệp tại Việt Nam. VCCI hoạt động nhằm phát triển, bảo vệ và hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại và công nghệ với các đối tác nước ngoài theo hướng hai bên cùng có lợi và phù hợp với quy định của pháp luật. Với vai trò và những kết nối quan trọng, hiệu quả đã được thiết lập từ lâu trong cơ chế ba bên, cũng như tư cách pháp lý là đối tác của các doanh nghiệp, VCCI có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc đảm bảo mục tiêu việc làm thỏa đáng là một phần của hỗ trợ phục hồi cung cấp cho doanh nghiệp trong dài hạn.

### ► Hộp 2. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và việc làm thỏa đáng trong ngành điện tử

VCCI đã kết nối chủ động với ngành công nghiệp điện tử thông qua Liên minh các doanh nghiệp điện tử - một sáng kiến được thành lập vào năm 2017 với Hiệp hội doanh nghiệp điện tử Việt Nam (VEIA) nhằm thúc đẩy thực hành lao động có trách nhiệm xã hội. Liên minh đã kết nối doanh nghiệp, nhà cung cấp, hiệp hội doanh nghiệp và các tổ chức khác trong ngành công nghiệp điện tử tham gia đối thoại về các vấn đề doanh nghiệp và chính sách cũng như thúc đẩy nỗ lực chung để phát triển ngành công nghiệp điện tử. Các lĩnh vực thực hành có trách nhiệm xã hội theo trọng tâm hành động của Liên minh bao gồm cải thiện cơ hội việc làm, đào tạo người lao động, điều kiện làm việc và điều kiện sống và quan hệ lao động phù hợp với Tuyên bố MNE của ILO (ILO, 2017).

VCCI cũng tích cực tham gia, cùng với các hiệp hội doanh nghiệp trong nước theo cơ chế ba bên như thông qua Ủy ban Quan hệ lao động và Hội đồng Tiền lương Quốc gia. Bên cạnh đó, VCCI cũng đóng góp kỹ thuật vào quá trình xây dựng và rà soát các chính sách lao động - xã hội.

VCCI cũng đã hỗ trợ doanh nghiệp trong giai đoạn đại dịch dưới nhiều hình thức khác nhau. VCCI đã thu thập ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp, đề xuất nhiều giải pháp với Chính phủ và tham gia vào quá trình tham vấn xây dựng chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động và người lao động gặp khó khăn trong đại dịch (như ưu tiên tiêm vắc-xin cho người lao động, tổ chức sản xuất linh hoạt nhằm bảo đảm an toàn, sử dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp để hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động trong thời gian khó khăn, v.v.).<sup>42</sup> VCCI cũng đã thành lập Hội đồng Hợp tác Doanh nghiệp ứng phó với COVID-19 để các doanh nghiệp chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và giải pháp, đề xuất các chính sách và giải pháp với các cấp có thẩm quyền ở trung ương và địa phương để ứng phó với COVID-19, kết nối và hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với đại dịch, cùng nhiều hoạt động khác.<sup>43</sup>

42 Phỏng vấn trực tiếp người trả lời, Tháng 2/2022

43 [VCCI thành lập Hội đồng hợp tác kinh doanh để ứng phó với COVID-19](#)

## Người lao động và tổ chức đại diện của NLĐ

### Người lao động

Đảm bảo việc làm thỏa đáng trong doanh nghiệp đòi hỏi doanh nghiệp phải phối hợp với người lao động tuân thủ các quy định của pháp luật lao động, nội quy lao động và quy định về an toàn vệ sinh lao động tại nơi làm việc. Việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa và đối thoại xã hội cũng cần sự tham gia và hợp tác của cả người lao động và cán bộ quản lý. Phân tích kỹ năng người lao động, chất lượng công việc, tiền lương và đối thoại xã hội trong ngành điện tử cho thấy người lao động cần nâng cao kỹ năng, đặc biệt là kỹ năng mềm và kỹ năng số, cũng như đào tạo về hợp tác và giao tiếp tại nơi làm việc. Đối với lao động nữ, cần nâng cao nhận thức về quấy rối tình dục tại nơi làm việc và các vấn đề sức khỏe sinh sản.

### Tổ chức đại diện người lao động

Công đoàn cơ sở, kể cả công đoàn ngành điện tử là tổ chức đại diện của người lao động tại doanh nghiệp. Theo Luật Công đoàn 2012, công đoàn cơ sở được tham gia thảo luận các chính sách, quy định liên quan đến quyền, lợi ích của người lao động trong doanh nghiệp và có trách nhiệm bảo vệ người lao động. Phần D ở trên về Đối thoại xã hội cho thấy xu hướng ngày càng gia tăng của tranh chấp lao động và đình công trong lĩnh vực này cũng như khoảng cách năng lực trong các khía cạnh khác nhau của quan hệ lao động tại doanh nghiệp. Điều này cho thấy cần có nhiều hoạt động nâng cao năng lực cho công đoàn cơ sở.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (TĐLĐVN) với tư cách là tổ chức đại diện người lao động cấp trung ương, cần xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực cho công đoàn cơ sở và các chương trình hỗ trợ người lao động trong ngành điện tử, cũng như phối hợp với chính phủ để thúc đẩy việc làm thỏa đáng trong ngành công nghiệp điện tử. TĐLĐVN cũng cần tổng kết kinh nghiệm triển khai thí điểm thỏa ước lao động tập thể cho nhiều doanh nghiệp sử dụng lao động tại Khu công nghiệp Trảng Dũ để nhân rộng cho các khu công nghiệp khác.



### ▶ **Hộp 3. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và công tác thúc đẩy việc làm thỏa đáng trong ngành công nghiệp điện tử**

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (TLĐLĐVN) là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân, đội ngũ trí thức và những người lao động; đại diện và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. TLĐLĐVN là thành viên của hệ thống chính trị và là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, là trung tâm tập hợp, đoàn kết, giáo dục, rèn luyện, xây dựng đội ngũ giai cấp công nhân, lao động. TLĐLĐVN tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội, tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp.<sup>44</sup>

Tương tự như PTMVCNVN, TLĐLĐVN tham gia vào các cơ chế ba bên như Ủy ban Quan hệ Lao động và Hội đồng Tiền lương Quốc gia, tham gia xây dựng và phản biện các chính sách lao động và xã hội. TLĐLĐVN cũng triển khai một số chương trình hỗ trợ người lao động về đào tạo kỹ năng, tạo việc làm, tư vấn pháp luật và tư vấn việc làm. Cùng với sáng kiến của mình, TLĐLĐVN và các công đoàn cấp dưới đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy việc làm thỏa đáng trong ngành công nghiệp điện tử.

Trong thời gian bùng phát dịch COVID-19, TLĐLĐVN đã có Công văn số 245/TLĐ ngày 18/3/2020 về việc lùi thời điểm đóng kinh phí công đoàn đối với các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 đến hết ngày 31/12/2020, hỗ trợ tiền mặt cho người lao động bị ảnh hưởng bởi COVID-19 (Quyết định 2606/QĐ-TLĐ tháng 5/2021 và Quyết định 3749/QĐ-TLĐ tháng 12/2021). TLĐLĐVN cũng chỉ đạo công đoàn cơ sở phối hợp với doanh nghiệp đảm bảo thu nhập cho người lao động và đoàn viên bị cách ly do dịch bệnh, áp dụng chế độ tiền lương khi nghỉ phép năm để đảm bảo thu nhập của người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định.

## Các tổ chức quốc tế và hiệp hội ngành nghề khác

Theo chức năng, nhiệm vụ và chuyên môn, các tổ chức quốc tế và hiệp hội ngành nghề có thể phối hợp với các bên liên quan khác trong chuỗi cung ứng để đảm bảo tuân thủ các quy tắc ứng xử và chia sẻ thông tin về việc tuân thủ của các doanh nghiệp để hiểu rõ hơn đâu là cơ hội và thách thức đối với việc làm thỏa đáng. Sự tham gia của những tổ chức này chủ yếu thông qua các tiêu chuẩn và quy tắc ứng xử doanh nghiệp, đồng thời cũng đã trở thành thông lệ với các doanh nghiệp lớn đang thực hiện gia công sản xuất tại Việt Nam. Bí quyết, hệ thống sẵn có và kinh nghiệm thu thập kiến thức, chia sẻ thông tin, giám sát điều kiện làm việc và thực thi tuân thủ các quy tắc ứng xử là những thế mạnh của họ, cần được khai thác cho các hoạt động chung, quan hệ đối tác và hợp tác với chính phủ Việt Nam và ILO để thúc đẩy các mục tiêu việc làm thỏa đáng trong ngành công nghiệp điện tử. Thông tin về điều kiện làm việc thỏa đáng được cập nhật thường xuyên thông qua những tổ chức này cần được chia sẻ và công khai để các bên liên quan hiểu rõ hơn về những cơ hội và thách thức hiện có, làm cơ sở cải thiện chính sách, chương trình thúc đẩy việc làm thỏa đáng trong ngành công nghiệp điện tử.

44 Dẫn từ Điều lệ Công đoàn Việt Nam

## Tổ chức Lao động Quốc tế

Tổ chức Lao động Quốc tế hỗ trợ các đối tác ba bên trong việc thúc đẩy các khía cạnh khác nhau của Chương trình nghị sự ILO về Việc làm thỏa đáng, và đặc biệt là các vấn đề và thách thức cụ thể được nêu ra trong báo cáo này và nêu bởi các đối tác ba bên của ILO. Một trong những nội dung của chương trình này thúc đẩy Tuyên bố ba bên về các nguyên tắc liên quan đến các doanh nghiệp đa quốc gia và chính sách xã hội (Tuyên bố MNE của ILO), nhằm đưa ra khuyến nghị về tuân thủ luật pháp quốc gia và các tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo bình đẳng trong việc làm, đào tạo gắn với việc làm, điều kiện làm việc và sinh sống, và quan hệ lao động. Tuyên bố MNE đưa ra hướng dẫn cho tất cả doanh nghiệp, bao gồm doanh nghiệp đa quốc gia và doanh nghiệp trong nước, về phương thức đóng góp vào mục tiêu việc làm thỏa đáng và thực hành lao động bền vững, có trách nhiệm và toàn diện (Goto và Arai, 2017; ILO 2017).

ILO hỗ trợ các chính phủ trong việc thúc đẩy và phê chuẩn các Công ước cơ bản của ILO và các công ước quan trọng khác áp dụng cho ngành điện tử. Điều này bao gồm Tiêu chuẩn lao động quốc tế về an toàn vệ sinh lao động, vốn được quan tâm nhiều hơn từ tháng 6 năm 2022 khi các quốc gia thành viên của ILO bổ sung quyền được làm việc trong một môi trường an toàn và lành mạnh vào các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc. Tăng cường an toàn vệ sinh lao động có vai trò rất quan trọng, đặc biệt liên quan đến các rủi ro sức khỏe trong ngành công nghiệp điện tử như tiếp xúc với bức xạ, hóa chất gây ung thư và các mối nguy sức khỏe khác bao gồm ô nhiễm không khí, tiếng ồn và độ rung.<sup>45</sup>

ILO cũng đã, đang và sẽ tiếp tục phối hợp với Chính phủ Việt Nam và các bên liên quan triển khai khung khổ quan hệ lao động mới của Việt Nam. Là đối tác lâu dài của Chính phủ Việt Nam, ILO cũng cần triển khai các chương trình và hoạt động hỗ trợ cho các đối tác ba bên bằng cách cung cấp những thông tin dựa trên bằng chứng và nâng cao năng lực nhằm đảm bảo thực thi kịp thời quy định này trong Bộ luật Lao động 2019, đảm bảo các mục tiêu việc làm thỏa đáng.



45 ILO. n.d. "[Tiêu chuẩn Lao động Quốc tế về An toàn vệ sinh lao động \(ilo.org\)](https://www.ilo.org/public/english/standards/conv/155/155.pdf)





# Tài liệu tham khảo

---

- Anh, Van and Kim Oanh. 2020. "Labour Row Besets Luxshare Ambitions" *Vietnam Investment Review*, 30 September 2020.
- Asia News Network. 2021. "[Vietnamese Cybersecurity Firm Bkav Exports Bphone to Europe](#)". *The Phnom Penh Post*, 23 March 2021.
- Bekefi, Tamara. 2006. Lessons in Building Linkages for Competitive and Responsible Entrepreneurs. UNIDO and Kennedy School of Government, Harvard University.
- Can, Luc. 2022. "Upgrading Vietnam's Participation in the Global Value Chains". *Southeast Asian Affairs* 2022: 392-410.
- Chieu, Hong. 2022. "[Overtime Sole Option to Make Ends Meet: Vietnamese Workers](#)" *VN Express International*, 23 March 2022.
- China Briefing. 2020. "[COVID-19 Contingencies: Assistance with Relocating China Assembly to Vietnam](#)", 18 February 2020.
- Chua, Chia Woon Eunice and Nguyen Dieu Tu Uyen. 2021. "[Factory Sleepovers Help Guard Vietnam's Workers From Virus Outbreaks](#)" *Bloomberg*, 6 July 2021.
- Dang, Hai-Anh, Paul Glewwe, Jongwook Lee and Ku Khoa. 2020. "What Explains Vietnam's Exceptional Performance in Education Relative to Other Countries? Analysis of the 2012 and 2015 PISA Data". RISE Working Paper Series 20/036.
- Delegation of the European Union to Vietnam. 2016. *Guide to the EU-Vietnam Trade and Investment Agreements*.
- Dobberstein, Laura. 2021. "[Vietnamese Province that Hosts Big Tech's Factories Now Fashionably COVID-free](#)". *The Register*, 10 August 2021.
- Econotimes Business. 2022. "[7 Trends That Will Affect The Future of Electronics Manufacturing](#)", 1 March 2022.
- Electronics Watch. 2019. *Regional Risk Assessment: Electronics Industry, Vietnam*.
- European Commission (EC). 2021. *Buying Social - a Guide to Taking Account of Social Considerations in Public Procurement (2nd Edition)*.
- . n.d. [EU-Vietnam Trade Agreement and Investment Protection Agreement](#).
- . n.d. [Vietnam](#).
- . n.d. "[EU Trade Relations with Vietnam: Facts, Figures and Latest Developments](#)".
- European Economic and Social Committee (EESC). 2021. "[Organisation](#)".
- . n.d. "[The EU-Viet Nam Domestic Advisory Group](#)".
- Eurostat. n.d. "[EU imports of high-tech products, top 6 partners 2011-2021](#)".
- Eurostat. n.d. "[EU imports of high-tech products, top 20 partners 2011-2021](#)".
- Eurostat. n.d. "[International Trade and Production of High-Tech Products](#)".
- Fernandez-Stark, Karina, Gereffi, Gary. 2016. *Global Value Chain Analysis: A Primer*, 2nd Edition, Duke Center on Globalization, Governance & Competitiveness
- Frederick, Stacey and Gary Gereffi. 2013. "Costa Rica in the Electronics Global Value Chain Opportunities for Upgrading". Duke University Center on Globalization, Governance and Competitiveness.

- Gereffi, Gary. 2019. "Economic Upgrading in Global Value Chains", In *Handbook on Global Value Chains*, edited by Stefano Ponte, Gary Gereffi and Gale Raj-Reichert, 250–254. Edward Elgar.
- Gerin, Roseanne. 2022. "[Vietnamese Workers at Electronics Plant Strike for Higher Pay, More Benefits](#)". *Radio Free Asia*, 15 February 2022.
- Goto, Kenta and Yukiko Arai. 2017. *Socially Responsible Labour and Business Practices in the Electronics Sector of Viet Nam*. ILO.
- GSO (General Statistics Office) of Viet Nam. 2020. *Statistical Yearbook 2020*.
- . 2021a. *Report on the COVID-19 Impact on Labour and Employment in the Third Quarter 2021*.
- . 2021b. *Report No. 282/BC-TCTK dated 29 December 2021 on Socio-Economic Situations in Quarter IV and 2021*. Ministry of Planning and Investment.
- . 2021c. "[Socio-Economic Situation in the Fourth Quarter and 2021](#)"
- . 2022. *Export-Import Report 2021*. Ministry of Industry and Trade.
- . n.d. "[Export of Phones of All Kinds and Their Parts: Main Products of Viet Nam](#)".
- . n.d. "[Number of Acting Enterprises Having Business Outcomes as of Annual 31st December by Kinds of Economic Activity](#)".
- Harrison, James, Mirela Barbu, Liam Campling, Franz Christian Ebert, Deborah Martens, Axel Marx, Jan Orbie, Ben Richardson and Adrian Smith. 2019. "Labour Standards Provisions in EU Free Trade Agreements: Reflections on the European Commission's Reform Agenda". *World Trade Review* 18 (4): 635–657.
- Hoang, Lien. 2021a. "[Intel Increases Vietnam Chip Investment by Nearly 50%](#)" *Nikkei Asia*, 27 January 2021.
- . 2021b. "[Labour Paradox Leaves Vietnam Factories Reeling After COVID Exodus](#)" *Nikkei Asia*, 20 October 2021.
- Hollweg, Claire, Tim Sturgeon and Daria Taglioni. 2017. "Overview", in *Viet Nam at a Crossroads: Engaging in the Next Generation of Global Value Chains*. World Bank.
- Hsu, S. 2021. "Which Asian Nations Can Benefit From the 'China Plus One' Strategy?" *The Diplomat*, 11 June 2021.
- IFC and the World Bank, 2021. [Country Private Sector Diagnostic: Creating Markets in Vietnam: Bolstering the Private Sector during COVID-19 and Beyond: Relief, Restructuring, and Resilient Recovery](#).
- Intel. 2021. "[Intel Invests Additional \\$475 Million in Vietnam](#)".
- . n.d. "[Intel in Vietnam](#)". Backgrounder: Viet Nam.
- International Labour Organization (ILO). 2012. *International Standard Classification of Occupations 2008 (ISCO-08). Volume 1: Structure, Group Definitions and Correspondence Tables*.
- . 2013. Report Social dialogue for the Recurrent discussion under the ILO Declaration on Social Justice for a Fair Globalization, Report VI, International Labour Conference, 102nd Session, Geneva, paras 15 & 16.
- . 2014. *Ups and Downs in the Electronics Industry: Fluctuating Production and the Use of Temporary and Other Forms of Employment*.
- . 2017. [Electronics Business Coalition in Viet Nam To Promote Socially Responsible Labour Practices](#).
- . 2018. [Labour and Social Trends in Viet Nam 2012–2017](#).
- . 2019. [Extension of the Multi-Employer Collective Bargaining Agreement in Trang Due Industrial Zone - Hai Phong](#).
- . 2020a. [Global Wage Report 2020-2021: Wages and Minimum Wages in the Time of COVID-19](#).
- . 2020b. [Quick Impact Assessment of COVID-19 Pandemic on the Key Economic Sectors: Responses, Adjustment and Resilience of Business and Workers](#).

- ILO-VCCI. 2022. *Rapid Survey in the Electronics Sector: Summary report*.
- ILO Viet Nam. 2021. [Better Work Viet Nam](#). Reference document for implementing the “3 on-site” requirement.
- ILSSA (Institute of Labour Science and Social Affairs). 2002. “2.2. State of employment in electronics sector”. MOLISA (Ministry of Labour – Invalids and Social Affairs).
- IMF (International Monetary Fund). 2021. [Vietnam: Staff Report for the 2020 Article IV Consultation](#).
- Jennings, Ralph. 2021. “Apple Supplier Foxconn To Build \$270 Million Plant In Vietnam Amid U.S.-China Tensions”. *Forbes*, 22 January 2021.
- Japan External Trade Organization. 2021. [2020 Japan External Trade Organization Survey on Business Conditions of Japanese Companies Operating Overseas Business confidence worsened due to the COVID-19 pandemic. Changes in the trading environments had a wide-ranging impact. \(Asia and Oceania\)](#).
- Joseph, Priya. 2021. [“Vietnam Soars in Global Supply Chains on Favourable Conditions” Counterpoint Research](#), 27 March 2021.
- Kain, Poonam and Sharma, Sonika, 2014. “Business Ethics as Competitive Advantage for Companies in the Globalized Era”. *Journal of Management Sciences and Technology* 3 (1).
- Kikuchi, Tomoo, Kensuke Yanagida and Mai-Huong Vo. 2018. “The effects of Mega-Regional Trade Agreements on Viet Nam”. *Journal of Asian Economics* 55 (4).
- Kizuna. 2019. [“Opportunities and Challenges of Electronic Factory in Viet Nam”](#).
- Klingler-Vidra, Robyn and Robert Wade. 2020. “Science and Technology Policies and the Middle-Income Trap: Lessons from Vietnam”. *The Journal of Development Studies* 56 (4): 717–731.
- Koh, D., G. Chan and E. Yap. 2004. “World at work: The Electronics Industry”. *Occupational and Environmental Medicine* 61: 180-183.
- Korwatanasakul, U. and P. Intarakumnerd. 2021. “Global Value Chains in ASEAN: Electronics – Paper 13”. ASEAN-Japan Centre.
- Lee, Yimou. 2020. [“Exclusive: Foxconn to Shift Some Apple Production to Vietnam to Minimise China Risk”](#). *Reuters*, 26 November 2020.
- Mai, Ngoc. 2019. [“Viet Nam ranked second in ASEAN in World Bank’s Human Capital Index”](#) *Hanoi Times*, 16 February 2019.
- Marslev, Kristoffer and Cornelia Staritz. 2022. [“Towards a Stronger EU Approach on the Trade-Labor Nexus? The EU-Vietnam Free Trade Agreement, Social Struggles and Labor Reforms in Vietnam”](#). *Review of International Political Economy*.
- Minh, Ann. 2021. [“Foxconn suppliers resume operations in coronavirus hotspot Bac Giang”](#) *VN Express International*, 29 May 2021.
- Mitarai, Hisami. 2005. “Issues in the ASEAN Electric and Electronic Industry and Implication for Vietnam” In *Improving Industrial Policy Formulation*, edited by Kenichi Ohno and Nguyen Van Thuong. Hanoi, Viet Nam: Vietnam Development Forum.
- MOIT (Ministry of Industry and Trade). 2017. [Approve the Supporting Industry Development Program to 2025](#)
- . 2021. [“Viet Nam’s Electronics Industry in the 4.0 Revolution”](#), 5 August 2021.
- . 2022. [“Viet Nam Elevator Association Becomes Member of Viet Nam Domestic Advisory Group \(DAG\) in EVFTA”](#), 24 March 2022.
- MPI (Ministry of Planning and Investment). 2022. [The situation of export and import of Vietnam’s goods in December and 12 months of 2021](#).

- Nadvi, Khalid and Gale Raj-Reichert. 2015. "Governing Health and Safety at Lower Tiers of the Computer Industry Global Value Chain". *Regulation & Governance* 9 (3): 243–258.
- Ngoc, Tran Thi Bich and Dao Thanh Binh. 2019. "Vietnam's Electronics Industry: The Rise and Problems of Further Development". *Humanities & Social Sciences Reviews* 7 (4): 1–12.
- Nguyen, Bao, Yen Vu, Bao Trung-Tran and Yoonyoung Lee. 2020. "[A Consolidated View on Technology Transfer Law and Practice of Viet Nam](#)". *Lexology*. Rouse.
- Nguyen, Trinh. 2020. "[Vietnam's Electronics Industry: A Guide to Emerging Opportunities](#)" *Vietnam Briefing*, 24 July 2020.
- . 2021. "[Bac Giang: An Emerging Investment Destination](#)" *Vietnam Briefing*, 16 March 2021.
- Nguyen, Malie. 2021. "[Foxconn Recruits 1,000 Workers in Vietnam Following its US\\$270 Million Project](#)" *Vietnam Times*, 25 February 2021.
- Nguyen, Nhung and Shiba Puri. 2022. "[Rise of Local Brands in Vietnam](#)" *Euromonitor International*, 12 April 2022.
- Nguyen, Thu. and Kyssha Mah. 2022. "An Introduction to Vietnam's Import and Export Industries" *Vietnam Briefing*, 18 March 2022.
- Nhân Dân. 2019. "[Vietnam's Population Reaches Over 96.2 Million, Ranking 15th in the World: 2019 Census](#)", 10 July 2019.
- OECD (Organisation for Economic Co-operation and Development). 2018. [Good Regulatory Practices to Support Small and Medium Enterprises in Southeast Asia Chapter 11: Vietnam in 'Good Regulatory Practices to Support Small and Medium Enterprises in Southeast Asia'](#).
- OECD (Organisation for Economic Co-operation and Development). 2021a. [SME and Entrepreneurship Policy in Viet Nam](#).
- . 2021b. [Competition Assessment Reviews: Logistics Sector in Viet Nam](#).
- Pham, Hanh Song Thi, Nguyen, Anh Ngoc Nguyen and Andrew Johnston. 2022. "Economic Policies and Technological Development of Vietnam's Electronics Industry". *Journal of the Asia Pacific Economy* 27 (2): 248–269.
- Raj-Reichert, Gale. 2011. "The Electronic Industry Code of Conduct: Private Governance in a Competitive and Contested Global Production Network". *Competition & Change* 15 (3): 221–38.
- Raj-Reichert, Gale. 2019. "The Role of Transnational First-Tier suppliers in Global Value Chain Governance", in *Handbook on Global Value Chains*, edited by Stefano Ponte, Gary Gereffi, and Gale Raj-Reichert, 354–369. Edward Elgar.
- Raj-Reichert, Gale. 2020a. "The Powers of a Social Auditor in a Global Production Network: The Case of Verité and the Exposure of Forced Labour in the Electronics Industry". *Journal of Economic Geography* 20 (3): 653–678.
- Raj-Reichert, Gale. 2020b. "Global Value Chains, Contract Manufacturers, and the Middle-Income Trap: The Electronics Industry in Malaysia". *The Journal of Development Studies* 56 (4): 698–716.
- Raj-Reichert, Gale and Leonhard Plank. 2019. *Labour Law Compliance and the Role of Labour: Inspection Viet Nam's Electronics Sector*. ILO.
- Raj-Reichert, Gale, Cornelia Staritz and Leonhard Plank. 2022. "Conceptualizing the Regulator-Buyer State in the European Union for the Exercise of Socially Responsible Public Procurement in Global Production Networks". *Journal of Common Market Studies* 60: 759–782.
- Research Centre for Gender, Family and Environment in Development (CGFED) and International Pollutants Elimination Network (IPEN). 2017. "Stories of Women Workers in Vietnam's Electronics Industry". *Good Electronics*, 21 November 2017.

- Retail Asia. 2021. "[Intel Pumps Additional \\$475 Mln into Vietnam Facility](#)" *Retail Asia*, 29 January 2021.
- Reuters. 2021. "Taiwan approves \$101 million Pegatron investment in Vietnam", 7 June 2021.
- Salazar-Xirinachs, José M., Irmgard Nübler and Richard Kozul-Wright. 2014. *Transforming Economies: Making Industrial Policy Work for Growth, Jobs and Development*. ILO.
- Samuel, Pritesh. 2022. "[Vietnam Increases Overtime Hours Until Year End](#)" *Vietnam Briefing*, 30 March 2022.
- Samsung Newsroom Viet Nam. 2017. "[29 Vietnamese Enterprises are Tier 1 Suppliers to Samsung](#)", 30 November 2011.
- Shin, Namchul, Kenneth L. Kraemer and Jason Dedrick. 2012. "Value Capture in the Global Electronics Industry: Empirical Evidence for the "Smiling Curve" Concept". *Industry and Innovation* 19 (2): 89–107.
- Stewart, Duncan and Gillian Crossan. 2022. "[Consumer Electronics Sales: During the Pandemic, Computer and TV Sets Outgrew Smartphones](#)". *Deloitte Insights*, 17 February 2022.
- Stracke, Sophie, Nina Lendal and Frederik Johannisson. 2013. *IT Workers Still Pay the Price for Cheap Computers*. DanWatch.
- Tang, Flora. 2019. "[Will Vietnam Challenge China's Manufacturing Leadership in the Electronics Industry?](#)" *Counterpoint Research*, 14 August 2019.
- Thao, Phan. 2019. "[Samsung Employs Nearly 160,000 Vietnamese Employees](#)" *Saigon Online*, 27 February 2019.
- Tien, Thuy. 2021. "[Electronics Exports Boom Driven by FDI](#)". Invest Vietnam, 16 February 2021.
- TMA Solutions. n.d. "Competitiveness of Viet Nam's Engineering Workforce". TMA Solutions white paper.
- Tran, Lam Si, Ngoc Thi Bich Tran, Galina Anzelmovna Barysheva, Binh Thanh Dao, and T. D. Tran. "Domestic Enterprises in Supply Chains of Multinational Corporations: Vietnam Case Study." *International Journal of Supply Chain Management* 9, no. 3 (2020): 357-366.
- UNCTAD (United Nations Conference on Trade and Development). 2019. "Trade in electronic components drives growth in technology goods", 11 March 2019.
- UNIDO (United Nations Industrial Development Organization). 2018. *Global Value Chains and Industrial Development: Lessons from China, South-East and South Asia*.
- UNDP (United Nations Development Programme). 2020. *Preliminary Assessment of the Regulatory Framework on Responsible Business Practice in Viet Nam*.
- Uyen, Nguyen Thi Ngoc and Le Nhat Bao. 2022. "Laws of Protection of Women Rights Against Sexual Harassment in the Workplace". *Journal of Science and Technology Development* 5 (SI2), Special Issue 2: Feminism, Gender and Law.
- Verité. 2014. *Forced Labour In The Production Of Electronic Goods In Malaysia: A Comprehensive Study of Scope and Characteristics*.
- VCCI (Viet Nam Chamber of Commerce and Industry). 2021. "[VCCI to Launch Business Cooperation Council in Response to COVID-19](#)". *Viet Nam Business Forum*, 15 September 2021.
- . 2022. "[Firms Become More Resilient by Promoting Responsible Business and Human Rights](#)" *Viet Nam Business Forum*, 30 June 2022.
- VGCL (Viet Nam General Confederation of Labour). 2021. Decision No. 2606/QĐ-TLĐ of May 2021 and Decision No. 3749/QĐ-TLĐ of December 2021 on support for union members and employees affected by COVID-19.
- . 2022. Internal data on strikes from VGCL.
- Vietnam Plus. 2022a. "[Viet Nam Pins High Hopes on Export of Phones, Components](#)", 5 July 2022.

- . 2022b. "[Electronics Producer Adds Over 305 Mln USD in Investment to Bac Ninh Facility](#)", 3 March 2022.
- Vu, Nam Hoang, Tuan Anh Bui, Tram Bao Hoang and Hanh My Pham. 2022. "Information Technology Adoption and Integration into Global Value Chains: Evidence from Small- and Medium-sized Enterprises in Vietnam". *Journal of International Development* 34(2): 259–286.
- Vy, Nguyen Hoang Lan. 2022. "[Why Viet Nam's Supporting Industry is Vital to Manufacturing](#)" *Vietnam Briefing*, 12 April 2022.
- Workman, Daniel. 2022. "[Cellphone Exports by Country](#)". *World's Top Exports*.

Liên minh Châu Âu đồng tài trợ



[ilo.org](http://ilo.org)

---

Vụ Chính sách ngành  
Tổ chức Lao động Quốc tế  
Route des Morillons 4  
1211 Geneva 22  
Switzerland  
T: +41 22 799 6111  
E: [sector@ilo.org](mailto:sector@ilo.org)